**Bài 1: Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945**

***Hình ảnh lá cờ với màu đỏ tượng trưng cho cách mạng, búa liềm, ngôi sao tượng trưng cho đoàn kết công-nông và Hồng quân Liên Xô đã gợi nhớ về một thời kì lịch sử vinh quang, đầy tự hào của nước Nga Xô viết giai đoạn 1918-1945. Vậy, nước Nga đã trải qua những năm tháng như thế nào trước khi Liên Xô được thành lập? Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô thời kì này có những điểm gì nổi bật?***

**- Tình hình nước Nga trước khi Liên Xô thành lập:**

+ 1918-1920, nhân dân Nga Xô viết phải chiến đấu chống thù trong giặc ngoài.

+ Đất nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

+ Từ tháng 3/1921, bắt đầu thực hiện chính sách kinh tế mới.

**- Những thành tựu Liên Xô đạt được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội:**

+ Về kinh tế: Năm 1937, Liên Xô đã trở thành cường quốc công nghiệp đứng đầu châu Âu và thứ 2 thế giới (sau Mĩ). Công cuộc tập thể hoá nông nghiệp hoàn thành với quy mô sản xuất lớn.

+ Về xã hội: Các giai cấp bóc lột bị xoá bỏ, chỉ còn lại hai giai cấp lao động là công nhân và nông dân tập thể, cùng tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa.

+ Về văn hóa-giáo dục: xoá được nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất, hoàn thành phổ cập Trung học cơ sở ở các thành phố; Đạt nhiều thành tựu trên các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, văn học-nghệ thuật…

**- Những hạn chế của Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội:**

+ Nóng vội, thiếu dân chủ trong quá trình tập thể hoá nông nghiệp;

+ Chưa chú trọng đúng mức đến việc nâng cao đời sống nhân dân,..

1. **Tình hình nước Nga Xô viết trước khi Liên Xô thành lập (1918-1922)**

***Hãy nêu những nét chính về tình hình nước Nga Xô viết trong những năm 1918-1922. Theo em, sự kiện nào quan trọng nhất trong giai đoạn này của lịch sử nước Nga?***

 **Nét chính về tình hình nước Nga Xô viết trong những năm 1918 – 1922:**

+ Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Mười năm 1917, quân đội 14 đế quốc đã câu kết với các thế lực phản cách mạng trong nước mở cuộc tấn công vũ trang vào nước Nga Xô viết.

- Trong bối cảnh đó, chính quyền Xô viết xây dựng lực lượng quân đội đông đảo và thực hiện chính sách Cộng sản thời chiến (1919). Đến năm 1920, cuộc chiến đấu chống thù trong giặc ngoài của nhân dân Nga Xô viết về cơ bản kết thúc thắng lợi.

 Tháng 3/1921, Đảng Bôn-sê-vích quyết định thực hiện Chính sách kinh tế mới (NEP) do Lê-nin đề xướng, với những nội dung cơ bản như:

+ Bãi bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa và thay thể bằng chính sách thu thuế lương thực;

+ Thực hiện tự do buôn bán;

+ Cho phép tư nhân được mở các xí nghiệp nhỏ, khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư kinh doanh ở Nga,…

=> Nhờ thực hiện Chính sách kinh tế mới, nước Nga Xô viết đã từng bước vượt qua khủng hoảng, phục hồi kinh tế và đời sống nhân dân được cải thiện.

- Tháng 12-1922, Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết (gọi tắt là Liên Xô) được thành lập, gồm bốn nước Nga, Bê-lô-rút-xi-a, U-crai-na và Ngoại Cáp-ca-dơ.

***Theo em, sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử nước Nga giai đoạn 1918 – 1922 là***: quá trình chiến đấu và chiến thắng “thù trọng giặc ngoài” (trong những năm 1918 – 1920). Vì: với việc đánh bại lực lượng Bạch vệ và sự can thiệp của các nước đế quốc, nhân dân Nga Xô viết đã bảo vệ được những thành quả của Cách mạng tháng Mười; đồng thời đặt cơ sở và nền tảng cho sự phát triển của đất nước ở những giai đoạn sau.

**Lưu ý:**Học sinh có thể lựa chọn sự kiện khác (theo quan điểm cá nhân) nhưng cần đưa ra được dẫn chứng để giải thích sự lựa chọn của mình.

**2. Liên xô từ năm 1922 đến năm 1945**

***Dựa vào các tư liệu và thông tin trong bài học, hãy nêu những thành tựu của Liên Xô trong giai đoạn 1922-1945. Hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô là gì?***

+ Về kinh tế:

▪ Công nghiệp nặng của Liên Xô đứng thứ nhất châu Âu và đứng hàng thứ hai trên thế giới, vượt Anh, Pháp, Đức (1937).

▪ Hoàn thành tập thể hóa nông nghiệp và cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp.

+ Về văn hóa-giáo dục:

▪ Xoá bỏ nạn mù chữ, phổ cập giáo dục Tiểu học Giáo trên toàn quốc và giáo dục Trung học cơ sở ở các dục thành phố.

▪ Đạt nhiều thành tựu trên các lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.

+ Về xã hội:

▪ Xoá bỏ các giai cấp bóc lột, thành lập khối liên minh công-nông vững chắc, nền tảng của xã hội Xô viết.

▪ Xây dựng thành công nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa, đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

- Hạn chế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô:

+ Mất cân đối giữa công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ, giữa công nghiệp và nông nghiệp;

+ Vi phạm nguyên tắc tự nguyện trong tập thể hoá nông nghiệp,...

 ***Hãy hoàn thành bảng tóm tắt những nội dung chính về tình hình nước Nga và Liên Xô từ năm 1918-1945 theo mẫu dưới đây:***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **1918- 1922** | **1922- 1945** |
| Nội dung chính | - 1918 – 1920, chiến đấu chống thù trong giặc ngoài, bảo vệ thành quả của Cách mạng tháng Mười.- Từ tháng 3/1921, tiến hành chính sách Kinh tế mới (NEP) để khôi phục kinh tế.- Tháng 12/1922, thành lập Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. | - 1922 – 1925, tiếp tục thực hiện chính sách kinh tế mới để khôi phục kinh tế.- 1925 – 1941, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đạt được nhiều thành tựu nhưng cũng còn tồn tại một số hạn chế. |

***Năm 1922, Liên Xô thành lập, trong đó, Nga và U-crai-na là hai nước đóng vai trò quan trọng hàng đầu. Sưu tầm thêm thông tin và hãy cho biết tình trạng quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia này trong giai đoạn hiện nay (đầu thế kỉ XXI).***

- Quan hệ song phương Nga-Ukraine được thiết lập cách đây 30 năm, vào ngày 14/2/1992. Trong hai thập kỷ đầu tiên kể từ năm 1992, Nga và Ukraine tích cực thúc đẩy hợp tác song phương và trao đổi trên tinh thần láng giềng hữu nghị.

- Từ khoảng năm 2014 đến nay, quan hệ ngoại giao giữa Nga và Ucraina có sự chuyển biến từ trạng thái quan hệ sâu sắc sang đối đầu nghiêm trọng. Căng thẳng chính hiện nay trong quan hệ giữa Nga và Ukraine liên quan đến việc Ukraine muốn gia nhập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO); trong khí đó, Nga kiên quyết phản đối Ukraine gia nhập NATO bằng mọi giá.

## Bài 2: Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945

Đứng trước cổng nhà máy đã bị khoá, người thợ tuyệt vọng nhìn vào và tự hỏi: “Khi nào cuộc khủng hoảng sẽ kết thúc?". Hình ảnh này phản ánh tâm trạng chung của người dân Âu Mỹ trước một loạt các biến động của lịch sử diễn ra dồn đập trong thập niên 1930. Vào quãng thời gian giữa hai cuộc chiến lớn của thế kỉ XX, tình hình chính trị, kinh tế của châu Âu và nước Mỹ đã phát triển ra sao? Sự phát triển đó gắn với những biến cố lớn nào của lịch sử?

- Vào quãng thời gian giữa hai cuộc chiến lớn của thế kỉ XX, tình hình chính trị, kinh tế của châu Âu và nước Mỹ đã có nhiều bước phát triển thăng trầm, gắn với những biến cố lớn của lịch sử, như:

+ Cao trào cách mạng 1918 – 1923

+ Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 – 1933

+ Sự xuất hiện và lên cầm quyền của chủ nghĩa phát xít ở một số quốc gia.

**1.Phong trào cách mạng(1918-1923) và sự thành lập Quốc tế Cộng sản**

***Hãy nêu nguyên nhân dẫn đến phong trào cách mạng ở các nước châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Phong trào cách mạng trong thời kì này đã mang đến hệ quả gì?***

+ Ảnh hưởng của Cách mạng thang Mười Nga.

+ Hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất khiến tình hình châu Âu có nhiều thay đổi, như: các nước Anh, Pháp, Đức, ... phải đối mặt với nền kinh tế bị tàn phá, tî lệ thất nghiệp cao, lạm phát tăng vọt, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn, mâu thuẫn xã hội căng thẳng

**- Hệ quả:** sự phát triển của phong trào cách mạng 1918 – 1923 đã đặt ra yêu cầu cần phải thành lập một tổ chức quốc tế để lãnh đạo cách mạng thế giới.

***Hãy trình bày ý nghĩa của việc thành lập Quốc tế Cộng sản (1919) đối với phong trào cách mạng trên thế giới***

Tháng 3-1919, Đại hội thành lập Quốc tế thứ 3 (Quốc tế Cộng sản) được tổ chức tại Mát-xcơ-va. **=> Ý nghĩa:**Sự thành lập của Quốc tế Cộng sản đã đáp ứng yêu cầu của phong trào công nhân lúc bấy giờ, góp phần thúc đẩy sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân ở các nước châu Âu.

***2.Cuộc đại suy thoái kinh tế (1929-1933)***

***Hãy nêu các biểu hiện của cuộc khủng hoảng kinh tế những năm 30 của thế kỉ XX. Tại sao có thể xem cuộc khủng hoảng này có phạm vi ảnh hưởng toàn thế giới.***

+ Tháng 10/1929, cuộc đại suy thoái kinh tế bùng nổ ở Mỹ, sau đó lan rộng ra khắp các châu lục. Cuộc khủng hoảng diễn ra trên tất cả các lĩnh vực: tài chính, công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp…

+ Khủng hoảng kéo dài đến những năm 1933 – 1934, trong đó trầm trọng nhất là năm 1932.

+ Trong thời kì đại suy thoái này, hàng chục triệu người thất nghiệp, nhiều nhà máy, nông trại bị phá sản,... Ở Pháp và Đức, nhiều người hoài nghi sự tồn tại của chế độ cộng hoà.

- Có thể xem cuộc khủng hoảng này có phạm vi ảnh hưởng toàn thế giới, vì: cuộc khủng hoảng bùng nổ đầu tiên ở Mĩ sau đó nhanh chóng lan rộng sang châu Âu và các châu lục khác.

***Các tư liệu 2 3, 2.4 thể hiện những khía cạnh nào của cuộc khủng hoảng?***

 Cuộc đại suy thoái đã khiến kinh tế của các nước bị suy giảm nghiêm trọng; hàng triệu người thất nghiệp; đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn; đời sống chính trị của các nước cũng có nhiều bất ổn…

**3/Sự hình thành chủ nghĩa phát xít ở châu Âu .**

***Chủ nghĩa phát xít ở châu Âu đã hình thành như thế nào?***

- Cuộc đại suy thoái kinh tế những năm 1929-1933 đã tàn phá nặng nề nền kinh tế các nước tư bản ở châu Âu. Một số nước như Anh, Pháp… đã tìm cách thoát ra khỏi khủng hoảng bằng các cải cách kinh tế-xã hội. Trong khi đó, Đức và Italia lại đầy mạnh nỗ lực phát xít hoá bộ máy nhà nước và tăng cường chính sách tái vũ trang phục vụ ý đồ gây chiến tranh, đề “phân chia lại thế giới.

**+ Tại Italia,** chủ nghĩa phát xít hình thành từ sớm. Năm 1919, B. Mút-xô-li-ni thành lập Đảng Quốc gia phát xít. Năm 1922, hàng chục nghìn đội viên phát xít tiến quân chiếm Rô-ma, gây áp lực buộc nhà vua phải dưa Mút-xô-li-ni lên làm Thủ tướng. Năm 1925, chế độ độc tài phát xít được thiết lập, quyền lực tập trung vào B. Mút-xô-li-ni.

**+ Tại Đức**, tháng 1-1933, A. Hit-le, lãnh tụ của Đảng Quốc xã, được bổ nhiệm làm Thủ tướng. Tháng 8-1934, A. Hit-le trở thành Quốc trưởng, xoá bỏ nền cộng hoà, thiết lập chế độ độc tài, tái vũ trang đất nước, chuẩn bị chiến tranh.

+ Năm 1936, liên minh phát xít Đức – Italia ra đời.

***4/ Nước Mỹ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới (1918-1939)***

***Hãy trình bày những nét chính về tình hình nước Mỹ trong giai đoạn 1918-1939.***

- 1918 – 1924, kinh tế Mỹ phát triển nhanh chóng nhưng xen kẽ với khủng hoảng, suy thoái nhẹ. Trong xã hội, tình trạng bất công xã hội, thất nghiệp, thu nhập thấp và phân biệt chủng tộc đối với người da đen vẫn thường xuyên xảy ra.

- 1924 – 1929, kinh tế Mỹ thực sự bước vào giai đoạn phồn vinh, đưa nước Mỹ trở thành trung tâm công nghiệp, thương mại, tài chính quốc tế; tình hình chính trị - xã hội tương đối ổn định.

- 1929 - 1933, Mỹ lâm vào đại suy thoái khiến sản lượng công nghiệp suy giảm nghiêm trọng, hàng nghìn ngân hàng, công ty công nghiệp và thương mại bị phá sản; hàng triệu người bị thất nghiệp, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

- Từ 1932, sau khi lên cầm quyền, Tổng thống P. Ru-dơ-ven đã thực hiện “Chính sách mới” (được gọi là Thoả thuận mới) nhằm giải quyết hậu quả của đại suy thoái

Tư liệu 2.8 (Bức hình Cậu bé di cư tìm việc làm cùng với gia đình ở Ốc-la-hô-ma) đã cho thấy đời sống chính trị-xã hội ở Mỹ không ổn định, khi: tác động của đại suy thoái khiến cho hàng triệu người thất nghiệp; đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.

***Hãy vẽ trục thời gian thể hiện các giai đoạn phát triển kinh tế của các nước châu Âu và nước Mỹ trong những năm 1918-1939. Nêu đặc điểm của từng giai đoạn.***



**Luyện tập 2 trang 16 Lịch Sử 9:**Tại sao từ năm 1936, nền hoà bình châu Âu bị đe doạ?

**-**Từ năm 1936, nền hoà bình châu Âu bị đe doạ do sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít:

+ Lực lượng phát xít đã lên cầm quyền ở nhiều quốc gia như: Đức, Italia,…

+ Các nước phát xít đã tăng cường chạy đua vũ trang phục vụ cho ý đồ gây chiến tranh để “phân chia” lại thế giới.

***Vận dụng trang 16 Lịch Sử 9: Hãy nêu tên một chính sách trong “Thoả thuận mới” của Chính phủ Ru-dơ-ven mà theo em vẫn còn được áp dụng phổ biến ở Mỹ cho đến ngày nay.***

- Ngày 14/8/1935, Tổng thống Ru-dơ-ve đã kí Đạo luật An sinh xã hội. Đạo luật này là một phần trong chương trình “Kinh tế Mới” (New Deal) của ông. Đạo luật An sinh xã hội có hiệu lực từ năm 1936, là nền tảng cho hệ thống an sinh xã hội của Mỹ hiện nay.

## Bài 3: Châu Á từ năm 1918 đến năm 1945

## *Mở đầu trang 17 Bài 3 Lịch Sử 9: Bức hình bên, được chụp vào năm 1931, mô tả sự kiện quân đội Nhật Bản tiến vào vùng Mãn Châu (Trung Quốc), Những chi tiết được phản ánh trong bức ảnh gợi cho chúng ta một câu hỏi lớn: Tại sao quân đội Nhật lại có mặt ở Trung Quốc? Tìm hiểu tình hình châu Á từ năm 1918 đến năm 1945 sẽ giúp chúng ta trả lời được câu hỏi đó.*

Để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng, giới cầm quyền Nhật Bản đã thực hiện phát xít hóa bộ máy cai trị và tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm lược, bành trướng ảnh hưởng ra bên ngoài; trong đó có việc đánh chiếm vùng Đông Bắc của Trung Quốc và sau đó là mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ra toàn lãnh thổ Trung Quốc.

*Dựa vào thông tin trong bài và lược đồ 3.2, hãy xác định những nét chính của tình hình Nhật Bản trong những năm 1918-1945*

**- Giai đoạn 1918 - 1929:**

+ Kinh tế Nhật Bản phát triển xen kẽ với các đợt khủng hoảng, suy thoái ngắn do ảnh hưởng của thiên tai và lạm phát.

+ Các cuộc đấu tranh của công nhân và các tầng lớp nhân dân tiếp tục diễn ra, tiêu biểu là cuộc bạo động gạo năm 1918 lôi kéo 10 triệu người tham gia.

+ Tháng 7-1922, Đảng Cộng sản Nhật Bản được thành lập và trở thành lực lượng lãnh đạo phong trào công nhân

**- Giai đoạn 1929 - 1933:** Nhật Bản lâm vào khủng hoảng do tác động của cuộc đại suy thoái; đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn.



**- Giai đoạn 1933 - 1945:**

+ Nhật Bản thực hiện phát xít hóa bộ máy nhà nước, tích cực chạy đua vũ trang và tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược mở rộng lãnh thổ, như: xâm chiếm Mãn Châu (1931), mở rộng xâm lược Trung Quốc (1937).

+ Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản xâm lược các nước Đông Nam Á, tấn công căn cứ quân sự của Mỹ tại Trân Châu Cảng, mở rộng chiến tranh ra toàn mặt trận châu Á Thái Bình Dương. Từ cuối năm 1944, nhiều thành phố ở Nhật Bản bị tàn phá bởi các cuộc ném bom của Mỹ. Tới 15/8/1945, Nhật Bản buộc phải đầu hàng.

*Hãy nêu những nét chính về phong trào giải phóng dân tộc ở Trung Quốc, Ấn Độ và khu vực Đông Nam Á*

**\* Trung Quốc**

- Để chống lại âm mưu xâu xé Trung Quốc của các nước đế quốc, ngày 4-5-1919, phong trào Ngũ Tứ đã nổ ra ở Bắc Kinh. Phong trào đã nhanh chóng lan rộng ra cả nước, lôi cuốn đông đảo công nhân, nông dân, trí thức yêu nước tham gia.

- Tháng 7-1921, Đảng Cộng sản Trung Quốc được thành lập.

- Trong những năm 1927-1937, ở Trung Quốc đã diễn ra cuộc nội chiến giữa Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản.

- Tháng 7-1937, Nhật Bản mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược nhằm thôn tính toàn bộ Trung Quốc. Trong bối cảnh đó, Quốc Dân đảng và Đảng Cộng sản đã hợp tác để cùng kháng chiến chống Nhật.

**\* Ấn Độ**

- Đảng Quốc đại dưới sự lãnh đạo của Gan-đi đã động viên nhân dân đấu tranh đòi độc lập, tẩy chay hàng hoá của Anh, phát triển kinh tế dân tộc.

- Năm 1925, Đảng Cộng sản Ấn Độ được thành lập, góp phần thúc đẩy nhân dân chống thực dân Anh.

**\* Đông Nam Á**

- Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, phong trào đấu tranh của nhân dân Đông Nam Á phát triển theo hai khuynh hướng tư sản và vô sản.

+ Tiêu biểu cho khuynh hướng tư sản là sự thành lập và hoạt động của Đảng Dân tộc do Ác-mét Xu-các-nô đứng đầu (In-đô-nê-xi-a); hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng và khởi nghĩa Yên Bái (Việt Nam),...

+ Khuynh hướng vô sản xuất hiện từ đầu những năm 20 của thế kỉ XX với sự thành lập của các đảng cộng sản ở In-đô-nê-xi-a (1920), ở Việt Nam, Mã Lai, Xiêm, Phi-lip-pin (1930),...

- Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, nhân dân Đông Nam Á đã thành lập các mặt trận chống phát xít nói chung, tiến hành kháng chiến chống Nhật. Tháng 8-1945, chớp thời cơ Nhật Bản dầu hàng, cách mạng bùng nổ và giành chính quyền thành công tại In-đô-nê-xi-a, Việt Nam

*Dựa vào tư liệu 3.4, hãy cho biết M. Gan-đi (M. Gandhi) đã có hành động gì để chống lại đạo luật hà khắc của thực dân Anh đối với người dân Ấn Độ. Tại sao có thể gọi hành động của ông là “bất bạo động"?*

- Để chống lại đạo luật hà khắc của thực dân Anh đối với người dân Ấn Độ, M. Gan-đi (M. Gandhi) đã tiến hành “Cuộc biểu tình bất bạo động Muối”. Ông đi bộ gần 400 km đến bờ biển phía Tây Ấn Độ để phản đối luật của Anh cấm người Ấn Độ tự thu hoạch muối và trả thuế muối quá cao.

- Có thể gọi hành động của M. Gan-đi là “bất bạo động", vì: trong “cuộc biểu tình Muối”s, M. Gan-đi và Đảng Quốc đại đã vận động quần chúng nhân dân Ấn Độ thực hiện đấu tranh bằng các biện pháp hòa bình, không sử dụng vũ lực.

**Luyện tập 1 trang 20 Lịch Sử 9:**Hãy hoàn thành trục thời gian về tình hình Nhật Bản giữa hai cuộc chiến tranh thế giới theo mẫu dưới đây:

- 1922, Đảng Cộng sản Nhật Bản được thành lập.

- 1927, Kinh tế Nhật Bản lâm vào khủng hoảng.

- 1931, Nhật Bản chiếm vùng Đông Bắc Trung Quốc.

- 1937, Nhật Bản mở rộng cuộc chiến tranh xâm lược ra toàn lãnh thổ Trung Quốc.

- 1940, Nhật Bản công bố thuyết Đại Đong Á để tạo cơ sở cho các hoạt động xâm lược các nước Đông Nam Á.

**Luyện tập 2 trang 20 Lịch Sử 9:**Hãy hoàn thành bảng hệ thống về những phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở châu Á theo mẫu dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phong trào** | **Tên quốc gia** | **Thời gian** | **Đặc điểm chính** |
|   | Phong trào Ngũ Tứ | Trung Quốc | 4-5-1919 | - Mục tiêu: chống lại âm mưu xâu xé Trung Quốc- Quy mô rộng lớn, lôi cuốn nhiều tầng lớp nhân dân tham gia. |
|   | Kháng chiến chống Nhật |   | 1937-1945 | Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc hợp tác để kháng chiến chống Nhật |
|   | Biểu tình Muối | Ấn Độ | 1930 | - Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Quốc đại.- Sử dụng phương pháp “bất bạo động” |
|   | Phong trào giải phóng dân tộc | Các nước Đông Nam Á | 1919 - 1945 | - Phong trào đấu tranh phát triển theo hai khuynh hướng tư sản và vô sản.- Tháng 8-1945, chớp thời cơ Nhật Bản đầu hàng, cách mạng bùng nổ và giành chính quyền thành công tại In-đô-nê-xi-a, Việt Nam. |

**Vận dụng trang 20 Lịch Sử 9:**Trong số các nhà lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á giai đoạn 1918-1945, em thấy ấn tượng với nhà lãnh đạo nào nhất? Hãy giải thích lí do.

- Trong số các nhà lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở châu Á giai đoạn 1918-1945, em ấn tượng nhất với Mahatma Gandhi. Vì:

+ Ông là nhà hoạt động chính trị nổi tiếng, được tôn vinh là “Cha già dân tộc”, có đóng góp to lớn vào thành công của cuộc đấu tranh giành độc lập cho tiểu lục địa Ấn Độ khỏi ách thống trị của thực dân Anh.

+  Trong suốt cuộc đời, ông phản đối các hình thức khủng bố bạo lực. Nguyên lý “bất bạo động” được ông đề xướng có ảnh hưởng tích cực đến các phong trào đấu tranh hòa bình trên thế giới. Bởi thế, ngày sinh của ông, ngày 2-10 đã được Liê hợp quốc chọn là Ngày Quốc tế Bất bạo động.

## Bài 4: Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

**Mở đầu trang 21 Bài 4 Lịch Sử 9:**Bức ảnh bên ghi lại thời điểm thành phố Luân Đôn (Anh) bị máy bay Đức ném bom. Lực lượng không quân Đức ném bom xuống các mục tiêu quân sự cũng như dân sự. Cả khu dân cư đông đúc gần khu vực nhà thờ Xanh Pôn (Saint-Paul) chìm trong biển lửa. Vì sao nhân loại bị đẩy vào cuộc chiến khủng khiếp này? Cuộc chiến đã diễn ra như thế nào? Kết quả của nó tác động đến lịch sử thế giới ra sao?

**Nguyên nhân dẫn đến chiến tranh thế giới thứ hai:**

+ Sự phát triển không đồng đều về kinh tế và chính trị giữa các nước tư bản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa đã làm so sánh lực lượng giữa các nước thay đổi căn bản, khiến cho sự phân chia thế giới theo hệ thống Vécxai - Oasinhtơn không còn phù hợp.

+ Cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, tạo điều kiện cho các thế lực phát xít lên cầm quyền ở Đức, Italia và Nhật Bản. Các thế lực phát xít là thủ phạm gây ra chiến tranh.

+ Chính sách thỏa hiệp, nhượng bộ của các nước phương Tây nhằm chĩa mũi nhọn chiến tranh về phía Liên Xô đã tạo điều kiện cho phe phát xít gây chiến.

**Diễn biến chính:** Chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra trong 6 năm, từ tháng 9/1939 đến tháng 8/1945.

**- Hậu quả:**Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại những hậu quả nặng nề cho nhân loại.

+ Lôi cuốn khoảng 76 quốc gia vào vòng khói lửa

+ Số quân được huy động tham gia vào chiến tranh lên tới 110 triệu người

+ Khiến cho 60 triệu người chết, 90 triệu người bị thương và thiệt hại về vật chất lên tới 4000 tỉ USD.

**1/NGUYÊN NHÂN BÙNG NỔ**

Dựa thông tin trong bài, quan sát tư liệu 4.2, hãy trình bày nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai.

+ Sự phát triển không đồng đều về kinh tế và chính trị giữa các nước tư bản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa đã làm so sánh lực lượng giữa các nước thay đổi căn bản, khiến cho sự phân chia thế giới theo hệ thống Vécxai - Oasinhtơn không còn phù hợp.

+ Cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933 làm sâu sắc thêm những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, tạo điều kiện cho các thế lực phát xít lên cầm quyền ở Đức, Italia và Nhật Bản. Các thế lực phát xít là thủ phạm gây ra chiến tranh.

+ Chính sách thỏa hiệp, nhượng bộ của các nước phương Tây nhằm chĩa mũi nhọn chiến tranh về phía Liên Xô đã tạo điều kiện cho phe phát xít gây chiến.

**2/NHỮNG DIỄN BIẾN CHÍNH**

Hãy trình bày những diễn biến chủ yếu của Chiến tranh thế giới thứ hai.

**- Giai đoạn 1. Chiến tranh bùng nổ và lan rộng ra toàn thế giới (1939-1941)**

+ Sau khi xâm chiếm Ba Lan, tháng 5-1940, quân Đức tổng tấn công ở mặt trận phía Tây với thế áp đảo, chiếm Hà Lan, Bi, Lúc-xăm-bua, Pháp, Đan Mạch và Na uy. Sau đó, Đức cố gắng đánh bại Anh nhưng bất thành. Ở Bắc Phi, phát xít Italia ồ ạt tấn công Ai Cập.

+ Ngày 22-6-1941, Đức tấn công Liên Xô. Trận chiến khốc liệt nhất đã diễn ra ở thành phố Lê-nin-grát và ngoại ô Mát-xcơ-va.

+ Trong lúc Đức đang thắng thế ở châu Âu, Nhật Bản mở rộng xâm lược Trung Quốc, chiếm đóng toàn bộ vùng Đông Nam Á. Ngày 7-12-1941, Nhật Bản bất ngờ cho máy bay tấn công hạm đội Mỹ tại Trân Châu Cảng ở Haoai. Mỹ từ bỏ chính sách biệt lập bắt đầu tham chiến. Chiến tranh lan rộng trên toàn bộ châu Âu, Bắc Phi và vùng châu Á-Thái Bình Dương.

**- Giai đoạn 2. Quân Đồng minh phản công, chiến tranh kết thúc (1942 -1945)**

+ Ngày 1-1-1942, tại Oa-sinh-tơn, 26 quốc gia (đứng đầu là Liên Xô, Mỹ, Anh) đã kí bàn Tuyên ngôn Liên hợp quốc chống chủ nghĩa phát xít. Khối Đồng minh chính thức ra đời.

+ Từ tháng 11-1942 đến tháng 2-1943, Liên Xô phản công và giành thắng lợi quan trọng trong trận Xta-lin-grát. Từ đây, Hồng quân Liên Xô và phe Đồng minh bắt đầu chuyển sang thế tấn công quân phát xít trên khắp các mặt trận.

+ Ở châu Âu:

▪ Tháng 9-1943, phát xít I-ta-li-a đầu hàng.

▪ Ngày 6-6-1944, quân Đồng minh mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu, đổ bộ vào Noóc-măng-đi, giải phóng nước Pháp.

▪ Ở mặt trận phía đông, cuối năm 1944, quân đội Liên Xô đẩy lùi quân Đức ra khỏi lãnh thổ, tiến quân giải phóng các nước Đông Âu, rồi tiến vào Đức.

▪ Từ ngày 16-4 đến ngày 9-5-1945, Hồng quân Liên Xô tiến hành chiến dịch Béc-lin, đánh bại và buộc Đức đầu hàng không điều kiện.

+ Ở mặt trận châu Á -Thái Bình Dương:

▪ Ngày 8-8-1945, Liên Xô tiến đánh hơn 1 triệu quân Nhật tại vùng Đông Bắc Trung Quốc.

▪ Ngày 6 và 9-8-1945, Mỹ ném bom nguyên tử xuống Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki của Nhật.

▪ Ngày 15-8-1945, Nhật Bản đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc

3/HẬU QUẢ

Hãy phân tích những hậu quả của Chiến tranh thế giới thứ hai đối với lịch sử nhân loại.

- Chiến tranh thế giới thứ hai đã gây ra hậu quả nặng nề về sinh mạng và vật chất đối với toàn nhân loại.

+ Lôi cuốn 76 quốc gia vào vòng khói lửa.

+ Khiến hơn 60 triệu người chế, 90 triệu người bị thương.

+ Phá hủy hàng triệu làng mạc, thành phố, nhà máy, xí nghiệp,…

+ Thiệt hại về vật chất ước tính khoảng 4000 tỉ USD, bằng tất cả các cuộc chiến tranh của 1000 năm trước cộng lại.

Nguyên nhân nào đã làm nên thắng lợi của phe Đồng minh trong Chiến tranh thế giới thứ hai? Hãy nêu ý nghĩa của thắng lợi đó?

**- Nguyên nhân thắng lợi**

+ Chiến tranh thế giới thứ hai là cuộc chiến tranh phi nghĩa do phe phát xít gây ra, đồng thời là cuộc chiến tranh chính nghĩa của phe Đồng minh, của các dân tộc bị phát xít chiếm đóng và của các lực lượng tiến bộ trên toàn thế giới.

+ Các dân tộc, toàn thể nhân loại tiến bộ luôn đoàn kết, kiên cường, sát cánh cùng lực lượng Đồng minh chiến đấu vì nền hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội...

+ Tinh thần chiến đấu và ý chí kiên cường của quân đội các nước Đồng minh, đặc biệt là của Hồng quân Liên Xô là một nhân tố quan trọng góp phần làm nên thắng lợi.

**- Ý nghĩa:**

+ Giúp nhân loại thoát khỏi thảm hoạ của chủ nghĩa phát xít, tạo nên bước chuyển biến căn bản của tình hình thế giới sau chiến tranh: sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, tương quan giữa các nước tư bản chủ nghĩa thay đổi,...

+ Tạo điều kiện cho phong trào giải phóng dân tộc, phong trào vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội phát triển.

**Luyện tập 1 trang 26 Lịch Sử 9:**Hãy vẽ trục thời gian thể hiện những sự kiện chính của Chiến tranh thế giới thứ hai theo gợi ý sau:



|  |  |
| --- | --- |
| **Thời gian** | **Sự kiện** |
| Tháng 91939 | Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ |
| Tháng 5/1940 | Phát xít Đức thực hiện tổng tiến công ở mặt trận phía Tây |
| 22/6/1941 | Phát xít Đức tấn công Liên Xô |
| Tháng 7/12/1941 | Nhật Bản tấn công hạm đội Mỹ tại Trân Châu Cảng |
| Tháng 11/1942 | Khối Đồng minh chống phát xít ra đời |
| Tháng 2/1943 | Hồng quân Liên Xô giành chiến thắng tại Xtalingrat |
| 6/6/1944 | Quân Đồng minh mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu, đổ bộ vào Noóc-măng-đi (Pháp) |
| 9/5/1945 | Đức kí hiệp định đầu hàng không điều kiện. |
| 15/8/1945 | Nhật Bản kí hiệp định đầu hàng không điều kiện. |

**Luyện tập 2 trang 26 Lịch Sử 9:**Theo em, đâu là nguyên nhân chính dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai? (Hiệp ước Véc-xai? Hành động của Hit-le hay chính sách nhân nhượng của các nước châu Âu?) Giải thích câu trả lời của em

+ Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, những mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thị trường và thuộc địa tiếp tục nảy sinh.

+ Trong những năm 1918 – 1933, sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị giữa các nước tư bản đã làm cho so sánh lực lượng giữa các nước thay đổi căn bản. Điều này khiến cho sự phân chia thế giới theo hệ thống Vécxai - Oasinhtơn không còn phù hợp. => Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc bị đẩy lên cao, gay gắt.

**Luyện tập 3 trang 26 Lịch Sử 9:**Theo em, có điểm gì tương đồng trong nguyên nhân dẫn đến hai cuộc chiến tranh thế giới ở thế kỉ XX?

- Nguyên nhân sâu xa dẫn đến 2 cuộc chiến tranh thế giới ở thế kỉ XX đều là do: mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về vấn đề thị trường và thuộc địa.

**Vận dụng trang 26 Lịch Sử 9:**Dựa vào kiến thức đã học kết hợp quan sát lược đồ 4.4, hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) để miêu tả lại trận phản công ở Xta-lin-grát.

chiến thắng Xtalingrat của Hồng quân Liên Xô

Ngày 20-11/1942, Phương diện quân Xta-lin-grat bắt đầu những đòn đột kích vào trận địa phòng ngự địch, và đã đẩy quân địch lùi sâu từ 15 - 20km. Ngày 23-11/1942, bằng các cánh vu hồi của các quân đoàn tăng thuộc các phương diện quân Tây Nam và Xta-lin-grat, cụm 22 sư đoàn (330.000 quân) địch đã bị hợp vây. Giai đoạn 1 chiến dịch phản công hoàn thành, từ đây quyền chủ động chiến lược trên cánh Nam mặt trận Xô - Đức (gồm vùng Cap-ca-dơ và Xta-lin-grat) chuyển vào tay quân đội Xô viết. Cuộc công kích tiêu diệt cụm địch bị hợp vây được tiến hành từ 10-1-1943, sau khi tối hậu thư của Hồng quân bị địch bác bỏ. Đến cuối tháng 1 đã chia cắt tập đoàn địch làm hai phần. Ngày 31-1, cụm phía nam do Thống chế Paolut trực tiếp chỉ huy đã đầu hàng. Ngày 2-2, cụm phía Bắc chấm dứt kháng cự. Chiến dịch phản công kết thúc thắng lợi với việc Phương diện quân Sông Đông đã bắt 91.000 địch đầu hàng và tiêu diệt 147.000 tên khác. Chiến thắng Xtalingrat đã đánh dấu bước ngoặt căn bản của chiến tranh thế giới, buộc phát xít phải chuyển từ tấn công sang phòng ngự.

## Chương 2: Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1945

## Bài 5: Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930

1. **Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918-1930**

Hãy trình bày những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ của nhân dân Việt Nam những năm 1918-1930.

- Trong những năm 1918-1930, phong trào dân tộc dân chủ diễn ra mạnh mẽ, với nhiều hình thức đấu tranh phong phú và thu hút sự tham gia của nhiều giai cấp, tầng lớp,

- Giai cấp tư sản đi đầu trong phong trào “chấn hưng nội hoá, bài trừ ngoại hoá" (1919). Phong trào đấu tranh chống tư bản Pháp độc quyền cảng Sài Gòn và độc quyền xuất cảng lúa gạo ở Nam Kỳ (1923) còn có sự tham gia của cả giai cấp địa chủ.

 Tầng tiểu tư sản có nhiều hoạt động đấu tranh sôi nổi, như:

+ Thành lập các các nhà xuất bản tiến bộ, như: Cường học thư xã, Quan hải tùng thư, Nam Đồng thư xã...;

+ Ra báo bằng tiếng Pháp và tiếng Việt, như: Chuông rạn, An Nam trẻ….

+ Một số tổ chức chính trị sơ khai đã ra đời làm nòng cốt trong phong trào yêu nước, như: Thanh niên cao vọng Đảng, Việt Nam nghĩa đoàn, Hội Phục Việt, Đảng Thanh niên,..

+ Tổ chức các phong trào đấu tranh như: đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925), Nguyễn An Ninh (1926), tổ chức đám tang và lễ truy điệu Phan Châu Trinh (1926),...

Tầng lớp trí thức, học sinh, sinh viên,... khởi đầu cuộc đấu tranh bằng việc xuất bản các tờ báo như: Chuông rè, An Nam trẻ,..., lập ra các nhà xuất bản như: Cường học thư xã, Nam đồng thư xã,... để truyền bá tư tưởng yêu nước, tiến bộ. Sau đó, họ lập ra các tổ chức chính trị như Thanh niên cao vọng (1923), Việt Nam Nghĩa đoàn (1925), Hội Phục Việt (1925), Đàng Thanh niên (1926),... làm nòng cốt trong các phong trào đấu tranh yêu nước. Hai cuộc đấu tranh có tiếng vang nhất là đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu (1925) và lễ truy điệu, đề tang Phan Châu Trinh (1926)…

**2. Phong trào công nhân**

Tại sao sự kiện đấu tranh đòi thủ Phan Bội Châu, lễ truy điệu và để tang Phan Châu Trinh lại có ý nghĩa quan trọng đối với phong trào dân tộc dân chủ trong những năm 1918- 1930?

+ Sự kiện này diễn ra trên quy mô rộng lớn, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia;

+ Sự kiện đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu, lễ truy điệu và để tang Phan Châu Trinh cũng góp phần thức tỉnh tinh thần dân tộc và khơi dậy ý chí đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam.

**3.Sự ra đời và hoạt động của các tổ chức cách mạng**

Dựa vào hình 5.3, hãy nêu những nét chính trong phong trào đấu tranh của công nhân từ năm 1919 đến năm 1929.

- **Giai đoạn 1919 - 1925**

+ Phong trào công nhân diễn ra lẻ tẻ, chưa có tổ chức và lãnh đạo thống nhất.

+ Hình thức đấu tranh chủ yếu là phá hợp đồng, bỏ trốn, lãn công nhằm đòi các quyền lợi kinh tế, như tăng lương, giảm giờ làm,...

+ Tiêu biểu là các cuộc đấu tranh của công nhân nhà máy dệt Nam Định, mỏ than Cẩm Phả (Quảng Ninh), nhà máy rượu Hà Nội,...

- **Giai đoạn 1925-1930**

+ Phong trào công nhân nổ ra ở nhiều nơi trên cả nước, có tổ chức và lãnh đạo thống nhất của Công hội và các tổ chức cộng sản.

+ Hình thức đấu tranh chủ yếu là bãi công, ngoài đòi các quyền lợi kinh tế còn có mục đích chính trị rõ ràng, như chống lại ách áp bức, bóc lột của thực dân Pháp và phong kiến, ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

+ Tiêu biểu là các cuộc bãi công của công nhân xưởng đóng tàu Ba Son (Sài Gòn), đồn điền cao su Phú Riềng (Bình Phước), xưởng ô tô A-vi-a (Hà Nội),...

Hãy trình bày những nét chính trong hoạt động của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng và tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng. Theo em, tại sao Việt Nam Quốc dân đảng đã không thể thành công.

**♦ Nét chính trong hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng:**

- Sự ra đời: được thành lập vào tháng 12-1927 trên cơ sở hạt nhân là một số thành viên của Nam Đổng thư xã như: Nguyễn Thái Học, Phó Đức Chính....

- Lực lượng tham gia: tư sản dân tộc, binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp, viên chức, học sinh, thân hào, thân sĩ ở nông thôn,...

- Khuynh hướng chính trị: cách mạng dân chủ tư sản

- Mục tiêu đấu tranh: đánh đuổi giặc Pháp, thiết lập dân quyền bằng phương pháp bạo động, ám sát cá nhân.

- Hoạt động tiêu biểu: tổ chức cuộc khởi nghĩa Yên Bái (tháng 2/1930)

- Thất bại của khởi nghĩa Yên Bái và sự tan rã nhanh chóng của Việt Nam Quốc dân đảng cho thấy khuynh hướng dân chủ tư sản đã hoàn toàn bất lực trước nhiệm vụ cứu nước.

**♦ Nét chính trong hoạt động của Tân Việt cách mạng Đảng:**

- Sự ra đời: Tiền thân là Hội Phục Việt (ra đời trong phong trào dân tộc dân chủ đầu những năm 20 của thế kỉ XX). Đến tháng 7/1928, Hội Phục Việt đổi tên thành Tân Việt Cách mạng đảng.

- Phạm vi hoạt động: chủ yếu ở Trung Kì

- Lực lượng tham gia: chủ yếu gồm: trí thức trẻ, thanh niên, tư sản yêu nước.

- Khuynh hướng chính trị: ban đầu, đảng này theo khuynh hướng dân chủ tư sản, nhưng về sau đã chuyển dẫn sang khuynh hướng vô sản dưới ảnh hưởng của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

- Hoạt động chính:

+ Giới thiệu các sách báo yêu nước tiến bộ, góp phần truyền bá chủ nghĩa Mác-Lê-nin ở trong nước;

+ Tổ chức một số cuộc đấu tranh của học sinh, tiểu thương và công nhân,...

+ Nhiều đảng viên cũng được cử sang dự các lớp huấn luyện của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

**♦ Nguyên nhân khiến hoạt động của Việt Nam Quốc dân đảng không thành công:**

**- Nguyên nhân khách quan:** Thực dân Pháp còn mạnh và tăng cường đàn áp, khủng bố các hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng.

**- Nguyên nhân chủ quan:**

+ Giai cấp tư sản Việt Nam số lượng ít, thực lực kinh tế nhỏ yếu, thái độ chính trị non kém.

+ Cuộc khởi nghĩa Yên Bái nổ ra trong tình thế bị động, lúng túng, không có sự chuẩn bị

+ Tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng còn non yếu, tôn chỉ mục đích chưa rõ ràng, chưa lôi kéo và tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân đi theo.

**Luyện tập 1 trang 29 Lịch Sử 9:**Hãy hoàn thành bảng tóm tắt về những sự kiện lịch sử tiêu biểu của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918- 1930 theo mẫu dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung sự kiện** |
| 1919 | Tư sản Việt Nam tổ chức cuộc tẩy chay tư sản Hoa kiều, vận động người Việt Nam mua hàng của người Việt Nam. |
| 1923 | Một nhóm tư sản ở Nam Kì thành lập Đảng Lập hiến và tổ chức phong trào đấu tranh chống độc quyền cảng Sài Gòn. |
| 1923 | Tại Quảng Châu (Trung Quốc), một số trí thức tiểu tư sản Việt Nam đã thành lập tổ chức Tâm tâm xã. |
| Tháng 8/1925 | Công nhân xưởng đóng tàu Ba Son tổ chức bãi công. |
| 1927 | Tại Hà Nội, tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng được thành lập. |
| 1928 | Tân Việt Cách mạng đảng ra đời trên cơ sở của Hội Phục Việt. |
| Tháng 2/1930 | Việt Nam Quốc dân đảng tổ chức cuộc khởi nghĩa Yên Bái nhưng thất bại. |

**Luyện tập 2 trang 29 Lịch Sử 9:**Theo em, điểm giống và khác nhau của tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng và tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng là gì?

**♦ Điểm giống nhau:**

- Là những tổ chức yêu nước, hoạt động ở Việt Nam trong những năm 20 của thế kỉ XX.

- Hoạt động yêu nước, cách mạng nhằm hướng tới mục tiêu cao nhất là: đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc.

- Đi theo khuynh hướng dân chủ tư sản

**♦ Điểm khác biệt**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Việt Nam Quốc dân đảng** | **Tân Việt cách mạng đảng** |
| Thời gian |  | - Từ tháng 12/1927 đến tháng 2/1930 | - Từ tháng 7/1928 đến tháng 9/1929 |
| Lãnh đạochủ chốt |  | - Nguyễn Thái Học- Phó Đức Chính- Phạm Tuấn Tài | - Đào Duy Anh- Đặng Thai Mai- Tôn Quang Phiệt. |
| Khuynh hướng |  | - Khuynh hướng dân chủ tư sản | - Ban đầu theo khuynh hướng dân chủ tư sản.- Về sau, có sự phân hóa nội bộ. Một bộ phận đảng viên đi theo con đường cách mạng vô sản. |
| Phương pháp cách mạng |  | - Bạo động vũ trang, nặng về ám sát, khủng bố cá nhân.- Ít chú trọng đến tuyên truyền cách mạng và gây dựng cơ sở trong quần chúng. | - Phổ biến sách báo tiến bộ- Tuyên truyền tư tưởng cách mạng cho nhân dân |
| Địa bànhoạt động |  | - Chủ yếu ở Bắc Kì | - Chủ yếu ở Trung Kì |
| Kết cục |  | - Chấm dứt vai trò cùng với sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái (tháng 2/1930) | - Năm 1929, có sự phân hóa nội bộ. Một bộ phận đảng viên đã thành lập Đông Dương cộng sản liên đoàn. |

**Vận dụng trang 29 Lịch Sử 9:**“Không thành công cũng thành nhân” là câu nói nổi tiếng phản ánh tư tưởng của Nguyễn Thái Học. Em hiểu câu nói đó như thế nào? Hiện nay, câu nói này có còn giá trị không? Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) chia sẻ quan điểm đó của em.

**-**“Không thành công cũng thành nhân” là câu nói nổi tiếng phản ánh tư tưởng của Nguyễn Thái Học. Câu nói này được hiểu là: tinh thần luôn nỗ lực, cống hiến hết mình để hoàn thành nhiệm vụ/ sứ mạng (cho dủ kết quả cuối cùng chưa đạt được đúng như sự kì vọng).

- Hiện nay, câu nói này vẫn còn nguyên giá trị.

- Đoạn văn tham khảo về tinh thần cống hiến

“Đừng hỏi Tổ quốc đã làm gì cho ta
Mà hãy hỏi ta đã làm gì cho Tổ quốc hôm nay"

Câu hát đã gợi cho ta nhiều suy ngẫm về sự cống hiến của thế hệ trẻ ngày nay. Vậy sự cống hiến là gì và vai trò của nó là gì?

Cống hiến là sự hy sinh bản thân, là dốc lòng đóng góp công sức vào việc chung của tập thể, cộng đồng. Đối với thời đại hiện nay, sự cống hiến của các thế hệ, đặc biệt là của thế hệ trẻ là vô cùng quan trọng. Ta có thể thấy được sự cống hiến của thế hệ trẻ ở mọi lúc mọi nơi. Trong thời chiến, họ là những thanh niên xung phong xả thân mình vì độc lập tự do của Tổ quốc. Trở lại thời bình, thế hệ trẻ lại miệt mài học tập, rèn luyện đem lại những tấm huy chương sáng giá, không ngừng khám phá, tìm tòi sáng tạo những cái mới góp phần xây dựng đất nước. Tất cả những sự cống hiến ấy thật cao đẹp và có ý nghĩa thật sâu sắc. Việc làm ấy không chỉ giúp thế hệ trẻ có những hiểu biết sâu rộng, làm nền tảng để bước vào tương lai, thể hiện một phong cách sống cao đẹp mà còn giúp đất nước ngày càng phát triển, hòa nhập với thế giới một cách bình đẳng, khẳng định vị thế trước toàn thế giới.

Chính vì những lợi ích to lớn như vậy mà thế hệ trẻ phải biết cách gìn giữ và phát huy hơn nữa, cống hiến nhiều hơn nữa để giúp đất nước ngày càng phát triển. Song, bên cạnh việc thế hệ trẻ biết cống hiến cho đất nước thì một số bạn trẻ khác lại chỉ biết mưu cầu lợi ích riêng, không biết cống hiến, hay lười nhác, ỷ lại ta phải lên án những hành động ích kỷ đó và bài trừ nó để xã hội được phát triển tốt hơn.

Việc cống hiến của thế hệ trẻ đối với đất nước là vô cùng quan trọng và là một hành động cao đẹp. Là học sinh, là thế hệ trẻ của đất nước, tôi cũng như các bạn hãy học tập, rèn luyện bản thân để góp một phần nhỏ bé của mình cống hiến cho quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh.

## Bài 6: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập

## Đảng Cộng sản Việt Nam

Mang trong mình khát vọng giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đã đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm ra con đường cách mạng đúng đắn - con đường cách mạng vô sản. Người khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường Cách mạng Tháng Mười Nga (1917)

Vai trò: Người tìm thấy ra con đường đúng đắn giải phóng đất nước khỏi ách đô hộ của thực dân sau gần mười năm tìm kiếm, vận dụng sáng tạo lý luận Mác - Lênin,  tiếp tục học tập để bổ sung hoàn thiện tư tưởng cứu nước, đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam nhằm chuẩn bị các tiền đề về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời chính đảng tiên phong ở Việt Nam, chủ trì Hội nghị thống nhất ba tổ chức cộng sản ở Đông dương thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

### **Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918 – 1930**

***Câu hỏi:****Dựa vào sơ đồ 6.4, hãy nêu những nét chính về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918-1930*

*Đọc tư liệu 6.3 và 6.5, hãy cho biết trong giai đoạn 1919 - 1930, Nguyễn Ái Quốc đã có những chuyển biến gì trong tư tưởng và hình thức đấu tranh cách mạng.*

– Đầu năm 1919, Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp

– Tháng 6/1919, Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vecxai Bản yêu sách của nhân dân An Nam, đòi các tự do, dân chủ, quyền bình đẳng cho dân tộc. Người kết luận: Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình.

– Giữa tháng 7/1920, khi đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Đây là cái cần thiết cho chúng ta. Đây là con đường giải phóng cho chúng ta”.

– Tháng 12/1920, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Sự kiện này đánh dấu bước ngoặt quyết định trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.

– Nguyễn Ái Quốc tích cực chuẩn bị điều kiện về tư tưởng chính trị và tổ chức cho sự thành lập Đảng Cộng sản ở Việt Nam.

–  Nguyễn Ái Quốc lựa chọn một số thanh niên trong Tâm tâm xã để tổ chức thành nhóm Cộng sản đoàn (2/1925) làm nòng cốt để thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên (6-1925) nhằm chuẩn bị điều kiện tiến tới thành lập Đảng Cộng sản; xuất bản báo Thanh niên để tuyên truyền tư tưởng cách mạng cho quần chúng.

– Nguyễn Ái Quốc mở nhiều lớp huấn luyện đào tạo cán bộ. Từ năm 1925 đến năm 1927 đã đào tạo được 75 người. Những bài giảng của Người được xuất bản thành cuốn Đường kách mệnh (1927).

– Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập Hội nghị hợp nhất các nhóm cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Người soạn thảo ra Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (bao gồm Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt), được Hội nghị thông qua.

Sự chuyển biến: Khi đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất về luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã xác định được con đường giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản, mở đường giải quyết tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước đầu thế kỷ XX.

### **2. Sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam**

Câu hỏi: Dựa vào sơ đồ 6.6 và thông tin trong bài, hãy trình bày quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Tại sao sự kiện này có ý nghĩa quan trọng đối với lịch sử dân tộc?

Đọc tư liệu 6.8 và thông tin trong bài, hãy rút ra nhận xét của em về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 3/1929, chi bộ cộng sản đầu tiên tại Việt Nam được thành lập

Tháng 6-9/1929, xuất hiện 3 tổ chức cộng sản: Đông Dương Cộng sản đảng, An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn

6-1 đến 7-2-1930, Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

24-2-1930, Đông Dương Cộng sản liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam

**Ý nghĩa của việc thành lập Đảng:**

- Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp của nhân dân Việt Nam. Đảng là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác – Lênin và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

- Bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử Việt Nam. Từ đây, cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam được đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của chính đảng duy nhất, có đường lối cách mạng khoa học và sáng tạo, có tổ chức chặt chẽ, có đội ngũ cán bộ đảng viên kiên trung nguyện suốt đời hy sinh cho lý tưởng Đảng, vì độc lập dân tộc và tự do cho nhân dân.

- Chấm dứt tình trạng khủng hoảng về lãnh đạo cách mạng kéo dài mấy chục năm đầu thế kỷ XX. Từ đây cách mạng Việt Nam bước lên một con đường mới, con đường đấu tranh giành độc lập dân tộc và hướng tới chủ nghĩa xã hội.

- Đảng cộng sản Việt Nam ra đời chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng. Phong trào công nhân Việt Nam từ đây hoàn toàn trở thành một phong trào tự giác.

- Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có ý nghĩa quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt tiếp theo của lịch sử dân tộc Việt Nam. Đó là nhân tố hàng đầu đảm bảo mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

- Sự lãnh đạo của đảng làm cho cách mạng Việt Nam thực sự trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới. Từ đây nhân dân Việt Nam tham gia vào sự nghiệp cách mạng thế giới một cách có tổ chức.

Vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam:

– Mở ra con đường để giải quyết tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước đầu thế kỷ XX (xác định được con đường cứu nước mới).

– Chuẩn bị điều kiện cho sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam, là sự chuẩn bị điều kiện về tư tưởng chính trị, tổ chức cho sự thành lập Đảng cộng sản Việt Nam về sau.

– Quyết định thành công của Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam, chấm dứt tình trạng khủng hoảng về lãnh đạo cách mạng.

### **LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Hãy hoàn thành niên biểu về hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1918-1930 theo mẫu dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động** |
| 1919 | Nguyễn Ái Quốc gia nhập Đảng Xã hội Pháp  |
| Tháng 6/1919 | Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Vecxai Bản yêu sách của nhân dân An Nam, đòi các tự do, dân chủ, quyền bình đẳng cho dân tộc.  |
| Giữa tháng 7/1920 | Đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I. Lênin, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: “Đây là con đường giải phóng cho chúng ta”. |
| Tháng 12/1920 | Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. |
| 1921 | Nguyễn Ái Quốc cùng với một số người yêu nước của các nước trong khối thuộc địa Pháp thành lập Hội liên hiệp thuộc địa. Cơ quan ngôn luận là báo Người cùng khổ |
| 6-1925 | Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên |
| 1925 đến năm 1927 | Nguyễn Ái Quốc mở nhiều lớp huấn luyện đào tạo cán bộ, xuất bản cuốn Đường kách mệnh (1927). |
| Đầu năm 1930 | Nguyễn Ái Quốc chủ động triệu tập Hội nghị hợp nhất các nhóm cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Người soạn thảo ra Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (bao gồm Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt), được Hội nghị thông qua. |

**Câu 2:**Em có đồng ý với nhận định: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời chấm dứt thời kì cách mạng Việt Nam khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo và đường lối cứu nước? Tại sao?

Đồng ý.

* Nhưng ba tổ chức lại hoạt động riêng rẽ với nhau, làm cho lực lượng và sức mạnh của cách mạng bị phân tán.
* Yêu cầu bức thiết của cách mạng là cần có một Đảng thống nhất lãnh đạo.
* Đảng đã có Cương lĩnh chính trị xác định đúng đắn con đường cách mạng là giải phóng dân tộc theo phương hướng cách mạng vô sản, chính là cơ sở để Đảng Cộng sản Việt Nam vừa ra đời đã nắm được ngọn cờ lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam; giải quyết được tình trạng khủng hoảng về đường lối cách mạng, về giai cấp lãnh đạo cách mạng diễn ra đầu thế kỷ XX.

### **VẬN DỤNG**

Câu hỏi: Hãy sưu tầm thông tin về các nhân vật lịch sử đã tham dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Hương Cảng (Trung Quốc) đầu năm 1930. Sau đó, viết đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) giới thiệu về nhân vật lịch sử mà em ấn tượng nhất.

Hội nghị hợp nhất ba tổ chức Cộng sản họp tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Tham gia Hội nghị có các đồng chí Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh (đại biểu Đông Dương Cộng sản Đảng); Nguyễn Thiệu, Châu Văn Liêm (đại biểu An Nam Cộng sản Đảng). Đại biểu Đông Dương Cộng sản Liên đoàn không đến kịp.

Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh, người con ưu tú của quê hương Thái Bình giàu truyền thống yêu nước và cách mạng, sinh ra trong một gia đình nhà nho giàu truyền thống yêu nước. Thời niên thiếu, Nguyễn Đức Cảnh kết bạn với những thanh niên yêu nước như Nguyễn Danh Đới, Đặng Xuân Khu (Trường Chinh), Nguyễn Văn Năng, Đặng Xuân Thiều. Nguyễn Đức Cảnh và các bạn rất say sưa tìm hiểu và kính trọng những hoạt động chống Pháp của các cụ Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Cuối năm 1925 đầu năm 1926, cả nước dấy lên phong trào đòi thả cụ Phan Bội Châu và tổ chức làm lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh. Ở Nam Định, Ban tổ chức lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh do các cụ nhà nho đứng ra tiến hành, lực lượng nòng cốt tham gia bao gồm công nhân và học sinh. Tham gia Ban lãnh đạo bãi khoá của học sinh hưởng ứng lễ truy điệu cụ Phan Chu Trinh có: Nguyễn Đức Cảnh, Đặng Xuân Khu và Nguyễn Khắc Lượng. Sau hoạt động tham gia bãi khóa, Nguyễn Đức Cảnh bị đuổi học. Nguyễn Đức Cảnh lên Hà Nội kiếm việc làm, tự nuôi sống mình và tìm đường đến với cách mạng. Nguyễn Đức Cảnh xin vào làm thư ký cho hiệu ảnh, dạy học và gia nhập hàng ngũ công nhân bằng cách trực tiếp lao động làm thợ sắp chữ ở nhà in Mạc Đình Tư. Năm 1927, khi còn là thợ sắp chữ ở nhà in Lê Văn Tân, là một thanh niên yêu nước đang khát khao đi tìm lý tưởng, Nguyễn Đức Cảnh đã tìm đến và gia nhập nhóm "Nam Đồng thư xã", tổ chức này sau phát triển thành tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng. Tháng 9 năm 1927, Nguyễn Đức Cảnh và Lý Hồng Nhật sang Quảng Châu (Trung Quốc), gặp Tổng bộ "Thanh niên" để thực thi nhiệm vụ mà Quốc dân đảng giao cho. Đến Quảng Châu, Nguyễn Đức Cảnh và Lý Hồng Nhật không gặp được đồng chí Nguyễn Ái Quốc nhưng vẫn kịp dự lớp học chính trị của Tổng bộ Hội Việt Nam thanh niên cách mạng do Hồ Tùng Mậu huấn luyện. Qua học tập, cả hai đều dứt khoát ly khai tổ chức Quốc dân đảng, tự nguyện gia nhập Hội Việt Nam thanh niên cách mạng, chuyển từ lập trường Quốc dân đảng sang lập trường Cộng sản. Đây là bước ngoặt quyết định trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Nguyễn Đức Cảnh. Ngày 3 tháng 2 năm 1930, tại một địa điểm ở Cửu Long (Trung Quốc) đã diễn ra Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Đức Cảnh được giới thiệu vào Trung ương nhưng đã đề cử đồng chí Trần Văn Lan. Tháng 5/1930, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh được Trung ương cử làm Bí thư Xứ ủy Bắc kỳ. Cuối tháng 10/1930, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh được Trung ương cử vào tham gia Xứ ủy Trung kỳ. Hội nghị toàn thể Xứ ủy đã bầu đồng chí vào Ban Thường vụ Xứ ủy và phân công phụ trách công tác tuyên huấn.  Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh bị địch bắt tại Vinh, bị giam ở nhà tù Hoả Lò (Hà Nội). Trong nhà tù đế quốc, đồng chí vẫn tích cực hoạt động cách mạng.  Ngày 31/7/1932, đồng chí Nguyễn Đức Cảnh bị kẻ địch xử chém tại Hải Phòng cùng đồng chí Hồ Ngọc Lân, khi đồng chí 24 tuổi. Đồng chí Nguyễn Đức Cảnh là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là người tận trung với nước, tận hiếu với dân, nêu cao tấm gương chói ngời phẩm chất, khí tiết và đạo đức người chiến sỹ cộng sản của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam

Bài 7: Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939

**Câu hỏi:** Bức tranh vẽ cuộc biểu tình của nông dân ngày 12-9-1930 ở Nghệ An và bức ảnh chụp cuộc mít tinh ngày 1-5 – 1938 của đông đảo quần chúng nhân dân ở Hà Nội đã phản ánh hai sự kiện tiêu biểu trong phong trào cách mạng Việt Nam giai đoạn 1930 – 1931 và 1936 – 1939. Vậy, những nét chủ yếu của phong trào cách mạng đó là gì? Phong trào đã diễn ra như thế nào?

Tháng 5/1930, phong trào của công nhân phát triển thành cao trào. Ngày 1 – 5 – 1930 lần đầu tiên nhân dân Việt Nam kỉ niệm ngày Quốc tế Lao động. Khắp nơi diễn ra các hình thức đấu tranh để kỉ niệm như mít tinh, biểu tình, bãi công, bãi khoá, bãi thị, treo cờ đỏ búa liềm, rải truyền đơn, căng khẩu hiệu… Tiêu biểu nhất là cuộc đấu tranh của 5000 công nhân và nông dân khu vực thành phố Vinh, đòi tăng tiền lương, bớt giờ làm, chống sưu thuế…

Cuộc biểu tình ngày 12/9/1930 của nông dân Hưng Nguyên (Nghệ An) kéo đến huyện lị, phá nhà lao, đốt huyện đường, vậy lính khố xanh, ủng hộ cuộc bãi công của công nhân Bến Thuỷ.

=> Phong trào cách mạng đầu tiên do Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo. Đó là một phong trào cách mạng triệt để, diễn ra trên quy mô rộng lớn, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú và quyết liệt. Đây là một bước phát triển nhảy vọt về chất so với những phong trào yêu nước trước kia.

### **1. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao Xô viết Nghệ - Tĩnh**

**Câu hỏi:** Dựa vào lược đồ 7.3, tư liệu 7.4 và thông tin trong bài, hãy trình bày những nét chính của phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh. Tại sao Xô viết Nghệ - Tĩnh lại được coi là đỉnh cao của phong trào cách mạng giai đoạn 1930-1931?

– Trong các tháng 9 và 10 – 1930, trước khí thế cách mạng của quần chúng, bộ máy chính quyền địch ở nhiều nơi tan rã

– Tại Nghệ An, Xô viết ra đời tháng 9/1930. Ở  Hà Tĩnh, Xô viết hình thành cuối năm 1930 đầu năm 1931, thực hiện nhiều chính sách tiến bộ:

+ Về chính trị: Nông hội không thừa nhận bộ máy chính quyền của thực dân, phong kiến và những luật lệ do chúng đặt ra để kìm kẹp, bóc lột nhân dân, thực hiện các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân như tự do hội họp, tự do đi học, nam nữ bình quyền.., trấn áp bọn phản động làm tay sai cho thực dân Pháp, giao nhiệm vụ giữ gìn trật tự trị an và bảo vệ cách mạng cho các Đội tự vệ đỏ...

+ Về kinh tế: Chia ruộng đất công, tiền, lúa công cho dân cày nghèo, bãi bỏ các thứ thuế vô  lý; chú trọng đắp đê phòng lụt, tư sửa cầu cống, đường giao thông; tổ chức giúp đỡ nhau sản xuất.

+ Về văn hóa - xã hội: bài trừ các hủ tục lạc hậu, cấm hút thuốc phiện, uống rượu, đánh bạc… giáo dục, trừng trị bọn lưu manh trộm cắp, mở những lớp dạy chữ quốc ngữ, tổ chức nhân dân giúp đỡ lẫn nhau, xây dựng nếp sống mới

– Xô viết Nghệ – Tĩnh là mẫu hình chính quyền cách mạng đầu tiên ở Việt Nam, một chính quyền nhà nước của dân, do dân, vì dân. Các Xô viết được thành lập và thực thi những chính sách tiến bộ chứng tỏ rằng Xô viết Nghệ – Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931.

### **2. Phong trào dân chủ 1936 – 1939**

**Câu hỏi:** Dựa vào thông tin trong bài, hãy xây dựng một đường thời gian về diễn biến chính của phong trào dân chủ giai đoạn 1936-1939. Đọc tư liệu 7.8 và thông tin trong bài, hãy rút ra ý nghĩa của phong trào.

Những bằng chứng lịch sử nào cho thấy phong trào đã huy động thành công sức mạnh của đông đảo quần chúng nhân dân?

– Phong trào đấu tranh tự do, đòi dân sinh, dân chủ:

+ Các cuộc mít tinh, biểu tình của nhân dân diễn ra sôi nổi

+ Nhiều hình thức tổ chức quần chúng ra đời như Hội cứu tế bình dân, Hội truyền bá Quốc ngữ.

+ Ngày 1/5/1938, lần đầu tiên trong ngày quốc tế lao động nhiều cuộc mít tinh được tổ chức ở Hà Nội, Sài Gòn và nhiều nơi khác, thu hút đông đảo quần chúng tham gia.

– Phong trào đấu tranh nghị trường:

+ Đảng Cộng sản Đông Dương vận động đưa người của Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra ứng cử vào các cơ quan: Viện Dân biểu Trung Kì (1937), Viện Dân biểu Bắc Kì, Hội đồng Kinh tế lí tài Đông Dương (1938) và Hội đồng Quản hạt Nam Kì (1939).

– Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí:

+ Đảng Cộng sản  Đông Dương đã xuất bản nhiều tờ báo công khai: Tiền phong, Dân chúng, Lao động, Tin tức…, tuyên truyền, vận động quần chúng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

+ Nhiều tác phẩm văn học hiện thực phê phán được xuất bản: Tắt đèn, Bước đường cùng…

+ Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực báo chí giúp cho quần chúng nhân dân được giác ngộ về  đường lối cách mạng.

### **LUYỆN TẬP**

**Câu hỏi**: Dựa vào nội dung bài học, hãy hoàn thành bảng hệ thống kiến thức về phong trào cách mạng 1930 - 1931 và phong trào dân chủ 1936 – 1939 theo mẫu dưới đây:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tên phong trào | Lãnh đạo | Lực lượng | Hình thức | Quy mô | Ý nghĩa |
| Phong trào cách mạng 1930 – 1931 | Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo.Các chi bộ đảng, Ban Chấp hành Nông hội ở thôn, xã  | Tiểu tư sản, tri thức, chủ yếu công nhân - nông dân | Bí mật, bất hợp pháp | Chủ yếu ở nông thôn, các trung tâm công nghiệp | - Phong trào cách mạng đầu tiên do Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo. Đó là một phong trào cách mạng triệt để, diễn ra trên quy mô rộng lớn, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú và quyết liệt. Đây là một bước phát triển nhảy vọt về chất so với những phong trào yêu nước trước kia.- Đây là bước thắng lợi đầu tiên có ý nghĩa quyết định đến tiến trình phát triển về sau của cách mạng Việt Nam. Nếu không có phong trào cách mạng 1930 – 1931, trong đó quần chúng công, nông đã vung ra một nghị lực cách mạng phi thường thì không thể có thắng lợi của phong trào dân chủ 1936 – 1939 và Cách mạng Tháng Tám. |
| Phong trào dân chủ 1936-1939 | Đảng Cộng sản Việt Nam | Các tầng lớp nhân dân, không phân biệt giai cấp, tôn giáo | Kết hợp hợp pháp, nửa hợp pháp; công khai, nửa công khai | Chủ yếu ở thành thị | - Là một phong trào cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, diễn ra trên quy mô rộng lớn, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia, với những hình thức tổ chức và đấu tranh phong phú; buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách về dân sinh, dân chủ. |

### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:** Bàn về bài học lịch sử của phong trào Mặt trận Dân chủ 1936-1939, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng". Em có đồng ý với nhận định trên không?

Đồng ý. Bài học xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, rút kinh nghiệm thực tiễn: mọi việc đều xuất phát từ nguyện vọng chính đáng của nhân dân, dựa vào dân, phát huy sức mạnh đoàn kết của toàn dân. Bác đã nhận rõ vai trò, sức mạnh của đoàn kết, của quần chúng nhân dân và vận dụng đúng đắn vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

**Bài 8: Cách mạng tháng Tám năm 1945**

- Khởi nghĩa từng phần (tháng 3/1945 đến giữa tháng 8/1945)

- Tổng khởi tháng Tám năm 1945

Nguyên nhân thắng lợi: Chiến thắng của quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít tạo cơ hội thuận lợi cho nhân dân Việt Nam đứng lên Tổng khởi nghĩa, truyền thống yêu nước nồng nàn, có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chí Minh, đã đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo. Đảng đã có quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo, rút kinh nghiệm qua thực tiễn đấu tranh

Ý nghĩa: Mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do, kỉ nguyên nhân dân nắm chính quyền, làm chủ đất nước, chấm dứt chế độ phong kiến, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cổ vũ các dân tộc thuộc địa trong cuộc đấu tranh tự giải phóng; có ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng Lào và Campuchia

### **1. Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp – Nhật Bản**

**Câu hỏi:** Dựa vào các tư liệu 8.2, 8.3, 8.4 và thông tin trong bài, hãy nêu những nét chính của tình hình Việt Nam dưới ách thống trị của Pháp và Nhật Bản.

Quan sát tư liệu 8.1, hãy giải thích thế nào là tình cảnh “một cổ hai tròng mà nhân dân ta phải chịu đựng.

Tình hình kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa - xã hội ở Việt Nam rất phức tạp, mâu thuẫn giai cấp và dân tộc ngày càng sâu sắc thêm. Nhân dân ta đã đứng lên đấu tranh chống lại phát xít Nhật và thực dân Pháp, đòi lại quyền tự do, độc lập cho dân tộc. Tuy nhiên, Nhật và Pháp đã cấu kết với bè lũ tay sai, dùng các thủ đoạn dã man, tàn ác, kể cả thủ đoạn “trói buộc vǎn hoá và giết chết vǎn hoá Việt Nam” để thực hiện mưu đồ xâm lược của chúng.

Tình cảnh “một cổ hai tròng” xuất phát từ dòng lịch sử, tháng 9-1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Tháng 6-1940, Pháp đầu hàng phát xít Đức. Lợi dụng cơ hội này, cuối tháng 9-1940, phát xít Nhật kéo quân vào Đông Dương. Việt Nam trải cảnh một cổ hai tròng khi Nhật ép Pháp nhường quyền cai trị để bóc lột Đông Dương nhằm đáp ứng các yêu cầu chiến tranh mà một đế quốc sắp bại trận phải đối mặt.

### **2. Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền**

**Câu hỏi:**Hãy xây dựng niên biểu về những sự kiện chính trong quá trình chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân Việt Nam.

Đọc tư liệu 8.6, 8.7, hãy lí giải vì sao Mặt trận Việt Minh lại thu hút được sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân.

|  |  |
| --- | --- |
| Thời gian | Sự kiện |
| Chuẩn bị lực lượng chính trị | Xây dựng, phát triển Việt Minh |
| Đến năm 1942 khắp các châu ở Cao Bằng đều có Hội cứu quốc trong đó có 3 châu “hoàn toàn”. Trên cơ sở đó, Uỷ ban Việt Minh tỉnh Cao Bằng và Uỷ ban Việt Minh lâm thời Liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng được thành lập. |
| Tháng 2 – 1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng vạch ra kế hoạch cụ thể về công việc chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang.  |
| Chuẩn bị lực lượng vũ  trang | Bước sang năm 1941 những đội du kích ở khu căn cứ Bắc Sơn – Võ Nhai lớn mạnh lên và thống nhất thành Trung đội cứu quốc quân I (14/2/1941).  |
| Cứu quốc quân phát động chiến tranh du kích trong 8 tháng (từ tháng 7/1941 đến tháng 2/1942) |
| Ngày 15/9/1941, Trung đội cứu quốc quân II ra đời |
| Cuối năm 1941, Nguyễn Ái Quốc chỉ thị thành lập đội tự vệ gồm 12 chiến sĩ, làm các nhiệm vụ: bảo vệ cơ quan đầu não, giao thông liên lạc và huấn luyện tự vệ cứu quốc. |
| Ngày 15 – 5 – 1945, Cứu quốc quân và Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân được thống nhất thành Việt Nam giải phóng quân. |
| Xây dựng căn cứ địa | Năm 1940, sau cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Vùng Bắc Sơn – Võ Nhai được xây dựng thành một trung tâm căn cứ địa, gắn liền với sự ra đơì và hoạt động của lực lượng vũ trang Bắc Sơn |
| Năm 1941 Nguyển Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Người chọn Cao Bằng làm nơi đầu tiên để xây dựng căn cứ địa |
| Năm 1943, Uỷ ban Việt Minh Liên tỉnh Cao – Bắc – Lạng lập ra 19 ban “xung phong Nam tiến” để phát triển lực lượng xuống các tỉnh miền xuôi. |
| Ngày 16 – 4 – 1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị thành lập Uỷ ban Dân tộc giải phóng các cấp |
| Tháng 5 – 1945, Hồ Chí Minh chọn Tân Trào làm trung tâm chỉ đạo cách mạng. |
| Tháng 6 – 1945, Khu giải phóng Việt Bắc chính thức được thành lập |

Mặt trận Việt Minh lại thu hút được sự tham gia của đông đảo quần chúng nhân dân vì đây là Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam lần đầu tiên trong lịch sử. Mặt trận trình bày rõ ràng đường lối, chính sách, phương pháp tiến hành và tổ chức lực lượng đấu tranh để thực hiện mục đích cứu nước của mình. Điều lệ của Mặt trận Việt Minh ghi rõ: liên hiệp tất cả các tầng lớp nhân dân, các đảng phái cách mạng, các đoàn thể dân chúng yêu nước. Kết nạp từng đoàn thể không cứ đảng phái, đoàn thể nào của người Việt Nam hay của các dân tộc thiểu số sống trong nước Việt Nam, không phân biệt giai cấp, tôn giáo và xu hướng chính trị, để cùng nhau đánh đuổi Nhật - Pháp, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập.

### **3. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa**

**Câu hỏi:** Dựa vào tư liệu 8.11 và thông tin trong bài, hãy trình bày diễn biến chính của Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Em có đồng ý với quan điểm cho rằng: Khu giải phóng với "thủ đô” Tân Trào đóng vai trò là “bàn đạp” cho thể trận tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945? Tại sao?

Diễn biến chính:

– Từ ngày 14/08/1945, căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương và vận dụng chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, Việt Minh đã phát động tổng khởi nghĩa và giành được thắng lợi.

– Chiều 16/8/1945, theo lệnh của Ủy ban khởi nghĩa, một đơn vị của Đội Việt Nam Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên.

– Ngày 18/8/1945, nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà  Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền ở tỉnh lị  sớm nhất trong cả nước.

– Tại Hà Nội, ngày 19/8/1945, hàng vạn nhân dân  đánh chiếm cơ quan đầu não của địch  như  Phủ Khâm sai, trại Bảo an binh, Tòa Thị chính. Tối 19/8, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội thắng lợi.

– Ngày 23/8, hàng vạn nhân dân Huế biểu tình thị  uy, chiếm công sở. Chính quyền về tay nhân dân.

– Ngày 25/8, tổng khởi nghĩa thắng lợi ở Sài Gòn.

– Khởi nghĩa thắng lợi ở 3 thành phố lớn: Hà Nội, Huế, Sài Gòn đã tác động đến các địa phương trong nước, quần chúng các tỉnh còn lại nối tiếp nhau khởi nghĩa. Hà Tiên và Đồng Nai Thượng là những nơi giành chính quyền muộn nhất (28/8).

– Chiều 30/8 vua Bảo Địa thoái vị, triều đình phong kiến nhà Nguyễn hoàn toàn sụp đổ.

Sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà:

– Ngày 25/8/1945, Chủ tich Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam từ Tân Trào về đến Hà Nội.

– Ngày 28/8/1945, Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa.

 Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời  đọc “Tuyên ngôn độc lập”, trịnh trọng tuyên bố với toàn thể quốc dân và cả thế giới: Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thành lập.

Đồng ý với quan điểm khu giải phóng với "thủ đô” Tân Trào đóng vai trò là “bàn đạp” cho thể trận tổng khởi nghĩa giành chính quyền tháng Tám năm 1945 vì tháng 5/1945, Tân Trào được chọn làm trung tâm chỉ đạo cách mạng, là thủ đô Khu giải phóng.

### **LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Hãy hoàn thành niên biểu về Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo mẫu dưới đây:

|  |  |
| --- | --- |
| Thời gian | Nội dung sự kiện |
| 14 – 8 – 1945 | chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, một số cấp bộ Đảng và Việt Minh đã phát động tổng khởi nghĩa và giành được thắng lợi. |
| Chiều 16/8/1945 | Đội Việt Nam Giải phóng quân do Võ Nguyên Giáp chỉ huy tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên. |
| 18/8/1945 | Bắc Giang, Hải Dương, Hà  Tĩnh, Quảng Nam giành chính quyền ở tỉnh lị  sớm nhất trong cả nước. |
| 19/8/1945 | cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội thắng lợi. |
| 23/8 | hàng vạn nhân dân Huế biểu tình thị  uy, chiếm công sở. Chính quyền về tay nhân dân. |
| 25/8 | Tổng khởi nghĩa thắng lợi ở Sài GònChủ tich Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng và Uỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam từ Tân Trào về đến Hà Nội |
| 28/8 | Hà Tiên và Đồng Nai Thượng là những nơi giành chính quyền muộn nhấtUỷ ban Dân tộc giải phóng Việt Nam cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng Hòa |
| Chiều 30/8 | vua Bảo Địa thoái vị, triều đình phong kiến nhà Nguyễn hoàn toàn sụp đổ |
| 2/9/1945 | Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời  đọc “Tuyên ngôn độc lập”, trịnh trọng tuyên bố với toàn thể quốc dân và cả thế giới: Nước Việt Nam dân chủ cộng hoà thành lập.  |

**Câu 2:** Hãy phân tích nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 qua lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 18-8 – 1945: "Hỡi đồng bào yêu quý! Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta".

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống yêu nước nồng nàn, từng trải qua những cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất cho độc lập, tự do. Có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, đứng đầu là Hồ Chí Minh, đã đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo. Vì vậy, khi Đảng Cộng sản Đông Dương và Mặt trận Việt Minh phất cao cờ cứu nước thì toàn dân nhất tề đứng lên cứu nước, cứu nhà.

### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:** Theo em, bài học lịch sử nào của Cách mạng tháng Tám năm 1945 có thể vận dụng và phát huy trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?

– Về xây dựng lực lượng: Tập hợp, tổ chức đoàn kết lực lượng cách mạng trong một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi, tạo nên sức mạnh toàn dân, phân hoá và cô lập cao độ kẻ đế quốc và tay sai để đánh đổ chúng.

– Về xây dựng Đảng: Luôn kết hợp giữa tổ chức và đấu tranh, làm cho đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đủ năng lực và uy tín lãnh đạo cách mạng thành công.

**Bài 9: Chiến tranh lạnh (1947 - 1989)**

**Câu hỏi:** Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước Tây Âu, Mỹ và Liên Xô cùng một chiến tuyến chống lại chủ nghĩa phát xít. Gần cuối cuộc chiến tranh, vào tháng 2 – 1945, những người đứng đầu của Anh, Mỹ, Liên Xô đã cùng ngồi với nhau ở Hội nghị l-an-ta (Yalta), với một cái nhìn chung về thế giới thời hậu chiến. Nhưng tình hình sau đó đã thay đổi nhanh chóng. Thế giới bị lôi cuốn vào một tình trạng mà lịch sử gọi đó là "Chiến tranh lạnh”. Chiến tranh lạnh bắt đầu như thế nào? Biểu hiện và hậu quả của cuộc chiến tranh này là gì?

Chiến tranh lạnh diễn tả bối cảnh quốc tế cực kỳ căng thẳng và cuộc đối đầu cam go giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là giữa Mỹ và Liên Xô trong giai đoạn từ khoảng giữa những năm 40 đến cuối những năm 80 - đầu những năm 90 của thế kỷ XX.

Sự kiện được xem là khởi đầu cho chiến tranh lạnh của Mỹ là bản thông điệp của Tổng thống Truman gửi Quốc hội Mỹ ngày 12 – 3 -1947. Trong đó, Tổng thống Mỹ khẳng định: sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ lớn đối với nước Mỹ và đề nghị viện trợ khẩn cấp 400 triệu USD cho hai nước Hi Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ. Vào đầu tháng 6 - 1947, Mĩ đề ra “kế hoạch Mácsan” với khoản viện trợ khoảng 17 tỉ USD để giúp các nước Tây Âu phục hồi nền kinh tế bị tàn phá sau chiến tranh. Ngày 4 – 4 -1949, Mĩ thành lập khối quân sự - tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Tháng 5 1955, Liên Xô và các nước Đông Âu (Anbani, Ba Lan, Hungary, Bungari, CHDC Đức, Tiệp Khắc, Rumani) đã thành lập tổ chức Hiệp ước Vacsava, một liên minh chính trị - quân sự mang tính chất phòng thủ của các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu. Sự ra đời của NATO và tổ chức Hiệp ước Vacsava là những sự kiện cuối cùng đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe. Chiến tranh lạnh đã bao trùm cả thế giới.

## Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng, các cường quốc chi một khối lượng khổng lồ về tiền của và sức người để sản xuất các loại vũ khí hủy diệt, xây dựng hàng nghìn căn cứ quân sự mà bất cứ lúc nào cũng có nguy cơ bùng nổ chiến tranh thế giới mới. Con người phải chịu đựng khó khăn do đói nghèo, dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm môi trường... , chịu ảnh hưởng nặng nhất là các nước ở Châu Á, châu Phi.

### **1. Nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh lạnh**

**Câu hỏi:** Tại sao Chiến tranh lạnh xảy ra? Em có nhận xét gì về mục đích phát động Chiến tranh lạnh của Mỹ?

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, mối quan hệ giữa Mỹ và Liên Xô trở nên mâu thuẫn, căng thẳng kéo dài, áp đảo lẫn nhau, sự thù địch lẫn nhau; mâu thuẫn giữa 2 phe Tư bản chủ nghĩa (Mỹ đứng đầu) và phe Xã hội chủ nghĩa (do Liên Xô khởi xướng)

Việc phát động chiến tranh lạnh cũng là nhằm mục đích ngăn cản và tiến tới xoá bỏ Liên Xô và những nước xã hội chủ nghĩa

### **2. Biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh**

**Câu hỏi:** Hãy nêu các biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh. Tư liệu 9.5 cho em biết điều gì về hậu quả của Chiến tranh lạnh?

Biểu hiện:

- Mĩ và các nước đế quốc:

+ Ráo riết chạy đua vũ trang, tăng cường ngân sách quân sự, thành lập các khối quân sự, các căn cứ quân sự bao quanh Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

+  Gây ra những cuộc chiến tranh đàn áp phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

- Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa: buộc phải tăng ngân sách quốc phòng, củng cố khả năng phòng thủ của mình.

Hậu quả:

- Thế giới luôn ở trong tình trạng căng thẳng. Việc các cường quốc chi một khối lượng khổng lồ về tiền của và sức người để sản xuất các loại vũ khí huỷ diệt, xây dựng hàng nghìn căn cứ quân sự, luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng nổ một cuộc chiến tranh thế giới mới.

- Chiến tranh lạnh tác động toàn diện đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị của thế giới.

- Chiến tranh lạnh đã khiến cho hàng triệu người chết và tàn phế vì các cuộc chiến tranh cục bộ diễn ra ở khắp các khu vực trên thế giới.

### **LUYỆN TẬP**

**Câu hỏi:** Hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nguyên nhân, biểu hiện và hậu quả của Chiến tranh lạnh (1947-1989).

## https://tech12h.com/sites/default/files/ck5/2024-03/image_4809.png

### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:** Sưu tầm thông tin trên internet, một số hình ảnh về vị trí nơi đất nước bị chia cắt do tác động của Chiến tranh lạnh ở Đức, Việt Nam, bán đảo Triều Tiên và ghi chú thích ở dưới mỗi bức hình.

Chiến tranh lạnh gây ra tình trạng chia cắt lãnh thổ tại Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975. Nhân dân hai miền Nam, Bác đã phải hy sinh nhiều sức người, sức của để chiến đấu bảo vệ độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Sau năm 1975, Chiến tranh lạnh cũng gây ra nhiều khó khăn cho Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế xã hội, đặc biệt là hậu quả từ chính sách bao vây, cấm vận của Mỹ.

Sau tháng 8/1945, Mỹ và Liên Xô phải tổ chức một Uỷ ban Liên hợp giúp cho Triều Tiên thành lập một chính phủ lâm thời, nhưng vì giữa Mỹ và Liên Xô vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề quan trọng chưa nhất trí, cho nên đến năm 1948 vẫn chưa thành lập được chính phủ lâm thời của Triều Tiên. Tháng 8/1948, tại miền Nam Triều Tiên thành lập nước Dân quốc Đại Hàn. Tháng 9 năm ấy, ở miền Bắc Triều Tiên thành lập nước CHDCND Triều Tiên. Vì đây là hai chính phủ có tính chất không giống nhau cho nên khó cử hành được cuộc phổ thông đầu phiếu toàn dân tộc. Năm 1950, khi cộng đồng quốc tế nỗ lực tái thiết sau Thế chiến II, một cuộc xung đột mới nổ ra ở vùng Đông Bắc Á. Đây là một biến cố hiếm hoi khi Chiến tranh Lạnh biến thành nóng, đặt Mỹ và đồng minh ở thế đối nghịch với Liên Xô, CHDCND Triều Tiên và Trung Quốc.

**Bài 10: Liên Xô và các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991**

**Câu hỏi:** Trong thời kì Chiến tranh lạnh bao trùm lên cả thế giới, Liên Xô và các nước Đông Âu đã phát triển như thế nào về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá? Sự sụp đổ của cả hệ thống vào năm 1991 liệu có phải là hệ quả của quá trình phát triển đó?

**\* Kinh tế**

**- Công nghiệp**:

+ Giữa những năm 1970, là cường quốc công nghiệp thứ hai thế giới *( Thành tựu lớn nhất đạt được).*

+ Một số ngành có sản lượng cao vào loại nhất thế giới: dầu mỏ, than, thép.

+ Đi đầu trong công nghiệp vũ trụ, công nghiệp điện hạt nhân…)

**- Nông nghiệp**: Những năm 60, sản lượng tăng trung bình hàng năm 16%.

\* **Khoa học kỹ thuật**

- Năm 1957, phóng vệ tinh nhân tạo đầu tiên của trái đất *– ( Mở đầu kỉ nguyên chinh phục không gian).*

- Năm 1961, phóng tàu vũ trụ ( Phương Đông) đưa nhà du hành Gagarin bay vòng quanh Trái đất – (mở đầu kỷ nguyên chinh phục vũ trụ của loài ngoài).

**\* Xã hội**: có nhiều biến đổi

Chính trị  tương đối ổn định.

Tỷ lệ công nhân  chiếm 55 %  số người lao động.

Trình độ học vấn của người dân được nâng cao.

**\* Đối ngoại**

- Chính sách đối ngoại: Bảo vệ hòa bình thế giới.Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc.Giúp đỡ các nước xã hội chủ nghĩa.

- Năm 1950, Liên Xô công nhận vào thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam có những ủng hộ hết sức to lớn cho nhân dân Việt Nam trong công cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc sau chiến tranh.

Sự sụp đổ của một mô hình CNXH ở Liên Xô do chưa khoa học, có nhiều sai lầm, thiếu sót, chứ không phải là sự thất bại của CNXH nói chung. Nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam vẫn lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa và đạt được nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Chủ nghĩa xã hội vẫn là mục tiêu cuối cùng của loài người.

### **1. Tình hình của Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991**

**Câu hỏi:** Hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá của Liên Xô từ năm 1945 đến năm 1991. Dựa vào tư liệu 10.1 và 10.2, hãy nêu nhận xét về sự phát triển của công nghiệp ở Liên Xô.

Liên Xô đã sụp đổ như thế nào? Hãy giải thích lí do của sự sụp đổ đó.



Với kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946 – 1950), sản lượng công nghiệp đã tăng 73% sản lượng nông nghiệp đạt mức chiến tranh, khiến Liên Xô trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ), chiếm khoảng 20% tổng sản lượng công nghiệp toàn thế giới; đi đầu trong nhiều ngành công nghiệp quan trọng.

Sự sụp đổ của Liên Xô:

- Duy trì quá lâu đường lối quản lý hành chính tập trung quan liêu, bao cấp, mệnh lệnh, đóng cửa trên cả phương diện đối nội và đối ngoại nên không phát huy được tính năng động của nền kinh tế - xã hội, làm mất dân chủ cả trong và ngoài Đảng.

- Nội bộ chính quyền của Đảng Cộng sản ở Liên Xô có nhiều bất đồng, không thống nhất về đường lối, chủ trương và chính sách, gây nên mất đoàn kết nội bộ. Một số người lãnh đạo cấp cao còn bị dao động về lập trường tư tưởng, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, phản bội Đảng và nhân dân.

- Đường lối phát triển kinh tế - xã hội có nhiều điểm không hợp lý, quá chủ quan, nóng vội, duy ý chí trong việc xác định vấn đề sở hữu, các bước đi, giải pháp trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Không phát triển nền kinh tế hàng hóa – tiền tệ, kinh tế thị trường

- Không nắm bắt được và không biết áp dụng những thành tựu hiện đại của khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất, dẫn tới tình trạng mất cân đối giữa các ngành kinh tế kéo dài quá lâu.

- Những vấn đề dân tộc chậm được giải quyết hoặc chỉ được giải quyết theo lối tư duy cũ khiến cho những vấn đề này ngày càng trở nên bức xúc, dần dần trở thành một trong những nguyên nhân thúc đẩy sự suy thoái và sụp đổ của chế độ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô

- Do sức ép của việc phải chạy đua vũ trang và luôn bị chống phá bởi các âm mưu, chiến lược của các thế lực thù địch trong và ngoài nên chế độ chủ nghĩa xã hội Liên Xô dễ dàng bị đẩy vào tình thế nào không giải quyết hay cải cách sẽ trở nên khủng hoảng, sụp đổ.

### **2. Tình hình các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991**

**Câu hỏi:** Hãy nêu những nét chính về tình hình các nước Đông Âu từ năm 1945 đến năm 1991. Vì sao các nước Đông Âu tan rã?

– Từ năm 1945 – 1949, các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu hoàn thành một số nhiệm vụ quan trọng:

* Xây dựng bộ máy nhà nước mới, tiến hành cải cách ruộng đất, quốc hữu hoá tài sản của tư bản nước ngoài, ban hành các quyền tự do dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân.
* Chính quyền nhân dân được củng cố, vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản ngày càng được khẳng định.

– Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội

* Trong những năm 1950 – 1975, các nước Đông Âu đã thực hiện nhiều kế hoạch 5 năm nhằm xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội và đạt được nhiều thành tựu to lớn.
* Từ chỗ là những nước nghèo, các nước Đông Âu đã trở thành những quốc gia công – nông nghiệp. Sản lượng công nghiệp tăng lên gấp hàng chục lần, nông nghiệp phát triển nhanh chóng, trình độ khoa học – kĩ thuật được nâng lên rõ rệt.

– Cuối năm 1988, khủng hoảng kinh tế - xã hội ở các nước Đông Âu lên đến đỉnh cao

– Năm 1989, Chế độ xã hội chủ nghĩa sụp đổ ở hầu hết các nước Đông Âu

– Ngày 1/7/1991, Tổ chức hiệp ước Vác-sa-va tuyên bố giải thể

Nguyên nhân tan rã:

– Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thiếu dân chủ - công bằng => đời sống nhân dân không cải thiện => tăng sự bất mãn

– Không bước kịp phát triển của khoa học – kĩ thuật tiên tiến

– Tiến hành cải tổ gặp phải sai lầm nhiều mặt, sai lầm khi thực hiện chế độ đa nguyên đa đảng

– Sự chống phá của thế lực thù địch trong và ngoài nước.

### **LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Hãy hoàn thành bảng tóm tắt tình hình Liên Xô và các nước Đông Âu theo nội dung dưới đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thời gian | Từ năm 1945 đến nửa đầu thập niên 80 | Nửa sau thập niên 80 đến năm 1991 |
| Liên Xô | Hoàn thành kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế (1946 – 1950) trước thời hạn 9 tháng.  | 3/1985: M. Goócbachốp lên nắm quyền lãnh đạo Đảng và nhà nước Liên Xô, tiến hành công cuộc cải tổ đất nước. |
| Đến năm 1950, sản lượng công nghiệp tăng 73%, sản lượng nông nghiệp đạt mức trước chiến tranh.  | 1991: Sau 6 năm tiến hành cải tổ, Liên Xô lâm vào tình trạng khủng hoảng toàn diện. |
| Năm 1949, Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử, phá vỡ thế độc quyền vũ khí hạt nhân của Mĩ. | 8/1991: Chính biến nhằm lật đổ Goócbachốp diễn ra nhưng thất bại. Sau đó, Goóc Ba Chốp tuyên bố từ chức Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô. |
| Liên Xô từ năm 1950 đến đầu những năm 1970: đạt được nhiều thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội với việc hoàn thành các kế hoạch kinh tế – xã hội dài hạn | 21/12/1991: Hiệp định thành lập Cộng đồng các quốc gia độc lập được ký kết. Nhà nước Liên bang Xô viết tan rã. |
|   | 25/12/1991: Đánh dấu sự chấm dứt chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sau 74 năm tồn tại. |
| Đông Âu | Trong những năm 1944 – 1945, cùng với quá trình Hổng quân Liên Xô truy kích quân đội phát xít Đức, nhân dân Đông Âu đã nổi dậy giành chính quyền, thành lập các nhà nước dân chủ nhân dân. | Cuộc khủng hoảng dầu mỏ ở Liên Xô tác động mạnh tới các nước Đông Âu |
| Từ năm 1945 – 1949, các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu hoàn thành một số nhiệm vụ quan trọng | Nền kinh tế Đông Âu lâm vào tình trạng trì trệ. |
| Trong những năm 1950 – 1975, các nước Đông Âu đã thực hiện nhiều kế hoạch 5 năm nhằm xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội và đạt được nhiều thành tựu to lớn. | Ban lãnh đạo các nước Đông Âu lần lượt từ bỏ quyền lãnh đạo của Đảng. |
| Sản lượng công nghiệp tăng lên gấp hàng chục lần, nông nghiệp phát triển nhanh chóng, trình độ khoa học – kĩ thuật được nâng lên rõ rệt. | Nước Đức được thống nhất(Cộng hòa Dân chủ Đức và Cộng hòa Liên bang Đức). |

**Câu 2:** Hãy giải thích lí do sụp đổ của Liên Bang Xô viết và các nước Đông Âu theo mẫu sơ đồ tư duy bên cạnh:

Đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp làm cho sản xuất trì trệ, đời sống nhân dân không được cải thiện. Thêm vào đó là sự thiếu dân chủ và công bằng đã làm tăng thêm sự bất mãn trong quần chúng.

Tiến hành cải tổ lại phạm phải sai lầm trên nhiều mặt, làm cho khủng hoảng thêm trầm trọng. Đặc biệt là sai lầm khi thực hiện chế độ đa nguyên đa đảng, từ bỏ quyền lãnh đạo cao nhất của Đảng. Hai là, không bắt kịp bước phát triển của khoa học – kĩ thuật tiên tiến, dẫn tới tình trạng trì trệ, khủng hoảng về kinh tế, xã hội.

Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước có tác động không nhỏ làm cho tình hình trở nên thêm rối loạn.

=> Đây chỉ là sự sụp đổ của một mô hình xã hội chủ nghĩa chưa khoa học, chưa nhân văn và là một bước lùi tạm thời của chủ nghĩa xã hội.

### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi**: Sưu tầm bản đồ châu Âu hiện tại, dựa vào thông tin trong bài và lược đồ 10.8, hãy nêu sự khác biệt cơ bản của lược đồ các nước thuộc SNG (1991) và hiện tại



Trước khi ký văn bản chấm dứt sự tồn tại của Liên Xô, 3 nhà lãnh đạo 3 nước Nga, Ucraina, Belarus đã lường trước những hậu quả có thể xảy ra khi Liên Xô giải thể, do đó đã ký tiếp Hiệp ước thành lập SNG (8-12-1991). Ngày 21-12-1991, 8 nước thành viên khác của Liên Xô (Azerbaijan, Armenia, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Moldova, Tajikistan, Turkmenistan, Uzbekistan) ký hiệp ước tham gia SNG. Năm 1993, Grudia gia nhập SNG, nâng số thành viên SNG lên 12/15 nước Cộng hòa thuộc Liên Xô cũ. Ba nước vùng Baltic (Estonia, Litva, Latvia) không tham gia SNG, hiện cả ba đều là thành viên của EU và NATO.

**Bài 11: Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991**

**Câu hỏi:** Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ và các nước Tây Âu đã trải qua một thời kỳ tăng trưởng mạnh về kinh tế, được gọi là “Ba mươi năm rực rỡ”. Liệu thực sự tăng trưởng đó chỉ toàn là “rực rỡ”? Thực chất tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ và các nước Tây Âu đã diễn ra như thế nào?

Tây Âu:

Từ đầu những năm 50 đến đầu những năm 70 (thế kỷ XX), nền kinh tế các nước Tây Âu ổn định và phát triển nhanh. Nước Đức trở thành nước công nghiệp thứ ba, Anh trở thành nước công nghiệp thứ tư, Pháp trở thành nước công nghiệp thứ năm trong hệ thống tư bản chủ nghĩa (sau Mĩ và Nhật Bản). Từ đầu thập kỉ 70, Tây Âu đã trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới.

Đến đầu thập kỉ 90, kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng không ổn định, suy thoái kéo dài.

Giai đoạn 1945 – 1950: Liên minh chặt chẽ với Mĩ: nhiều nước Tây Âu đã tham gia khối quân sự NATO do Mĩ đứng đầu.

Giai đoạn 1950 – 1973: Tây Âu một mặt vẫn tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ, mặt khác đã nỗ lực mở rộng hơn nữa quan hệ đối ngoại.

Giai đoạn 1973 – 1991: ở châu Âu đã diễn ra những sự kiện to lớn mang tính đảo lộn: bức tường Béclin bị phá bỏ (tháng 11/1989), hai siêu cường Xô – Mĩ tuyên bố chấm dứt Chiến tranh lạnh (tháng 12/1989), nước Đức tái thống nhất (tháng 10/1990).

Từ năm 1991 đến năm 2000: Các nước Tây Âu đều chú ý mở rộng quan hệ quốc tế với các nước tư bản khác, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, khu vực Mĩ Latinh…

Mỹ:

Giai đoạn 1945-1973: phát triển mạnh mẽ

Trong khoảng 20 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế – tài chính duy nhất trên thế giới.

Giai đoạn 1973 – 1991: suy thoái.

Giai đoạn 1991 – 2000: Phát triển xen kẽ suy thoái ngắn, nhưng vẫn là nước đứng đầu thế giới.

Mục tiêu bao trùm là Mĩ muốn thiết lập trật tự thế giới “đơn cực”, trong đó Mĩ là siêu cường duy nhất, đóng vai trò lãnh đạo thế giới. Nhưng trong tương quan lực lượng giữa các cường quốc, Mĩ không dễ gì thực hiện được tham vọng đó

### **1. Nước Mỹ từ năm 1945 đến năm 1991**

**Câu hỏi:** Dựa vào các tư liệu 11.1, 11.2, 11.3, 11.4 và thông tin trong bài, hãy trình bày những nét chính về kinh tế, chính trị của nước Mỹ trong thời kỳ 1945 – 1991

Theo em, sự kiện nào ảnh hưởng lớn nhất đến tình hình chính trị nước Mỹ những năm 70 của thế kỉ XX? Vì sao?

\* Giai đoạn 1945-1973: phát triển mạnh mẽ

* Giá trị tổng sản lượng công nghiệp của Mĩ chiếm hơn một nửa công nghiệp thế giới (56,5%) (1948).
* Giá trị sản lượng nông nghiệp Mĩ bằng 2 lần giá trị  tổng sản lượng nông nghiệp của 5 nước Anh, Pháp, Đức, Italia, Nhật Bản (1949).
* 50%tàu bè đi lại trên mặt biển là của Mĩ, 3/4 dự trữ vàng của thế giới tập trung ở Mĩ (1949).
* Mĩ chiếm gần 40% giá trị tổng sản phẩm kinh tế thế giới.

– Trong khoảng 20 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế – tài chính duy nhất trên thế giới.

– Các chính sách và biện pháp điều tiết của nhà nước có vai trò quan trọng thúc đẩy kinh tế Mĩ phát triển.

* Về chính trị:

– Duy trì và bảo vệ chế độ tư bản.

–  Chính trị không hoàn toàn ổn định: mâu thuẫn giai cấp, xã hội và sắc tộc…

– Đấu tranh giai cấp, xã hội ở Mĩ diễn ra mạnh mẽ:Đảng Cộng sản Mĩ đã có nhiều hoạt động đấu tranh vì quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

*\* Giai đoạn 1973 –  1991: suy thoái.*

* Năm 1973, do tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới, kinh tế Mĩ lâm vào khủng hoảng, suy thoái kéo dài đến năm 1982. Năng suất lao động giảm, hệ thống tài chính bị rối loạn
* Năm 1983, nền kinh tế  bắt đầu phục hồi. Tuy vẫn là nước đứng đầu thế giới về kinh tế – tài chính, nhưng tỷ trọng kinh tế Mĩ trong nền kinh tế thế giới giảm hơn so với trước.
* Chính trị:

– Chính trị không ổn định, nhiều vụ bê bối chính trị xảy ra (Irangate-1985), Watergate…

– Tiếp tục triển khai “chiến lược toàn cầu” và theo đuổi chiến tranh lạnh. Học thuyết Reagan và chiến lược “Đối đầu trực tiếp” chủ trương tăng cường chạy đua vũ trang, can thiệp vào các địa bàn chiến lược và điểm nóng thế giới.

– Giữa thập niên 80, xu thế hòa hoãn ngày càng chiếm ưu thế trên thế giới. Tháng 12 – 1989, Mĩ – Xô chính thức tuyên bố kết thúc “chiến tranh lạnh” nhưng Mĩ và các đồng minh vẫn tác động vào cuộc khủng hoảng dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu.

*\* Giai đoạn 1991 – 2000:*

* Phát triển xen kẽ suy thoái ngắn, nhưng vẫn là nước đứng đầu thế giới.
* Mĩ tạo ra được 25 % giá trị tổng sản phẩm trên toàn thế giới và có vai trò  chi phối hầu hết các tổ chức kinh tế – tài chính quốc tế như WTO, WB, IMF.

Từ những năm 70 của thế kỉ XX, chính phủ Mỹ cố gắng lấy lại niềm tin của người dân sau thất bại trong chiến tranh Việt Nam và những vụ bê bối quốc gia; cải thiện với Liên Xô, Trung Quốc. Đặc biệt là sự chấm dứt chiến tranh lạnh giữa Mỹ và Liên Xô trong năm 1989.

### **2. Các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991**

**Câu hỏi:** Hãy trình bày đặc điểm nổi bật của tình hình kinh tế, chính trị Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991

Hãy xác định trên lược đồ 11.8 tên các nước tham gia Cộng đồng kinh tế châu Âu năm 1957 và Liên minh châu Âu năm 1991

\* Từ 1945 đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX

– Kinh tế:

* Trong Chiến tranh thế giới thứ hai, các nước châu Âu đều bị tàn phá nặng nề. Sau chiến tranh, với sự cố gắng của từng nước và sự viện trợ của Mĩ trong khuôn khổ của “Kế hoạch Mác-san”, tới năm 1950 nền kinh tế các nước Tây Âu cơ bản được khôi phục.
* Từ đầu những năm 50 đến đầu những năm 70 (thế kỷ XX), nền kinh tế các nước Tây Âu ổn định và phát triển nhanh. Nước Đức trở thành nước công nghiệp thứ ba, Anh trở thành nước công nghiệp thứ tư, Pháp trở thành nước công nghiệp thứ năm trong hệ thống tư bản chủ nghĩa (sau Mĩ và Nhật Bản). Từ đầu thập kỉ 70, Tây Âu đã trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới.
* Các nước Tây Âu có nền khoa học – kĩ thuật phát triển cao, hiện đại.
* Quá trình liên kết khu vực ở Tây Âu diễn ra mạnh mẽ với sự hình thành Cộng đồng kinh tế châu Âu (EEC) năm 1957 và Cộng đồng châu Âu (EC) năm 1967.

– Chính trị:

* Củng cố chính quyền của giai cấp tư sản, ổn định tình hình chính trị - xã hội
* Hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi nền kinh tế, liên minh chặt chẽ với Mĩ, tìm cách trở lại thuộc địa của mình.
* Từ 1945 - 1950, cơ bản ổn định và phục hồi về mọi mặt, trở thành đối trọng của khối XHCN Đông Âu mới hình thành.
* Giai cấp tư sản gạt những người cộng sản ra khỏi chính phủ - Pháp, Anh, Ý.
* Tây Âu gia nhập khối Quân sự Bắc Đại Tây Dương - NATO - do Mĩ đứng đầu.
* Pháp xâm lược trở lại Đông Dương, Anh trở lại Miến Điện và  Mã lai; Hà lan trở lại In đô nê xi a.
* 1950 – 1973: nền dân chủ tư sản ở Tây Âu tiếp tục phát triển, đồng thời có nhiều biến động chính trị

\* Từ năm 1973 đến năm 1991

– Đến đầu thập kỉ  90, kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng không ổn định, suy thoái kéo dài.

– Tuy vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn của thế giới, nhưng kinh tế Tây Âu gặp không ít khó khăn: suy thoái, khủng hoảng, lạm phát và thất nghiệp. Quá  trình liên hợp hóa trong khuôn khổ Cộng đồng châu Âu (EU) vẫn còn nhiều khó khăn trở ngại.

– Chính trị:

* 11/1972: ký Hiệp định về cơ sở quan hệ giữa hai nước Đức làm tình hình Tây Âu dịu đi
* Ký Định ước Henxinki về an ninh và hợp tác châu Âu (1975).
* 1989, “Bức tường Berlin” bị phá bỏ và nước Đức thống nhất (3/10/1990)

\* Từ 1991 đến năm 2000

– Đầu thập niên 90 (thế kỉ XX), Tây Âu lâm vào cuộc suy thoái ngắn.

– Từ năm 1994, nền kinh tế bắt đầu phục hồi và phát triển trở lại. Tốc độ tăng trưởng tăng từ 2,9 đến 3,4%.

– Tây Âu là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế  giới. Đến giữa thập niên 90 (thế kỷ XX), 15 nước thành viên EU đã chiếm 1/3 tổng sản phẩm công nghiệp toàn thế giới. Có nền khoa học – kĩ thuật hiện đại.

– Chính trị:

* Thập kỉ cuối cùng của thế kỉ XX, cơ bản là ổn định.
* Có sự điều chỉnh quan trọng trong bối cảnh “Chiến tranh lạnh” kết thúc, trật tự hai cực Ianta tan rã.
* Nếu như Anh vẫn duy trì liên minh chặt chẽ với Mĩ thì Pháp và Đức đã trở thành những đối trọng đáng chú ý với Mĩ trong nhiều vấn đề quốc tế quan trọng.
* Mở rộng quan hệ với các nước đang phát triển ở Á, Phi, Mĩ La tinh và các nước thuộc Đông Âu.

### **LUYỆN TẬP**

**Câu hỏi:**Hãy vẽ sơ đồ tư duy trình bày những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị của nước Mỹ và các nước Tây Âu giai đoạn 1945 – 1991

Tây Âu:



Mỹ:



### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:** Anh – một trong các quốc gia sáng lập đã rời khỏi tổ chức Liên minh châu Âu vào năm 2020. Hãy tham khảo thêm thông tin để viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) giới thiệu về sự kiện này.

Nước Anh đã chính thức ra khỏi Liên minh châu Âu (EU) vào đêm qua 31/12 sau gần nửa thế kỷ gắn bó và sau 4 năm rưỡi tiến hành trưng cầu dân ý để rời khối này. Về mặt pháp lý, Anh đã rời EU từ 31/1/2020, nhưng đã có một số vướng mắc trong các cuộc đàm phán để đảm bảo một thỏa thuận thương mại tự do với Brussels. Việc Anh rời khỏi Liên minh châu Âu (Brexit) được cho là mở ra hướng đi mới cho cả Anh và EU, tuy nhiên cũng sẽ gây ra những ảnh hưởng sâu sắc đối với tình hình kinh tế, chính trị của hai bên. Anh đã chuyển vai trò từ một bên tham gia định hình chính sách của EU, thành một trong những chủ thể hành động đối ngoại của EU. Điểm nổi bật của quan hệ Anh - EU sau Brexit là hai bên gần như hoàn toàn tập trung vào đàm phán thương mại, mà chưa có bất kỳ cuộc đàm phán nào về đối ngoại, an ninh và quốc phòng. Anh vẫn duy trì các quan hệ song phương và đa phương với EU, nhưng mối quan hệ tổng thể giữa hai bên đang trong tình trạng bất ổn. Điều này sẽ hạn chế hợp tác trong tương lai. Về thỏa thuận thương mại, mặc dù đến phút chót, hai bên đã ký kết được thỏa thuận, nhưng cuộc “chia tay” này khiến EU “thiệt hại” hơn so với Anh, vì Brexit khiến EU nhận thấy lực hướng tâm không lấn át được lực ly tâm trong quá trình hợp tác, liên kết và nhất thể hóa châu lục. Quan hệ hai bên vẫn được duy trì, nhưng chưa có nhiều tiến triển với tư cách là hai thực thể độc lập. Cả hai bên còn phải nỗ lực nhiều hơn nữa để những gì mà họ đặt bút ký kết trở thành thực tế.

**BÀI 12: MỸ LA-TINH TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991**

### **1. Tình hình chung của các nước Mỹ La-tinh từ năm 1945 đến năm 1991**

**Câu hỏi:** Hãy nêu những nét nổi bật về chính trị, kinh tế, xã hội của các nước Mỹ La-tinh giai đoạn 1945 - 1991.

Hãy xác định trên hình 12.1 vị trí của các quốc gia diễn ra những cuộc cách mạng tiêu biểu trong giai đoạn này.

Chính trị: đấu tranh chống lại chế độ độc tài quân sự và sự can thiệp của Mỹ

Kinh tế: phát triển không ổn định, đầu năm 1980 các nước lâm vào suy thoái, khủng hoảng, nợ nước ngoài tăng cao, lạm phát

Xã hội: đối mặt với tình trạng khan hiếm hàng hóa, khoảng cách giàu nghèo lớn, di cư tìm việc làm luôn là vấn đề .

### **2. Cách mạng Cu-ba và công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội**

**Câu hỏi:** Hãy lập bảng niên biểu về các sự kiện chính của cách mạng Cu-ba (1953 - 1959). Từ tư liệu 12.4, hãy cho biết người dân có thái độ như thế nào khi Chính quyền Ba-ti-xia (Batista) bị lật đổ, cách mạng Cu-ba thắng lợi.

Em có đánh giá gì về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Cu-ba? Theo em, thành tựu nào đáng chú ý nhất? Tại sao?

Tháng 3/1952, Ba-ti-xta thiết lập nền độc tài tàn bạo, tham thũng

Ngày 26/07/1953, Phi-đen Cát-xto-ro lãnh đạo 135 thanh niên tấn công pháo đài Môn-ca-da, mở ra thời kì đấu tranh vũ trang

Ngày 1/1/1959, chế độ Ba-ti-xta bị lật đổ, cách mạng Cuba thắng lợi, là một cột mốc quan trọng trong lịch sử Cuba khi chế độ độc tài Batista bị lật đổ, cách mạng dân tộc dân chủ của nhân dân Cuba giành thắng lợi, chấm dứt năm thế kỷ đô hộ của chủ nghĩa thực dân. Đây là một trong những sự kiện chính trị có sức ảnh hưởng lớn nhất ở Mỹ Latinh trong thế kỷ 20.

Mặc dù bị bao vây, cấm vận nhưng công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Cu-ba cũng đạt được nhiều thành tựu: xây dựng nền công nghiệp với cơ cấu ngành hợp lí, nền nông nghiệp đa dạng, y tế, văn hoá, thể thao phát triển mạnh, tỉ lệ người biết chữ cao nhất trong các nước Mỹ La-tinh (96%)

### **LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Hãy nêu những thành tựu và hạn chế trong quá trình xây dựng đất nước của các quốc gia khu vực Mỹ La-tinh trong giai đoạn 1945-1991.

Thành tựu:

- Một số nước Mĩ Latinh trở thành nước công nghiệp mới như: Braxin, Áchentina, Mêhicô.

- Trong những năm 50 - 70, tỉ lệ tăng trưởng kinh tế bình quân của các nước Mĩ Latinh là 5,5%.

- Đối với Cuba, nước này đã xây dựng được một nền công nghiệp với cơ cấu ngành hợp lý, nền nông nghiệp với sản phẩm đa dạng và đạt thành tựu cao trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, thể thao.

Hạn chế:

- Sự suy thoái nặng nề về kinh tế, lạm phát tăng, khủng hoảng trầm trọng, nợ nước ngoài chồng chất, dẫn đến nhiều biến động về chính trị.

- Mâu thuẫn xã hội, tham nhũng hạn chế sự phát triển kinh tế.

**Câu 2:** Hãy vẽ đường thời gian thể hiện các sự kiện chính của cách mạng Cu-ba (1953 - 1959).



### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:** Việt Nam và Cu-ba là hai đất nước có mối quan hệ khăng khít trong lịch sử. Hãy tìm hiểu những thông tin về mối quan hệ Việt Nam - Cu-ba và viết một đoạn văn ngắn về mối quan hệ này.

Nói về quan hệ Việt Nam - Cuba là nói về mối tình hữu nghị đặc biệt, thủy chung, trong sáng, hiếm có trong quan hệ quốc tế. Gắn kết về lý tưởng cách mạng cao đẹp, đấu tranh vì độc lập, tự do đã tạo nên đồng cảm, thấu hiểu và sẻ chia giữa hai dân tộc nằm ở hai nửa Đông - Tây của địa cầu, vun đắp nghĩa tình sâu đậm đi qua hơn 60 năm cùng thăng trầm của lịch sử. Việt Nam có chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 7/5/1954 lừng lẫy địa cầu; Cuba có thắng lợi cách mạng ngày 1/1/1959, sự kiện mang tầm ảnh hưởng lớn nhất trong thế kỷ 20 và làm thay đổi cục diện chính trị ở Mỹ Latinh. Những nét tương đồng trong tiến trình dựng nước, giữ nước và cùng truyền thống hào hùng vì độc lập, tự do, chủ quyền và quyền tự quyết của hai dân tộc, đã tạo nên nền tảng vững chắc cho mối quan hệ nghĩa tình đặc biệt giữa Việt Nam và Cuba. Quan hệ đoàn kết truyền thống, ủng hộ và hợp tác toàn diện anh em Việt Nam - Cuba không ngừng được quan tâm củng cố, thúc đẩy và phát triển trên mọi lĩnh vực và hợp tác, ủng hộ lẫn nhau tại các diễn đàn quốc tế. Trước tác động của đại dịch Covid-19, lãnh đạo cấp cao và các bộ, ngành hai nước tiếp tục duy trì trao đổi qua hình thức trực tuyến. Nhiều dự án đầu tư 100% vốn nước ngoài và liên doanh giữa hai nước đã được thiết lập và đi vào hoạt động. Các doanh nghiệp quan trọng của Việt Nam quan tâm đến thị trường Cuba và đã đến Cuba để tìm cơ hội hợp tác, đầu tư. Hiện Việt Nam là nước đầu tư lớn nhất ở khu vực châu Á – châu Đại Dương tại Cuba

**BÀI 13 : MỘT SỐ NƯỚC Ở CHÂU Á TỪ NĂM 1945 ĐẾN NĂM 1991**

### **MỞ ĐẦU**

**Câu hỏi:** Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, châu Á đã thay đổi rất nhiều. Chủ nghĩa thực dân phương Tây lần lượt sụp đổ trước chủ nghĩa dân tộc gia tăng và các đảng chính trị mới giành được ảnh hưởng. Chiến tranh lạnh cũng tràn vào khu vực này, chi phối quá trình chuyển đổi từ chế độ thuộc địa sang thời kì độc lập, tự chủ ở châu Á, đặc biệt là Đông Nam Á. Vậy, từ năm 1945 đến năm 1991, Nhật Bản, Trung Quốc và Ấn Độ đã phát triển như thế nào? Những chặng đường nào mà các quốc gia Đông Nam Á đã vượt qua để hướng tới một tương lai chung?

Trung Quốc:

* 20/7/1946, Trung hoa Quốc dân đảng phát động nội chiến chống Đảng Cộng sản Trung Quốc.
* Trong năm đầu (từ tháng 7/1946 đến tháng 6/1947), lực lượng cách mạng thực hiện chiến lược phòng ngự tích cực, không ham giữ đất, chỉ nhằm tiêu diệt lực lượng đối phương.
* Từ giữa năm 1947, Quân Giải phóng Trung Quốc chuyển sang phản công, lần lượt giải phóng nhiều vùng rộng lớn. Tháng 4-1949, tiến vào giải phóng Nam Kinh.
* Tháng 9-1949 cuộc nội chiến kết thúc, toàn bộ lục địa Trung Quốc được giải phóng. Lực lượng Quốc dân đảng chạy ra Đài Loan.
* Ngày 1/10/1049, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được thành lập.
* Thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959)
* Công cuộc cải cách – mở cửa (1978 – 2000)

Nhật Bản:

* Từ năm 1945 đến năm 1952: Nhật đã khôi phục kinh tế, đạt mức trước chiến tranh.
* Từ năm 1952 đến năm 1973: phát triển nhanh, giai đoạn phát triển "thần kì", coi trọng giáo dục và khoa học - kĩ thuật, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất ứng dụng dân dụng, đạt được nhiều thành tựu lớn.
* Từ năm 1973 đến năm 1991: phát triển xen kẽ với những giai đoạn suy thoái ngắn, tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.
* Từ năm 1991 đến năm 2000: suy thoái nhưng vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới, khoa học - kĩ thuật của Nhật vẫn tiếp tục phát triển ở trình độ cao

Ấn Độ:

* Kinh tế: nhờ cuộc ”cách mạng xanh” trong nông nghiệp Ấn Độ đã tự túc được lương thực. Đến năm 1995, Ấn Độ trở thành quốc gia xuất khẩu gạo lớn thứ 3 trên thế giới; phát triển mạnh công nghiệp nặng, chế tạo máy, điện hạt nhân,... đứng thứ 10 thế giới về công nghiệp
* Khoa học kỹ thuật: thử thành công bom nguyên tử (1947), phóng vệ tinh nhân tạo lên trái đất bằng tên lửa của mình (1975), 7 vệ tinh nhân tạo hoạt động trong vũ trụ (2002), “cách mạng chất xám” đã đưa Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phầm mềm lớn nhất thế giới.
* Đối ngoại: chính sách hòa bình trung lập tích cực, luôn luôn ủng hộ cuộc đấu tranh giành độc lập của các dân tộc

Những chặng đường:

- 1997, cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Đông Nam Á

- 1994, sáng kiến thành lập Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF)

- 1996, Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) đã khai mạc tại Băng-cốc (Thái Lan)

- 1989, Diễn đàn hợp tác châu Á - Thái Bình Dương (APEC) ra đời

- 2003, Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ chín ra Tuyên bố Hòa hợp Ba-li 2, quyết định tiến tới Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột về chính trị - an ninh, về kinh tế, về văn hóa - xã hội và tiến hành khởi thảo Hiến chương ASEAN

### **1. Các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ**

***a. Nhật Bản***

**Câu hỏi:** Dựa vào tư liệu 13.1, 13.2 và thông tin trong bài, hãy trình bày những nét chính về tình hình Nhật Bản giai đoạn 1945 - 1991. Những thay đổi của Nhật Bán hơn 20 năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai được thể hiện như thế nào qua tư liệu 13.2?

*Giai đoạn 1945 – 1952*

– Sự thất bại của Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai để lại cho Nhật Bản hậu quả hết sức nặng nề; là nơi Mĩ đóng quân từ năm 1945 đến năm 1952.

– Bộ chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh (SCAP) thực hiện ba cuộc cải cách lớn: 1- Thủ tiêu chế độ kinh tế tập trung, 2- Cải cách ruộng đất, 3- Dân chủ hoá lao động.

– Dựa vào viện trợ Mĩ, Nhật bản nỗ lực khôi phục kinh tế, đạt mức trước chiến tranh.

*\* Giai đoạn 1952 – 1973*

– Từ năm 1953 đến năm 1960 có bước phát triển nhanh, từ năm 1960 đến năm 1973, kinh tế Nhật Bản bước vào giai đoạn phát triển “thần kì”, tốc độ tăng trưởng cao liên tục, nhiều năm đạt tới hai con số (1960 – 1969 là 10,8%). Nhật Bản trở thành một siêu cường kinh tế (sau Mĩ).

– Tới năm 1968, vươn lên là vương quốc kinh tế tư bản thứ hai sau Mĩ. Từ đầu những năm 70 trở đi, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới (cùng Mĩ và Liên minh châu Âu).

*\* Giai đoạn 1973 – 1991*

– Sự phát triển kinh tế của Nhật Bản thường xen kẽ với những giai đoạn suy thoái ngắn.

– Từ nửa sau những năm 80, Nhật đã vươn lên thành siêu cường tài chính số một thế giới với lượng dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mĩ, gấp 1,5 lần của Cộng hòa LIên bang Đức. Nhật Bản cũng là chủ nợ lớn nhất thế giới.

– Từ nửa sau những năm 70, Nhật Bản bắt đầu đưa ra chính sách đối ngoại mới,thể hiện trong học thuyết Phucưđa, học thuyết Kaiphu. Nội dung chủ yếu là tăng cường quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội với các nước Đông Nam Á và tổ chức ASEAN.

***b. Trung Quốc:***

**Câu hỏi:** Dựa vào thông tin trong bài, hãy trình bày những nét chính về tình hình Trung Quốc trong giai đoạn 1945 - 1991. Theo em, tại sao tình hình Trung Quốc xảy ra nhiều biến động trong những năm 1959 - 1978?

Giai đoạn 1950 - 1958: tiến hành khôi phục nền kinh tế, cải cách ruộng đất và hợp tác hóa nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp, phát triển văn hoá, giáo dục,....

Giai đoạn 1958 - 1962: thực hiện đường lối “Ba ngọn cờ hồng" (Đường lối chung, Đại nhảy vọt, Công xã nhân dân) nhằm đẩy nhanh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Giai đoạn 1966 - 1976: tiến hành "Đại cách mạng văn hoá vô sản" nhằm triệt tiêu tàn dư của chủ nghĩa tư bản trong xã hội. Hậu quả là đất nước bị tàn phá nặng nề.

Từ năm 1978, Đặng Tiểu Bình đã lãnh đạo Trung Quốc tiến hành công cuộc cải cách - mở cửa, chủ trương xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc, lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm, xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh. Cuối thập niên 80 của thế kỉ XX, tình hình Trung Quốc dần ổn định nhờ kinh tế phát triển.

***c. Ấn Độ:***

**Câu hỏi:** Dựa vào thông tin trong bài, hãy trình bày những nét chính về tình hình Ấn Độ trong giai đoạn 1945 - 1991.

- Quan sát tư liệu 13.5 và tư liệu 13.4 ở trang 19, theo em, sự thay đổi quan trọng nhất của Ấn Độ sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- Từ năm 1950, Ấn Độ bước vào công cuộc xây dựng đất nước, đã tiến nhanh trên con đường phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học kỹ thuật. Ấn Độ đã thực hiện được công cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp, đưa Ấn Độ từ một nước đói nghèo, luôn luôn phải nhập lương thực, nay đã đủ lương thực cho hơn 80 triệu dân, lại còn có dự trữ và xuất khẩu.

- Từ năm 1991. Ấn Độ bắt đầu công cuộc cải cách kinh tế, trong đó ưu tiên hàng đầu việc cải tổ kinh tế nhà nước, nhằm biến Ấn Độ thành một quốc gia vững mạnh.

- Về đối ngoại, Ấn Độ thực hiện chính sách hòa bình trung lập, ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới. Ấn Độ đã có vai trò tích cực trong đấu tranh bảo vệ hòa bình, phấn đấu loại trừ vũ khí hạt nhân. Ấn Độ cũng đang gặp khó khăn trong việc giải quyết các vụ xung đột về tôn giáo và sắc tộc.

Quan hệ Trung - Ấn những năm đầu thế kỉ XXI còn chịu sự tác động của môi trường an ninh quốc tế. Chiến tranh lạnh kết thúc, các nước trên thế giới đều tập trung cho phát triển kinh tế, hội nhập vào trào lưu phát triển chung. Tuy nhiên, những mâu thuẫn, xung đột và chiến tranh cục bộ vẫn xảy ra, xung đột giữa thế giới phương Tây do Mĩ đứng đầu với những phần còn lại của thế giới vẫn hết sức sâu sắc. Những động thái mới trong quan hệ Mĩ - Ấn có ảnh hưởng rất lớn tới quan hệ Trung - Ấn. Trung Quốc sẽ phải có những chính sách ngoại giao khéo léo để hoá giải ý đồ của Mĩ, buộc phải thay đổi chính sách với Ấn Độ, cải thiện mối bang giao với người láng giềng nhiều duyên nợ để tránh việc Ấn Độ ngả về phía Mĩ. Với truyền thống trung lập trong ngoại giao, Ấn Độ không muốn mình trở thành một yếu tố trong chiến lược của Mĩ đối với Trung Quốc. Mặc dầu vậy, nhân tố Mĩ rõ ràng có ảnh hưởng rất lớn tới mối quan hệ Trung - Ấn hiện nay và giai đoạn tới.

### **2. Quá trình phát triển của các nước Đông Nam Á từ năm 1945 đến năm 1991**

**Câu hỏi:** Dựa vào tư liệu 13.6, bảng 13.7 và thông tin trong bài, hãy:

Lập bảng thống kê thể hiện cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của các nước Đông Nam Á giai đoạn 1945 - 1975. Tình hình kinh tế, xã hội của các nước sau khi giành được độc lập đến năm 1991 có điểm gì nổi bật?

Trình bày khái quát quá trình phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á

(ASEAN) từ khi thành lập đến năm 1991

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Giai đoạn 1: từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1920 | Giai đoạn 2: từ năm 1920 - 1945: | Giai đoạn 3: từ năm 1945 - 1975: |
| Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, sự ra đời và phát triển của giai cấp vô sản ở các nước Đông Nam Á đã tạo nền tảng cho sự hình thành khuynh  hướng mới trong phong trào đấu tranh. | Các đảng cộng sản được thành lập ở một số nước: Inđônêxia (1920), Việt Nam, Mã Lai, Xiêm và Philippin (trong những năm 30 của thế kỉ XX), mở ra khuynh hướng vô sản trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc. | Trong 10 năm đầu sau Chiến tranh (1945 - 1954), làn sóng đấu tranh dâng cao. Inđônêxia tuyên bố độc lập, Việt Nam và Lào tiến hành cách mạng giành chính quyền và tuyên bố độc lập trong năm 1945. Một số nước được trao trả độc lập như: Philíppin (1946) và Miến Điện (1948).Từ năm 1954 đến năm 1975, các nước Đông Nam Á đã lần lượt hoàn thành cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (riêng Brunei được trao trả độc lập năm 1984). |

Tình hình kinh tế, xã hội của các nước sau khi giành được độc lập đến năm 1991: dựa vào sản xuất nông nghiệp là chính, cơ sở hạ tầng còn nghèo nàn, xã hội có sự mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo

Quá trình phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) từ khi thành lập đến năm 1991:

\* Giai đoạn 1967 – 1976: ASEAN là một tổ chức non trẻ, hợp tác lỏng lẻo, chưa có vị trí trên trường quốc tế.

\* Giai đoạn 1976 – 1991:

- ASEAN hoạt động khởi sắc từ sau Hội nghị Bali (In-đô-nê-xia) tháng 2/1976, với việc ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Đông Nam Á (Hiệp ước Bali). Hiệp ức Bali đã xác định những nguyên tắc cơ bản, trong quan hệ giữa các nước:

+ Tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

+ Không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực với nhau.

+ Giải quyết các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình.

+ Hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Quan hệ hợp tác giữa các nước được đẩy mạnh trên các lĩnh vực kinh tế và chính trị.

- 1984, Brunei tham gia ASEAN

### **LUYỆN TẬP**

**Câu 1**: Hãy xác định điểm nổi bật trong tình hình Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ và các nước thuộc khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn 1945 - 1991.

Ấn Độ: Tiến hành cuộc “cách mạng xanh” trong nông nghiệp, trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ 3 thế giới, chính sách hòa bình, trung lập tích cực.

Các nước Đông Nam Á: thực hiện lần lượt 2 chiến lược phát triển kinh tế: chiến lược kinh tế hướng nội và chiến lược kinh tế hướng ngoại.

Nhật Bản: coi trọng giáo dục và khoa học - kĩ thuật, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực sản xuất ứng dụng dân dụng, đạt được nhiều thành tựu lớn, là một trong ba trung tâm kinh tế - tài chính lớn của thế giới, khoa học - kĩ thuật của Nhật vẫn tiếp tục phát triển ở trình độ cao

Trung Quốc: Thành tựu 10 năm đầu xây dựng chế độ mới (1949 – 1959), Công cuộc cải cách – mở cửa

**Câu 2:** Hãy hoàn thành đường thời gian về lịch sử khu vực Đông Nam Á giai đoạn 1945 - 1991 theo mẫu dưới đây. Sau đó, em hãy chọn một sự kiện mà em cho là quan trọng và giải thích lí do.



1945: Việt Nam, Lào, Indo giành độc lập

1954: Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược

1967: 5 quốc gia đầu tiên tuyên bố thành lập Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN): Inđônêxia, Malaixia, Xingapo, Philippin, Thái Lan.

1991: Campuchia trở thành thành viên thứ mười.

### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:** Quan sát lá cờ ASEAN dưới đây kết hợp tìm kiếm thông tin trên internet, hãy giải thích và nêu ý nghĩa các biểu tượng được thể hiện trên lá cờ.

Lá cờ ASEAN đại diện cho một ASEAN thống nhất, hòa bình và ổn định. Màu sắc của lá cờ gồm có màu xanh, đỏ, trắng và vàng, đại diện cho các màu chính của quốc kỳ các nước thành viên ASEAN. Màu xanh đại diện cho sự hòa bình và ổn định. Màu đỏ thể hiện sự năng động và lòng can đảm. Màu trắng thể hiện sự tinh khiết. Màu vàng biểu tượng cho sự thịnh vượng. Vòng tròn màu đỏ viền trắng thể hiện sự thống nhất của cộng đồng ASEAN. Hình ảnh bó lúa là tượng trưng cho ước mơ của các thành viên sáng lập về một ASEAN bao gồm tất cả các nước ở Đông Nam Á, gắn bó với nhau trong tình hữu nghị và đoàn kết. Trước kia, lá cờ cũ của ASEAN là một lá cờ với biểu tượng của bó lúa 6 nhánh màu nâu vàng đại diện cho năm nước sáng lập và Brunei (quốc gia này gia nhập và năm 1984) ở trên nền cờ trắng, hình tròn biểu tượng màu vàng nhạt và dưới biểu tượng bó lúa có viết dòng chữ ASEAN. Hiện nay, lá cờ của ASEAN đã được thay đổi thiết kế để phù hợp với sự phát triển cũng như ý nghĩa của tổ chức. Biểu tượng trung tâm của lá cờ ASEAN là bó lúa 10 nhánh bởi các quốc gia Đông Nam Á đều là những quốc gia phát triển từ nông nghiệp. Bó lúa 10 nhánh này cũng đại diện cho 10 quốc gia của Hiệp hội, thể hiện ước mơ gắn kết khu vực của các nhà sáng lập tổ chức. Vòng tròn đỏ bao lấy bó lúa chính là biểu tượng của sự thống nhất các quốc gia ASEAN.

**Bài 14: Xây dựng và bảo vệ chính quyền nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (từ tháng 9 - 1945 đến tháng 12 - 1946)**

### **MỞ ĐẦU**

**Câu hỏi:** Bài hát đưa chúng ta trở về những ngày mùa thu năm 1945. Ngay sau khi giành được độc lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, “sơn hà nguy biến”. Trước tình thế đó, Chính phủ đã đề ra những chủ trương, biện pháp gì để xây dựng và cũng cổ chính quyền, giải quyết khó khăn, bảo vệ thành quả cách mạng?

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu 6 nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: chống giặc đói; chống giặc dốt; tổ chức tổng tuyển cử; giáo dục lại tinh thần của nhân dân bằng cách thực hiện cần, kiệm, liêm, chính; bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò và cấm thuốc phiện; thực hiện tự do tín ngưỡng.

Ngày 5/9/1945, Người kêu gọi: “(Nhân dân Việt Nam) cương quyết phản đối quân Pháp kéo vào Việt Nam, vì mục đích của họ chỉ là hãm dân tộc Việt Nam vào vòng nô lệ một lần nữa… Hiện một số quân Pháp đã lọt vào nước ta. Đồng bào hãy sẵn sàng đợi lệnh Chính phủ để chiến đấu!”.

Chính phủ tổ chức “Tuần lễ vàng” để có nguồn tài chính phục vụ việc xây dựng đất nước và chuẩn bị chiến tranh chống xâm lược.

Ngày 6/1/1946, cuộc bầu cử Quốc hội khóa I đã diễn ra tại 71 tỉnh thành trong cả nước theo lối phổ thông đầu phiếu và chọn ra 333 đại biểu.

### **1. Xây dựng và củng cố chính quyền**

**Câu hỏi:** Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã có những biện pháp gì để xây dựng và củng cố chính quyền?

Tiến hành tổng tuyển cử, bầu đại biểu Quốc hội, ban hành Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam tạo cơ sở pháp lý vững chắc, xây dựng lực lượng vũ trang, đổi tên Việt Nam giải phóng quân => Vệ quốc đoàn => Quân đội Quốc gia Việt Nam

### **2. Diệt giặc đói, giặc dốt và giải quyết khó khăn về tài chính**

**Câu hỏi:** Chính phủ đã đề ra những biện pháp chủ yếu gì để giải quyết những khó khăn về kinh tế, văn hoá, giáo dục?

– Đọc tư liệu 14.2, hãy cho biết theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiệm vụ quan trọng nhất của nhà nước sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 là gì.

Kinh tế: tổ chức “Tuần lễ vàng, bạc, đồng”, xây dựng “Quỹ độc lập"

Văn hoá: Các cuộc vận động chống mê tín dị đoan, xóa bỏ các tập tục lạc hậu được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Hoạt động trên lĩnh vực văn hóa - xã hội đã tạo ra những yếu tố ban đầu hình thành nền văn hóa của chế độ dân chủ nhân dân.

Giáo dục: thành lập Nha Bình dân học vụ, hệ thống trường Phổ thông Tiểu học được thành lập thu hút con em nhân dân lao động đến trường với phương châm: người biết chữ dạy người chưa biết chữ, phong trào diệt giặc dốt được phát động rộng rãi thu hút đông đảo nhân dân tham gia.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu 6 nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: chống giặc đói; chống giặc dốt; tổ chức tổng tuyển cử; giáo dục lại tinh thần của nhân dân bằng cách thực hiện cần, kiệm, liêm, chính; bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò và cấm thuốc phiện; thực hiện tự do tín ngưỡng.

### **3. Kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược Nam Bộ**

**Câu hỏi:** Hãy trình bày những nét chính về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược của nhân dân Nam Bộ. Tình thần chống Pháp của nhân dân Nam Bộ được thể hiện như thế nào qua tư liệu 14.7?

- Ngày 23-9-1945: Chúng nổ súng tấn công Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, quân và dân Nam Bộ đã nhất tề đứng lên, quyết chiến với thực dân xâm lược.

- Ngày 30/9/1945, thực dân Pháp lâm vào thế chân tường phải nhờ vả quân đội Anh để điều đình với UBND Nam Bộ.

- Đến tháng 10/1945, cuộc kháng chiến lan rộng khắp đồng bằng Nam Bộ và mở ra đến các tỉnh Nam Trung Bộ. Đâu đâu, giặc Pháp cũng vấp phải sức kháng cự quyết liệt của quân và dân ta.

Cũng trong sáng 23/9/1945, Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, đồng chí Trần Văn Giàu phát lời kêu gọi đồng bào, lời kêu gọi mang tính hùng hồn, đanh thép: “Đồng bào Nam bộ, nhân dân thành phố Sài Gòn. Anh em công nhân, thanh niên, tự vệ, dân quân, binh sĩ!.... Từ giờ phút này, nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta là tiêu diệt giặc Pháp, tiêu diệt tay sai của chúng.

Hỡi anh em binh sĩ, dân quân, tự vệ! Hãy nắm chặt vũ khí trong tay xông lên đánh đuổi thực dân Pháp, cứu nước. Cuộc kháng chiến bắt đầu!”.

Ngay chiều 23/9/1945, cả Sài Gòn đình công, các công sở, xí nghiệp, hãng buôn đều đóng cửa, chợ không họp, xe ngừng chạy. Đêm 23/9/1945, công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn cắt toàn bộ điện, nước. Trên khắp các đường phố đều dựng chiến lũy. Nhân dân khắp các địa phương đã dựng chướng ngại vật bằng các vật dụng: bàn, ghế, giường, tủ, các loại xe để cản bước tiến của quân địch. Mọi sinh hoạt trong thành phố bị ngưng trệ. Các đội tự vệ, thanh niên xung kích nhanh chóng triển khai chiến đấu. Hàng trăm xí nghiệp và công sở, hàng chục kho tàng, bến bãi… bị phá hủy, không để rơi vào tay Pháp => Tinh thần chủ động, sẵn sàng, hết lòng, thái độ tin tưởng vào sự chỉ đạo của Đảng, thể hiện lòng yêu nước nồng nàn.

### **4. Đấu tranh chính trị, ngoại giao để bảo vệ độc lập, chủ quyền**

**Câu hỏi:**Chính phủ nước Việt Nam đã chủ động đối phó với âm mưu xâm lược của thực dân Pháp và Trung Hoa Dân quốc như thế nào?

Chính phủ nước Việt Nam đã chủ động nhất trí tán thành chủ trương hòa để tiến, quyết định tạm thời hòa hoãn với thực dân Pháp để có thêm thời gian chuẩn bị lực lượng, đồng thời loại bớt một kẻ thù nguy hiểm là chính quyền Tưởng Giới Thạch. Theo Hiệp định Sơ bộ, Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do nằm trong khối liên hiệp Pháp. Nước Việt Nam có Chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng. Việc thống nhất đất nước sẽ được quyết định bằng trưng cầu ý dân. Chính phủ Việt Nam đồng ý để 15.000 quân Pháp vào thay quân Tưởng. Quân Pháp phải rút khỏi Việt Nam sau 5 năm, mỗi năm rút một phần năm. Quân đội hai bên ngừng bắn và ở nguyên vị trí. Hai bên sẽ mở cuộc đàm phán tại một trong ba nơi: Hà Nội, Sài Gòn hoặc Paris.

=> 9/3/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị Hòa để tiến. Chỉ thị khẳng định đây là thắng lợi bước đầu, là giải pháp mang tính tình thế của Đảng, cần tận dụng thời gian hòa hoãn để tiếp tục xây dựng thực lực để mau tiến tới giành độc lập hoàn toàn.

=> Chỉ thị giải thích lý do ký Hiệp định, hòa với Pháp để “Tránh tình thế bất lợi: phải cô lập chiến đấu cùng một lúc với nhiều lực lượng phản động…”

Ngày 14/9/1946, ký với đại diện Chính phủ Pháp một bản Tạm ước về quan hệ Việt Nam - Pháp. Bản tạm ước có 11 điều khoản, thể hiện sự thỏa thuận tạm thời giữa ta và Pháp về một số vấn đề bức thiết có tính chất bộ phận, có lợi cho cả hai bên.

=> Có thể thấy rằng, để tránh cuộc chiến tranh, giữ hòa bình cho cả hai dân tộc, chúng ta đã chủ động đàm phán với Pháp, rồi ký Hiệp định sơ bộ (6/3/1946), sau đó ký Tạm ước (14/9/1946).

=> Tạm ước là nước cờ ngoại giao xuất sắc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tranh thủ thêm thời gian để xây dựng thực lực cho cuộc kháng chiến toàn quốc

### **LUYỆN TẬP**

**Câu 1:**Hãy lập sơ đồ dòng thời gian về sự kiện chính của thời kì lịch sử từ tháng 9 1945 đến tháng 12 - 1946.

- Ngày 25 – 11 – 1945, Trung ương đảng ra bản chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc”

- Ngày 6/1/1946, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tổ chức cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước

- Ngày 9/11/1946, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Quốc hội thông qua.

- Tháng 5/1946, Quân đội quốc gia Việt Nam ra đời

- Ngày 8/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ

- Ngày 23/9/1945, được sự giúp sức của quân Anh, thực dân Pháp nổ súng đánh úp trụ sở Uỷ ban Nhân dân Nam Bộ và cơ quan tự vệ Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần hai.

- Tháng 2/1946, Chính phủ Pháp và Chính phủ Trung Hoa Dân quốc kí Hiệp ước Hoa – Pháp, thoả thuận việc quân Pháp ra Bắc thay quân Trung Hoa Dân quốc làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật.

- Ngày 6/3/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với G. Xanhtơni, đại diện Chính phủ Pháp bản Hiệp định sơ bộ

- Ngày 14/9/1946, Hồ Chí Minh kí với chính phủ Pháp bản Tạm ước, nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế và văn hoá.

**Câu 2:** Hãy hoàn thành bảng thống kê các khó khăn của nước Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, biện pháp giải quyết khó khăn của Chính phủ và kết quả đạt được theo mẫu dưới đây:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khó khăn | Biện pháp Chính phủ | Kết quả |
| Xây dựng chính quyền cách mạng | Tổ chức cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội trong cả nước. | Hơn 90% cử tri đã đi bầu 333 đại biểu vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. |
| Quốc hội Khoá I Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà họp phiên đầu tiên | Lập ra Ban dự thảo Hiến pháp => Ngày 9/11/1946, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Quốc hội thông qua |
| Nạn đói | – Biện pháp trước mắt: Tổ chức hũ gạo cứu đói, tổ chức “ngày đồng tâm” để lấy gạo cứu đói, không dùng lương thực để nấu rượu.– Biện pháp lâu dài: toàn dân thi đua hăng hái tham gia sản xuất, bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lí khác, giảm tô 25%, chia lại ruộng đất công một cách công bằng. | Nạn đói bị đẩy lùi, đời sống nhân dân được cải thiện, sản xuất nông nghiệp cả nước nhanh chóng được phục hồi. Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào chính quyền cách mạng. |
| Tài chính | – Biện pháp trước mắt: phát động thực hiện “Tuần lễ vàng”, xây dựng “Quỹ độc lập”. – Biện pháp lâu dài: Ngày 23/11/1946, quyết định lưu hành tiền Việt Nam trong cả nước.  | Nhân dân cả nước đã góp được 370 kg vàng và 20 triệu đồng vào Quỹ độc lập, 40 triệu cho Quỹ đảm phụ quốc phòng.=> khó khăn về tài chính từng bước được đẩy lùi. |
| Giặc dốt | Thành lập Nha bình dân học vụ, cơ quan chuyên trách việc chống “giặc dốt”  | Chỉ sau 1 năm trên toàn quốc đã tổ chức gần 76.000 lớp học và có trên 2,5 triệu người thoát nạn mù chữ. |
| Văn hoá – xã hội | Bài trừ các tệ nạn xã hội như mê tín dị đoan, xây dựng nếp sống văn hoá mới | Nâng cao trình độ hiểu biết của nhân dân, xây dựng đời sống mới. |

### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:**Qua câu nói của Bác Hồ: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu", em có suy nghĩ gì về vai trò của học sinh đối với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?

Lịch sử xã hội loài người đã chứng minh nếu một dân tộc dốt thì dân tộc đó hay đất nước đó không thể phát triển nhanh và bền vững. Nhận thức được tác hại của dốt, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nâng thành quan điểm: dốt cũng là một thứ giặc; thói quen, tập tục lạc hậu cũng là một loại kẻ thù. Vì vậy, ngay trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, khi đề cập đến những nhiệm vụ cấp bách, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra sáu vần đề, trong đó có: "Nạn dốt - Là một trong những phương pháp độc ác mà bọn thực dân dùng để cai trị chúng ta. Hồ Chí Minh luôn đề cao vị trí, vai trò của thanh niên trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc. Người biểu lộ niềm tin vững chắc vào thế hệ trẻ, là lớp người “xung phong trong công cuộc phát triển kinh tế và văn hóa, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội” và khẳng định, thanh niên trong đó có học sinh là lực lượng cách mạng hùng hậu, bộ phận quan trọng của dân tộc, là lớp người kế tục sự nghiệp cách mạng của cha anh. Nhận thức được điều này, thế hệ học sinh Việt Nam cần phải chăm chỉ, sáng tạo, có mục đích và động cơ học tập đúng đắn, học tập để mai sau xây dựng đất nước. Chính vì vậy, thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước phải không ngừng tiếp thu kiến thức, các công nghệ mới để trang bị một nền tảng tốt, vững kỹ năng để tiếp nối các thế hệ cha anh trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức.

**Bài 15: Những năm đầu Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1950)**

### **MỞ ĐẦU**

**Câu hỏi:** Hà Nội, vào lúc 8 giờ 3 phút tối 19 – 12- 1946, đèn điện phụt tắt. Đại bác của Vệ quốc quân từ pháo đài Láng khai hoa. Bầu trời Hà Nội đỏ rực “khói lửa ngợp trời”. Đó là những giờ phút mở đầu cho toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Cuộc kháng chiến đó đã bắt đầu như thế nào và giành được những thắng lợi tiêu biểu nào trong những năm đầu kháng chiến từ năm 1946 đến năm 1950?

Mặc dù đã ký Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) và Tạm ước (14/9/1946), nhưng thực dân Pháp vẫn đẩy mạnh các hoạt động khiêu khích ta. Nghiêm trọng hơn, ngày 18/12/1946, Pháp gửi tối hậu thư buộc Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu và giao quyền kiểm soát Thủ đô cho chúng trong vòng 48 giờ. Ngày 18,19/12/1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã quyết định phát động kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp. Vào lúc 20 giờ ngày 19/12/1946, cuộc khởi nghĩa bắt đầu nổ ra ở Hà Nội. Và ngay trong đêm 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

Thắng lợi tiêu biểu: Chiến dịch Việt Bắc thu – đông 1947, Chiến dịch Biên Giới thu – đông 1950.

### **1. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ (năm 1945)**

**Câu hỏi:** Trước ngày 19 - 12 - 1946, thực dân Pháp đã có những hành động gây chiến như thế nào? Trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích như thế nào về lý do nhân dân Việt Nam buộc phải kháng chiến?

- Dựa vào tư liệu 15.1, 15.2 và 15.3, hãy nêu nội dung đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng.

– Mặc dù đã ký Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3 và Tạm ước ngày 14/9/1946, thực dân Pháp vẫn đẩy mạnh việc chuẩn bị chiến tranh xâm lược:

+ Ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, thực dân Pháp mở các cuộc tiến công.

+ Ở Bắc Bộ, hạ tuần tháng 11/1946, quân Pháp tiến công ở Hải Phòng, Lạng Sơn, cho quân đổ bộ lên Đà Nẵng, sau đó chiếm đóng Hải Phòng.

+ Tháng 12 – 1946, Pháp gây hấn ở Hà Nội, chiếm trụ sở Bộ Tài chính, gây ra vụ thảm sát ở phố Hàng Bún (Khu phố Yên Ninh)…

+ Ngày 18/12/1946, quân Pháp gửi tối hậu thư đòi giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, để cho Pháp làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự ở Hà Nội, nếu không chúng sẽ dành toàn quyền hành động vào sáng ngày 20/12/1946.

– Tình thế khẩn cấp đã buộc Đảng và Chính phủ phải có quyết định kịp thời. Ngày 18 – 12 1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định phát động cuộc kháng chiến toàn quốc.

– Tối ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, phát động nhân dân cả nước kháng chiến chống Pháp, bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Nếu tiếp tục nhân nhượng, thuận theo những điều kiện lúc này của thực dân Pháp thì đồng nghĩa với việc trao độc lập, chủ quyền của ta cho chúng. Nhân dân ta chỉ còn một con đường duy nhất là cầm vũ khí đứng lên.

Tổng Bí thư Trường Chinh đã xác định đường lối kháng chiến:

1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp là sự tiếp tục của cuộc Cách mạng tháng Tám.

2. Kháng chiến toàn dân: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên chống thực dân Pháp cứu tổ quốc.

3. Kháng chiến toàn diện: Trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế,văn hoá.

4. Tự lực cánh sinh: Kháng chiến dựa vào sức mình là chính.

5. Kháng chiến trường kỳ: Theo 3 giai đoạn: Phòng ngự, cầm cự và tổng phản công.

### **2. Những thắng lợi quân sự tiêu biểu trong những năm đầu tiên của cuộc kháng chiến (1946 – 1950)**

**Câu hỏi:** Dựa vào các tư liệu 15.4, 15.5, 15.6, 15.7, 15.8, 15.9, 15.10 và thông tin trong bài, hãy mô tả những thắng lợi tiêu biểu trong những năm đầu tiên của cuộc kháng chiến. Theo em, những thắng lợi đầu tiên đó có ý nghĩa như thế nào đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta?

Cuộc chiến đấu ở Hà Nội và các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16: Tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, giam chân chúng trong thành phố, làm thất bại một bước kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của chúng, tạo điều kiện cho cả nước đi vào cuộc kháng chiến lâu dài.

Chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947:

+ Là chiến dịch phản công lớn đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

+ Chứng minh đường lối kháng chiến của Đảng là đúng, chứng minh tính vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc.

+ Làm thất bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của giặc Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài.

Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950:

+ Là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến.

+ Mở đường liên lạc quốc tế, làm cho cuộc kháng chiến thoát khỏi tình thế bị bao vây cô lập.

+ Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc; bộ đội thêm trưởng thành và tích luỹ được nhiều kinh nghiệm.

+ Giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.=> Thắng lợi quan trọng nhất.

### **LUYỆN TẬP**

**Câu hỏi:** Hãy hoàn thành bảng thống kê các chiến thắng lớn về quân sự của Việt Nam trong giai đoạn đầu (1946-1950) của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp theo mẫu dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Tên chiến thắng** | **Mục tiêu** | **Kết quả** | **Ý nghĩa** |
| 19/12/1946 | Cuộc chiến đấu ở ở Hà Nội và các đô thị phía Bắc vĩ tuyến 16 | Gây khó khăn cho địch, chuẩn bị kháng chiến lâu dài. | Tiêu hao một bộ phận sinh lực địch, giam chân chúng trong thành phố, làm thất bại một bước kế hoạch “đánh nhanh thắng nhanh” của chúng | Tạo điều kiện cho cả nước đi vào cuộc kháng chiến lâu dài. |
| Tháng 6/1950 | Chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 | Tiêu hao một bộ phận sinh lực địch; khai thông đường sang Trung Quốc và thế giới; mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, đồng thời tạo những thuận lợi mới thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên. | Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 8.000 quân địch. Giải phóng đường biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân, chọc thủng hành lang Đông – Tây. Thế bao vây của địch đối với căn cứ Việt Bắc bị phá vỡ, kế hoạch Rơve bị phá sản. | + Là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến.+ Mở đường liên lạc quốc tế, làm cho cuộc kháng chiến thoát khỏi tình thế bị bao vây cô lập.+ Mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc; bộ đội thêm trưởng thành và tích luỹ được nhiều kinh nghiệm.+ Giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.  |
| 11/1947 | Chiến dịch Việt Bắc thu-đông năm 1947 | Bắn chìm nhiều tàu chiến, tiêu diệt địch | + Sau 75 ngày đêm chiến đấu, buộc đại bộ phận quân Pháp phải rút chạy khỏi Việt Bắc (ngày 19/12/1947); bảo toàn được cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến; bộ đội chủ lực thêm trưởng thành.+ Loại khỏi vòng chiến đấu hơn 6.000 quân địch; bắn rơi 16 máy bay, bắn chìm và cháy 11 tàu chiến, ca nô; phá huỷ nhiều xe quân sự và pháo các loại, thu nhiều vũ khí và hàng chục tấn quân trang quân dụng.  | + Là chiến dịch phản công lớn đầu tiên trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. + Chứng minh đường lối kháng chiến của Đảng là đúng, chứng minh tính vững chắc của căn cứ địa Việt Bắc. + Làm thất bại hoàn toàn chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của giặc Pháp, buộc chúng phải chuyển sang đánh lâu dài. |

### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:** Lịch sử hào hùng những ngày kháng chiến chống Pháp luôn có trong kí ức của cả dân tộc. Tìm hiểu thêm thông tin từ những người sống quanh em hoặc từ phương tiện thông tin đại chúng, hãy viết lại một sự kiện có liên quan đến kháng chiến chống Pháp giai đoạn từ năm 1946 đến năm 1950 dưới hình thức bức thư (khoảng 300 chữ) gửi cho bạn của em.

Chào Minh,

Dạo này cậu có khoẻ không? Bây giờ đã là tháng 10 rồi. Mỗi khi tháng 10 đến, tớ lại nhớ đến câu chuyện về chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950 mà ông nội tớ hay kể.

Tớ còn nhớ ông tớ kể, hồi đó, nước ta gặp rất nhiều khó khăn. Lúc bấy giờ, Mỹ đang can thiệp sâu hơn vào Đông Dương, Pháp đề ra kế hoạch Rơve, tăng cường hệ thống phòng thủ trên đường số 4, lập hành lang Đông – Tây: Hải Phòng – Hoà Bình – Sơn La, chuẩn bị tiến công Việt Bắc lần thứ hai. Thế nhưng, Chính phủ ta không hề lo sợ, quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu hao một bộ phận sinh lực địch; khai thông đường sang Trung Quốc và thế giới; mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, đồng thời tạo những thuận lợi mới thúc đẩy cuộc kháng chiến tiến lên.

Mở màn bằng trận đánh ở Đông Khê ngày 16/09/1950. Trải qua gần một tháng, chúng ta đã khiến quân Pháp phải rút khỏi hàng loạt vị trí trên đường số 4, giải phóng đường biên giới từ Cao Bằng đến Đình Lập với 35 vạn dân, chọc thủng hành lang Đông – Tây, làm cho thế bao vây của địch đối với căn cứ Việt Bắc bị phá vỡ, kế hoạch Rơve bị phá sản.

Đây cũng chính là chiến dịch tiến công lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực Việt Nam trong cuộc kháng chiến, mở đường liên lạc quốc tế, làm cho cuộc kháng chiến thoát khỏi tình thế bị bao vây cô lập. Nhờ vậy mà chúng ta giành được thế chủ động trên chiến trường chính Bắc Bộ, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Đây có lẽ là chiến dịch mà tớ thích nghe ông kể nhất. Còn cậu thì sao? Hãy liên lạc với tớ và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của cậu nhé

Bạn của cậu,

Phương.

**Bài 16: Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc thắng lợi (1951 - 1954)**

### **MỞ ĐẦU**

**Câu hỏi:**Hình ảnh đoàn dân công tham gia vận chuyển lương thực lên Điện Biên trên những chiếc xe đạp thô sơ đã trở thành biểu tượng cho sức mạnh toàn dân tham gia kháng chiến sức mạnh làm nên một “thiên sử vàng” Điện Biên Phủ chấn động địa cầu. "Thiên sử vàng” đó được kết tinh từ những thắng lợi nào trong suốt 9 năm kháng chiến trường kì, gian khổ? Vì sao cụm từ “Điện Biên Phủ – Việt Nam Hồ Chí Minh” đã trở thành niềm tự hào của nhiều dân tộc đang đấu tranh chống áp bức trên thế giới lúc bấy giờ?

Chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ (1954) đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo cơ sở thực lực về quân sự cho cuộc đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Giơnevơ, kết thúc cuộc kháng chiến. Đồng thời, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, ách thống trị của thực dân Pháp trong gần 1 thế kỉ trên đất nước Việt Nam, giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.

### **1. Kháng chiến “toàn diện”: Những thắng lợi trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục**

**Câu hỏi:** Hãy trình bày những thắng lợi trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục của Việt Nam trong giai đoạn 1951-1953.

Em có đồng ý với quan điểm cho rằng: Tầm vóc vĩ đại của cuộc kháng chiến toàn dân đã tạo nền tảng cho một thời kì nở rộ của văn chương và nghệ thuật? Tại sao?

Chính trị: Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng: Đảng ra hoạt động công khai với tên gọi là Đảng Lao động Việt Nam. Thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ mới của Đảng Lao động Việt Nam. Bầu Ban Chấp hành Trung ương mới do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Trường Chinh làm Tổng Bí thư.

Kinh tế: Chính phủ mở cuộc đại vận động sản xuất và tiết kiệm., Luật cải cách ruộng đất

Văn hoá – giáo dục: Năm 1952 có 1 triệu học sinh phổ thông; khoảng 14 triệu người thoát nạn mù chữ. Năm 1954, số học sinh tiểu học tăng 130%, học sinh trung học tăng 300%

Tầm vóc vĩ đại của cuộc kháng chiến toàn dân đã tạo nền tảng cho một thời kì nở rộ của văn chương và nghệ thuật bởi vì đây là nền văn học của chế độ mới, ra đời và phát triển trong không khí cao trào cách mạng và cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại chống Pháp. Chính hiện thực đời sống cách mạng và kháng chiến đã đem đến nguồn cảm hứng lớn, những phẩm chất mới cho văn học.

### **2. Cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954**

**Câu hỏi:**Dựa vào lược đồ 16.2, 16.3 và thông tin trong bài, hãy mô tả chiến thắng của quân dân Việt Nam trong cuộc Tiến công chiến lược Đông – Xuân 1953-1954 và chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954.

Dựa vào lược đồ 16.2 và thông tin trong bài, theo em, vì sao Điện Biên Phủ trở thành điểm quyết chiến chiến lược của thực dân Pháp trong chiến tranh Đông Dương?

– Trong đông – xuân 1953 – 1954, loại khỏi vòng chiến đấu 128.200 quân địch, thu 19.000 súng, bắn rơi và phá huỷ 162 máy bay, giải phóng nhiều vùng rộng lớn trong cả nước. Riêng tại mặt trận Điện Biên Phủ, loại khỏi vòng chiến đấu 16.200 địch, bắn rơi và phá huỷ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí và đồ dùng quân sự.

– Thắng lợi của cuộc tiến công Đông – Xuân 1953 – 1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ đã đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo cơ sở thực lực về quân sự cho cuộc đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Giơnevơ, kết thúc cuộc kháng chiến.

Điện Biên Phủ trở thành điểm quyết chiến chiến lược của thực dân Pháp trong chiến tranh Đông Dương vì Điện Biên Phủ là tập đoàn cứ điểm mạnh, trung tâm của kế hoạch Na-va, muốn làm phá sẩn hoàn toàn kế hoạch Na-va phải tiêu diệt Điện Biên Phủ .

### **3. Chiến thắng trên mặt trận ngoại giao**

**Câu hỏi:** Theo em, thắng lợi quan trọng nhất trên mặt trận ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở Hội nghị Giơ-ne-vơ là gì?

Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương là văn bản pháp lí quốc tế đầu tiên ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân các nước Đông Dương và được các cường quốc cùng các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng. Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Đông Dương, rút hết quân đội về nước, kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương, đáp ứng nguyện vọng hoà bình của nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới, làm tất bại âm mưu của đế quốc Mĩ muốn kéo dài, mở rộng và quốc tế hoá cuộc chiến tranh Đông Dương.

### **4. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp**

**Câu hỏi:** Tại sao cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam thắng lợi? Thắng lợi đó có ý nghĩa lịch sử như thế nào?

Nguyên nhân cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam thắng lợi:

+ Có sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn, sáng tạo.

+ Toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng, dũng cảm trong chiến đấu, cần cù trong lao động sản xuất.

+ Có chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, mặt trận dân tộc thống nhất được củng cố và mở rộng, lực lượng vũ trang ba thứ quân vững mạnh, hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt.

+ Được tiến hành trong liên minh chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương, được sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân, của nhân dân Pháp và loài người tiến bộ.

Ý nghĩa lịch sử:

+ Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, đồng thời chấm dứt ách thống trị của thực dân Pháp trong gần 1 thế kỉ trên đất nước Việt Nam.

+ Miền Bắc được giải phóng, chuyển sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, tạo cơ sở cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

+ Giáng đòn nặng nề vào tham vọng xâm lược, âm mưu nô dịch của chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa, cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.

### **LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Năm 1953, Pháp và Mỹ thực hiện kế hoạch Na-va nhằm mục tiêu gì? Đảng và Chính phủ Việt Nam đã chủ động đối phó như thế nào? Kết quả?

Mục tiêu kế hoạch Na-va với hi vọng trong vòng 18 tháng sẽ giành lấy một thắng lợi quyết định để “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.

Đảng và Chính phủ Việt Nam đã chủ động đối phó:

- Bộ Chính trị trung ương Đảng họp và đề ra kế hoạch tác chiến đông – xuân 1953 – 1954.

- Phương hướng chiến lược: Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công lớn vào những hướng quan trọng mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, buộc địch phải bị động phân tán lực lượng

- Phương châm chiến lược: “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt”, “đánh ăn chắc, tiến ăn chắc, chắc thắng thì đánh cho kì thắng, không chắc thắng kiên quyết không đánh”

Kết quả: đập tan hoàn toàn kế hoạch Nava, giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của thực dân Pháp, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo cơ sở thực lực về quân sự cho cuộc đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Giơnevơ, kết thúc cuộc kháng chiến.

**Câu 2:** Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 – 1954) của nhân dân Việt Nam kết thúc với những thắng lợi nào? Hãy lập sơ đồ tư duy về những thắng lợi ấy và nêu ý nghĩa.



### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:** Dựa vào thông tin trong bài kết hợp quan sát tư liệu 16.6, hãy đóng vai một nhân vật được thể hiện trong bức tranh, sau đó viết một bức thư mô tả không khi ra trận của toàn dân trong chiến dịch Điện Biên Phủ gửi đến thế hệ sau

Chào các em,

Thật hân hạnh cho anh khi ngày hôm nay được ngồi lại và viết về chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954.

Đã 70 năm trôi qua nhưng anh vẫn còn nhớ như in không khí ra trận của toàn dân ngày hôm ấy. Sau khi nhận được thông tin Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ, nhằm tiêu diệt lực lượng địch ở đây, giải phóng Tây Bắc, tạo điều kiện giải phóng Bắc Lào; giành thắng lợi quyết định, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao để kết thúc chiến tranh, toàn bộ lực lượng chiến sĩ sẵn sàng đứng lên tham gia cuộc đấu tranh bất khuất này của dân tộc.

Bằng tinh thần dũng cảm, lòng yêu nước bất khuất, nhân dân ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 128.200 quân địch, thu 19.000 súng, bắn rơi và phá huỷ 162 máy bay, giải phóng nhiều vùng rộng lớn trong cả nước, riêng tại mặt trận Điện Biên Phủ, loại khỏi vòng chiến đấu 16.200 địch, bắn rơi và phá huỷ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí và đồ dùng quân sự.

Những con số đó không chỉ thể hiện số lượng thành tích mà nhân dân ta đã là được trong chiến dịch mà nó còn thể hiện được ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập của dân tộc to lớn biết nhường nào.

Anh hi vọng rằng các em – thế hệ trẻ của Việt Nam cố gắng học tập chăm chỉ, giúp đỡ gia đình, đóng góp thật nhiều cho sự phát triển của xã hội nhé.

**Bài 17: Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1965**

### **MỞ ĐẦU**

**Câu hỏi:** Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương (1954), Mỹ đã tăng cường can thiệp quân sự, âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam. Hình ảnh bên là chiếc cầu Hiền Lương ở vĩ tuyến 17 – như một nhân chứng lịch sử – chứng kiến cuộc đấu tranh cho khát vọng thống nhất non sông của cả dân tộc. Từ năm 1954 đến năm 1965, nhân dân Việt Nam đã xây dựng đất nước, chống Mỹ, cứu nước và đạt được những thắng lợi tiêu biểu nào?

Nhân dân Việt Nam đã xây dựng đất nước, chống Mỹ, cứu nước và đạt được những thắng lợi tiêu biểu: Sự nghiệp cách mạng ở Miền Bắc, Phong trào “Đồng khởi” (1959 – 1960), “Chiến tranh đặc biệt”

### **1. Những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa (1954 – 1965)**

**Câu hỏi:**Dựa vào các tư liệu 17.2, 17.4, 17.5, 17.6, 17.7 và thông tin trong bài, hãy nêu những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa giai đoạn 1954-1965.

– Hoàn thành cải cách ruộng đất (1954-1957): Mặc dù có những hạn chế, việc cải cách ruộng đất đã đưa đến xoá bỏ triệt để chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến. Sau cải cách, bộ mặt nông thôn miền Bắc có nhiều thay đổi, khối liên minh công nông được củng cố.

– Bước đầu xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội (1961 – 1965)

– Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9/1960): Nghị quyết đại hoc soi sáng những vấn đề chủ yếu của cách mạng Việt Nam ở cả hai miền Nam, Bắc, hướng dẫn và thúc đẩy nhân dân hai miền hăng hái phấn đấu giành thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam; thực hiện hòa bình thống nhất đất nước.

– Miền Bắc thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1961 – 1965)

+ Mục tiêu: bước đầu xây dựng cơ sở vật chất – kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.

+ Nhiều phong trào thi đua yêu nước sôi nổi dã diễn ra trên miền Bắc: Duyên hải, Đại phong, Thành công, Ba nhất, Hai tốt…, đặc biệt là phong trào Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt.

+ Công nghiệp: được ưu tiên xây dựng. Giá trị sản lượng ngành công nghiệp nặng năm 1965 tăng 3 lần so với năm 1960;

+ Nông nghiệp: thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao, nhiều hợp tác xã đã đạt năng suất 5 tấn thóc/ha…

+ Thương nghiệp quốc doanh được ưu tiên phát triển, góp phần củng cố quan hệ sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân.

+ Hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường sông, đường hàng không được củng cố. Việc đi lại trong nước và giao thông quốc tế thuận lợi hơn;

+ Hệ thống giáo dục từ phổ thông đến đại học phát triển nhanh;

+ Hệ thống y tế, chăm sóc sức khỏe được phát triển

### **2. Các thắng lợi quân sự tiêu biểu của quân dân miền Nam giai đoạn 1954 – 1965**

**Câu hỏi:** Dựa vào tư liệu 17.9 và thông tin trong bài, hãy mô tả lại phong trào Đồng khởi ở Bến Tre (lực lượng tham gia, mục đích, kết quả).

Quân dân miền Nam từng bước đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ở miền Nam như thế nào?

Lực lượng tham gia: diễn ra lẻ tẻ từng địa phương, lan rộng khắp miền Nam thành cao trào cách mạng

Mục đích: Chấm dứt thời kỳ ổn định tạm thời của chế độ thực dân mới của Mĩ ở miền Nam, mở ra thời kì khủng hoảng của chế độ Sài Gòn.

Kết quả:

– Đến năm 1960, nhân dân miền Nam đã làm chủ nhiều thôn, xã ở Nam Bộ, ven biển Trung Bộ và Tây Nguyên.

– Thắng lợi của “Đồng khởi” dẫn đến sự ra đời của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20-12-1960), giương cao ngọn cờ đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân miền Nam, đấu tranh chống Mỹ và tay sai, nhằm thực hiện một miền Nam Việt Nam hoà bình, độc lập, dân chủ, trung lập, tiến tới hoà bình thống nhất Tổ quốc.

Quân dân miền Nam từng bước đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ:

– Trong những năm 1961 – 1962, Quân giải phóng đã đẩy lùi nhiều cuộc tiến công, tiêu diệt nhiều đồn bốt lẻ của địch. Tháng 1/1963, giành thắng lợi lớn trong chiến dịch Ấp Bắc; chứng minh quân dân miền Nam hoàn toàn có khả năng đánh thắng “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ, mở ra phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”.

– Trên mặt trận chống bình định, phong trào nổi dậy chống và phá “ấp chiến lược” diễn ra rất gay go quyết liệt, đến cuối năm 1962, cách mạng kiểm soát trên nửa tổng số ấp với gần 70% số dân.

– Phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng có bước phát triển, nhất là các phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên, tiểu thương, phật tử. Phong trào cũng phát triển mạnh ở các vùng nông thôn, nổi bật là cuộc đấu tranh của đội quân tóc dài.

– Do thất bại, nội bộ Mĩ và tay sai lục đục, dẫn tới cuộc đảo chính, giết chế Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu (tháng 11/1963). Từ cuối năm 1964, Mĩ thực hiện kế hoạch Giôn Xơn – Mắc Namara. Số quân Mĩ ở miền Nam lên tới 25 000, nhưng vẫn không cứu vãn được tình hình.

– Trong đông – xuân 1964 – 1965, kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận, các lực lượng vũ trang giải phóng đẩy mạnh tiến công địch, giành thắng lợi trong các chiến dịch Bình Giã (Bà Rịa), An Lão (Bình Định), Ba Gia ( Quảng Ngãi), Đồng Xoài (Biên Hoà), đẩy quân đội Sài Gòn đứng trước nguy cơ tan rã.

Phong trào đô thị và phong trào nổi dậy phá “ấp chiến lược” tiếp tục phát triển mạnh. Đến tháng 6/1965, địch chỉ còn kiểm soát được 2.200 trong tổng số 16.000 ấp. Xương sống của “Chiến tranh đặc biệt” bị bẻ gãy. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ bị thất bại.

### **LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Hãy vẽ sơ đồ tư duy về những thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa giai đoạn 1954 - 1965.



**Câu 2:** Theo em, thắng lợi tiêu biểu nào về quân sự của quân dân miền Nam giai đoạn 1960-1965 có ý nghĩa quyết định làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ?

Phong trào “Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”. Phong trào đô thị và phong trào nổi dậy phá “ấp chiến lược” tiếp tục phát triển mạnh. Đến tháng 6/1965, địch chỉ còn kiểm soát được 2.200 trong tổng số 16.000 ấp. Xương sống của “Chiến tranh đặc biệt” bị bẻ gãy. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ bị thất bạị .

### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:** Hãy sưu tầm tư liệu về cuộc đấu tranh thống nhất đất nước diễn ra ở khu vực vĩ tuyến 17 (cầu Hiền Lương, sông Bến Hải). Sau đó, viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) với chú để: “Khát vọng thống nhất non sông”.

Sông Bến Hải và cầu Hiền Lương là địa danh lịch sử nổi tiếng, đây là hai “nhân chứng lịch sử” mang trên mình nỗi đau chia cắt đất nước thành hai miền Nam Bắc suốt hơn 20 năm ròng rã. Đây cũng là nơi đã chứng kiến những trận chiến ác liệt với bom đạn và cả những trận chiến không có tiếng súng nhưng vô cùng gay go, quyết liệt. Quân đội Việt Nam Dân chủ Cộng hoà rút quân về miền Bắc, quân đội Liên hiệp Pháp rút quân về miền Nam. Việc phân chia này không có ý nghĩa về mặt chính trị hay lãnh thổ và chỉ có giá trị trong 2 năm, từ năm 1954 đến năm 1956, sau đó Việt Nam tổ chức tổng tuyển cử để thống nhất đất nước. Nhưng với âm mưu chia cắt đất nước ta, năm 1956, Ngô Đình Diệm - Tổng thống của Việt Nam cộng hòa với sự hậu thuẫn của Mỹ đã không thực hiện tổng tuyển cử thống nhất đất nước như Hiệp định Giơnevơ quy định. Cuộc kháng chiến 21 năm bên bờ Hiền Lương là cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đầy hy sinh gian khổ của quân và dân ta. Đất nước thống nhất hòa bình, người mất, người còn; nhưng công lao của quân và dân khu vực giới tuyến được sử sách khắc ghi. Để cho đến hôm nay, khi đến với mảnh đất này, ta vẫn như còn thấy hiện ra trước mắt một quá khứ hào hùng và vô cùng sống động. Chiến tranh đã lùi xa, đất nước hoà bình, thống nhất, hiện nay khu di tích đôi bờ Hiền Lương vẫn còn lưu giữ những hình ảnh, kỷ vật và còn đó, những di tích lịch sử gắn với một thời đất nước bị chia cắt. Vùng đất khói bom nghịt trời năm xưa nay đã nhường chỗ cho những cánh đồng bạt ngàn lúa, hồ tiêu, rừng cao su xanh ngút ngàn.

**Bài 18: Việt Nam từ năm 1965 đến năm 1975**

### **1. Những thắng lợi quân sự tiêu biểu của nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1965 – 1973)**

**Câu hỏi:** Hãy trình bày những thắng lợi tiêu biểu đánh dấu thắng lợi của quân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ giai đoạn 1965 - 1973.

– Những thắng lợi đó đã làm thay đổi cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam như thế nào?

- Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ (1965 – 1968)

+ Chiến thắng Bình Giã (5-1-1965)

+ Chiến thắng Núi Thành (28-5-1965) ở Quảng Nam

+ Chiến thắng Vạn Tường (18-8-1965, Quảng Ngãi)

+ Chiến thắng Đông Xuân (11/1965 - 3/1966)

+ Chiến dịch Plâyme (19/10 - 26/11/1965)

+ Chiến thắng Đông Xuân (10/1966 - 4/1967)

+ Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân Mậu Thân (30-1-1968) đã đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, thoát khỏi bộ máy kìm kẹp của Mỹ, ngụy, vùng giải phóng được mở rộng.

- Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh của Mỹ (1969 – 1973)

+ Chiến thắng đường 9 Nam Lào (31-3-1971) và Đông Bắc Campuchia

+ Cuộc tiến công chiến lược mùa xuân 1972, loại khỏi vòng chiến đấu 50 vạn tên địch, giải phóng một vùng rộng lớn với 6 triệu dân.

+ Trận “Điện Biên Phủ trên không” (18 - 29/12/1972), 12 ngày đêm đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh miền Bắc. Chúng ta đã bắn rơi 81 máy bay các loại trong đó có 34 máy bay B52 và 5 chiếc F.111, làm cho đế quốc Mỹ khiếp vía, kinh hoàng.

+ Cuộc tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân năm 1975, mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử trong suốt 55 ngày đêm quân và dân ta đã tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân ngụy Sài Gòn, gồm 1 triệu 351.000 tên, với đầy đủ những trang bị hiện đại của Mỹ, làm sụp đổ toàn bộ hệ thống ngụy quyền, chấm dứt ách thống trị 117 năm của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta, nhân dân ta thoát khỏi cảnh lầm than nô lệ.

Những thắng lợi đó đã làm thay đổi cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam

- Ở miền Nam: Đã đập tan 4 chiến lược chiến tranh xâm lược của 5 đời Tổng thống Mỹ: Diệt và loại khỏi vòng chiến đấu hơn 1 triệu quân ngụy, giết và làm bị thương 905.537 quân Mỹ và chư hầu.

- Ở miền Bắc: Đánh thắng 2 cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ (thời Giôn-xơn 8/1964 - 11/1968 và thời Ních-xơn 4/1972 - 1/1973)

### **2. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất và làm nghĩa vụ hậu phương (1965 – 1973)**

**Câu hỏi:** Nhân dân miền Bắc đã giành được thắng lợi trong hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ như thế nào?

Hãy trình bày vai trò hậu phương lớn của miền Bắc đối với miền Nam.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, miền Bắc vừa ra sức sản xuất chi viện cho miền Nam, vừa chiến đấu ngoan cường chống cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Từ ngày 6/4/1972, miền Bắc phải đối đầu với chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của đế quốc Mỹ, đỉnh cao nhất là cuộc tập kích chiến lược 12 ngày đêm bằng B52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng. Trong thử thách nặng nề đó, miền Bắc vẫn không ngừng gửi người và của vào miền Nam. Trong cuộc Tổng tiến công chiến lược làm nên Đại thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, sự chi viện sức người sức của ở miền Bắc đã lên mức cao nhất.

Miền Bắc đã đánh thắng 2 cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ (thời Giôn-xơn 8/1964 - 11/1968 và thời Ních-xơn 4/1972 - 1/1973). Bắn rơi 4.181 máy bay gồm 48 kiểu hiện đại nhất, trong đó có 68 B52; 13 F111, diệt và bắt sống hàng ngàn giặc lái, 271 lần bắn cháy và bắn chìm tàu chiến, tàu biệt kích địch.

### **3. Hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973 – 1975)**

**Câu hỏi:** Dựa vào lược đồ 18.16 và thông tin trong bài, hãy trình bày nét chính về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975.

 – Đọc tư liệu 18.17, em có đồng ý với nhận định “Sài Gòn đầu hàng với tiếng thở phào nhẹ nhõm"? Hãy giải thích.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 giành được thắng lợi vang dội đầu tiên bằng Chiến dịch Tây Nguyên (từ 10-3-1975 đến 24-3-1975). Mở đầu chiến dịch này là cuộc tiến công táo bạo, bất ngờ giải phóng hoàn toàn thị xã Buôn Ma Thuột (11-3-1975). Sau đó là thắng lợi của chiến dịch Huế-Đà Nẵng (từ 19 đến 29-3-1975), các tỉnh miền Trung và Nam Trung Bộ… Ngày 14-4, Bộ Chính trị quyết định chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định (Chiến dịch Hồ Chí Minh). Đúng 11 giờ 30 ngày 30-4-1975, lá cờ cách mạng được cắm trên nóc Dinh Độc lập. Đây là thời điểm đánh dấu thành phố Sài Gòn-Gia Định hoàn toàn giải phóng. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Trên đà chiến thắng, từ ngày 30-4-1975, đồng bào và chiến sĩ các tỉnh Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long đã đồng loạt tiến công và nổi dậy mạnh mẽ, lần lượt giải phóng các tỉnh còn lại. Ngày 1-5-1975, toàn bộ lãnh thổ đất liền miền Nam đã được giải phóng.

Em đồng ý với quan điểm đó. Trải qua 55 ngày đêm chiến đấu thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng, quân và dân Việt Nam đã tiêu diệt và làm tan rã căn cứ quân sự Mỹ-ngụy, đập tan bộ máy ngụy quyền từ trung ương đến cơ sở, xoá bỏ ách thống trị thực dân mới của Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Tiếp theo chiến công vĩ đại “đánh cho Mỹ cút”, quân và dân Việt Nam đã thực hiện trọn vẹn Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh “đánh cho ngụy nhào”, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

### **4. Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)**

**Câu hỏi:** Dựa vào sơ đồ 18.20 và các tư liệu 18.21, 18.22, 18.23, hãy trình bày nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam có ý nghĩa quan trọng như thế nào đối với lịch sử dân tộc và thế giới?

Nguyên nhân thắng lợi:

- Đường lối chính trị, quân sự và phương hướng tiến hành chiến tranh cách mạng đúng đắn, sáng tạo của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

- Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, tạo sức mạnh tổng hợp giành thắng lợi.

- Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hậu phương chiến lược với hậu phương tại chỗ, giữa hậu phương trong nước với hậu phương quốc tế.

Thắng lợi của của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX. Thắng lợi này đã kết thúc 30 năm (1945-1975) tiến hành chiến tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc, mang lại nền độc lập, thống nhất trọn vẹn cho dân tộc, mở ra bước ngoặt vĩ đại, thiết lập quyền làm chủ thật sự của nhân dân, đưa cả nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi này đã nâng truyền thống yêu nước, ý chí độc lập, tự chủ, tự cường của dân tộc Việt Nam lên tầm cao mới.

Thắng lợi của nhân dân Việt Nam góp phần tăng thêm sức mạnh và thế tiến công của cách mạng trên thế giới, đem lại lòng tin và niềm phấn khởi cho hàng trăm triệu người trên trái đất đang đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi này, cùng với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, hai tiếng “Việt Nam” đã trở thành biểu tượng chiến thắng đối với phong trào giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn thế giới, đặc biệt là đối với các nước châu Á, Phi và Mỹ la tinh.

### **LUYỆN TẬP**

**Câu hỏi:** Hãy lập bảng hệ thống những thắng lợi tiêu biểu của quân dân hai miền Nam - Bắc.

|  |  |
| --- | --- |
| Thời gian | Thắng lợi |
| 21 - 7 - 1954 | Ký Hiệp định Giơnevơ kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương |
| 1959 - 1960 | Phong trào “Đồng khởi” thắng lợi |
| 20 - 12 - 1960 | Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ra đời |
| 9 - 1960 | Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng. |
| 1961 - 1965 | Đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ. |
| 1965 - 1968 | Đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ  |
| Năm 1968 | Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân giành thắng lợi |
| 1969 - 1973 | Đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh”. |
| Năm 1972 | Tổng tiến công chiến lược thắng lợi.  |
| Năm 1973 | Thắng Mĩ trận “Điện Biên Phủ trên không”. |
| 21 - 7 - 1973 | Ký kết Hiệp định Pari |

### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:** Dựa vào kiến thức đã học trong bài, đọc tư liệu 18.18 và quan sát bức ảnh lịch sử bên cạnh, hãy:

Nêu những chi tiết trong bức ảnh tư liệu tương đồng với mô tả của báo Go-đi-ân (Anh) về ngày 30-4-1975 ở Sài Gòn.

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) về chiến thắng lịch sử 30-4-1975 với chủ đề: "Giá trị của hoà bình trong chiến thắng quân sự ngày 30-4-1975 tại Sài Gòn".

Không khí hào hùng, cả nước hân hoan hướng về thành phố Hồ Chí Minh trong niềm phấn khởi tự hào tràn ngập mọi con tim. Quân đội tươi cười vui vẻ cưỡi xe tăng vào Phủ Tổng thống ở Sài Gòn và hô lớn “Đồng chí” với những người đứng đông bên đường và các báo đang theo dõi.

Gần 50 năm đã trôi qua, nhưng chiến thắng 30/4/1975 vẫn mãi mãi là mốc son chói lọi không thể phai mờ trong lòng nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế. Báo tin tức Ai Cập viết: “Không một ai trên trái đất này, dù chính kiến hay màu da của họ như thế nào đi nữa, lại không kính trọng và tự hào về dân tộc Việt Nam, một dân tộc đã giương cao ngọn cờ chiến thắng trên phần đất cuối cùng của Tổ quốc mình vào ngày 30/4/1975”. Chiến thắng lịch sử 30-4-1975 như một thước phim tài liệu sống động về thành quả vĩ đại nhất của sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội do Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo; là trang sử hào hùng và chói lọi trên con đường dựng nước và giữ nước mấy nghìn năm lịch sử của dân tộc; đánh dấu bước ngoặt quyết định, đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do, cả nước vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Qua gần 2 tháng chiến đấu với sức mạnh áp đảo, quân và dân ta đã toàn thắng, thu non sông về một mối. Việt Nam có truyền thống yêu nước, không chịu khuất phục trước kẻ thù xâm lược; người Việt Nam khát khao độc lập, yêu chuộng hòa bình, quyết tâm thống nhất non sông. Từ những thành quả vĩ đại của cách mạng, của chiến thắng 30/4, hôm nay, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta đang ra sức thi đua phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, ổn định an ninh, xây dựng đời sống mới văn minh, thịnh vượng, từng bước nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế.

**Bài 19: Việt Nam từ năm 1976 đến năm 1991**

### **MỞ ĐẦU**

**Câu hỏi:** Chiếc cầu Hiền Lương vắt ngang trên dòng sông Bến Hải ở vĩ tuyến 17 có hai màu xanh vàng, vì trong thời kì chiến tranh, khi phía bờ Bắc sơn màu xanh thì phía bờ Nam sơn lại màu vàng. Sau ngày 30-4-1975, lịch sử đã sang trang, đất nước thống nhất, chiếc cầu hai màu trở thành di tích. Từ năm 1975 đến năm 1991, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước đã chung tay xây dựng và bảo vệ Tổ quốc như thế nào?

Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, khắc phục hậu quả của chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội ở hai miền Nam, Bắc.

### **1. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước**

**Câu hỏi:** Dựa các tư liệu 19.1, 19.2 và thông tin trong bài, hãy nêu những sự kiện liên quan đến việc hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. Tại sao việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước lại có ý nghĩa quan trọng?

– Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9/1975) đề ra nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

– Từ ngày 15 đến ngày 21/11/1975, Hội nghị hiệp thương chính trị giữa hai đoàn đại biểu hai miền Nam, Bắc họp tại Sài Gòn, nhất trí về chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

– Ngày 25/4/1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (Quốc hội Khoá VI) được tiến hành trong cả nước với hơn 23 triệu cử tri đi bỏ phiếu, bầu ra 492 đại biểu.

– Từ ngày 24/6 đến ngày 3/7/1976, Quốc hội Khoá VI, Kì họp thứ nhất đã:

+ Thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của nhà nước Việt Nam thống nhất.

+ Đặt tên nước là Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc huy mang dòng chữ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kì là cờ đỏ sao vàng năm cánh, Quốc ca là bài Tiến quân ca; Thủ đô Hà Nội. Thành phố Sài Gòn – Gia Định được đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của đất nước, bầu Ban dự thảo Hiến pháp.

– Ngày 31/7/1977, Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình Việt Nam đã thống nhất thành Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

– Ngày 18/12/1980, Hiến pháp mới đã được Quốc hội Khoá VI thông qua. Đây là bản hiến pháp thứ ba của nước Việt Nam mới, bản hiến pháp đầu tiên của thời kì cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Việc thống nhất đất nước về mặt nhà nước lại có ý nghĩa quan trọng bởi nó là cơ sở để hoàn thành thống nhất đất nước trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hoá, xã hội, là điều kiện phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước để xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, tăng cường khả năng quốc phòng – an ninh và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

### **2. Cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc**

**Câu hỏi:** Hãy lập bảng tóm tắt cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc theo các nội dung sau: Thời gian, địa điểm, nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa.

Hãy trình bày những sự kiện chủ yếu đã diễn ra trong cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam vào năm 1988.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|   | Bảo vệ biên giới Tây Nam  | Bảo vệ biên giới phía Bắc  |
| Thời gian | 1975 | 1979 |
| Địa điểm | biên giới Tây Nam | biên giới phía Bắc  |
| Nguyên nhân | Quân Pol Pot đã mở nhiều cuộc tấn công xâm lấn vào sâu lãnh thổ nước ta, gây ra hàng loạt vụ thảm sát đẫm máu đối với nhân dân dọc biên giới Việt Nam-Campuchia. Hành động của tập đoàn phản động, hiếu chiến Pol Pot-Ieng Sary đã xâm phạm thô bạo độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, gây tổn hại mối quan hệ giữa hai nước. | Một số lãnh đạo Trung Quốc đã có những hành động làm tổn hại đến mối quan hệ của nhân dân 2 nước Đêm 16 rạng sáng 17/02/1979, khoảng 600 nghìn quân Trung Quốc ồ ạt tràn qua biên giới Việt Nam từ Lai Châu đến Quảng Ninh |
| Diễn biến | - Tháng 5 – 1975, Khơme đỏ đánh chiếm đảo Phú Quốc, sau đó chiếm đảo Thổ Chu.- Ngày 22 - 12 - 1978, chúng huy động bộ binh, pháo binh tiến đánh Tây Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới phía Tây Nam nước ta.- Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, quân dân ta đã tiêu diệt và quét sạch bọn chúng ra khỏi lãnh thổ nước ta.- Theo yêu cầu của Mặt trận dân tộc cứu nước Campuchia, quân đội Việt Nam kết hợp với lực lượng cách mạng Campuchia tiến công, tiêu diệt Pôn Pốt. | - Ngày 17-2-1979, quân đội Trung Quốc huy động 32 sư đoàn mở cuộc tiến công biên giới nước ta từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).- Để bảo vệ Tổ quốc, quân dân ta đã đứng lên chiến đấu |
| Kết quả - Ý nghĩa | Ngày 7 - 1 - 1979, Thủ đô Phnôm Pênh được giải phóng. | Ngày 18 - 3 - 1979, Trung Quốc rút khỏi nước ta. |

### **3. Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1976 – 1985**

**Câu hỏi:** Hãy cho biết những nét chính về tình hình Việt Nam trong những năm 1976-1985. Đọc tư liệu 19.12, theo em, Đảng đã chỉ ra những khó khăn cơ bản nào trong đời sống xã hội của nhân dân?

- Miền Bắc: hai cuộc chiến tranh phá hoại của Mĩ đã tàn phá nặng nề, sản xuất nhỏ còn phổ biến, nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu.

- Miền Nam: hậu của 30 năm chiến tranh (1945 – 1975) hết sức nặng nề; những tàn dư của chế độ thực dân mới còn rất lớn; sản xuất nhỏ là phổ biến.

### **4. Công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến năm 1991**

**Câu hỏi:** Việt Nam thực hiện đường lối đổi mới trong hoàn cảnh nào?

- Hãy nêu nội dung đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước. Trình bày kết quả, ý nghĩa và hạn chế trong bước đầu thực hiện đường lối đổi mới từ năm 1986 đến năm 1991

Hoàn cảnh:
- Trong nước: Trải qua 10 năm thực hiện hai kế hoạch 5 năm (1976 – 1980 và 1981 – 1985), Việt Nam đạt được những kết quả nhất định trên cả hai phương diện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, song cũng gặp nhiều khó khăn. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế – xã hội, do “sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện”.
- Quốc tế:
+ Những thay đổi của tình hình thế giới và quan hệ giữa các nước do tác động của cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật trở thành xu thế thế giới, đặt ra yêu cầu phải đổi mới.
+ Cuộc khủng hoảng toàn diện, trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trong khi các nước này đang tiến hành công cuộc cải tổ, cải cách, đổi mới, sửa chữa sai lầm, khuyết điểm. Tình hình đó cũng đòi hỏi Đảng và Nhà Việt Nam phải tiến hành đổi mới.
Nội dung:
+ Mục tiêu: Dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “xây lại dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, “xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”.
+ Về kinh tế:
Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với một cơ cấu hợp lí, một nền kinh tế phát triển theo những quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời chịu sự chi phối bởi bản chất và những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội.
Phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu hợp pháp, quyền bình đẳng của các thành phần kinh tế; khuyến khích mọi thành phần kinh tế sản xuất, kinh doanh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.
Cải tạo quan hệ sản xuất, cải tạo đi đôi với sử dụng, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất. Đây là nhiệm vụ thường xuyên trong suốt thời kì quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.
Xoá bỏ cơ chế quản lí kinh tế tập trung, quan liêu, bao cấp, hình thành cơ chế thị trường có sự quản lí của nhà nước. Quản lí nền kinh tế không phải bằng những mệnh lệnh hành chính, mà bằng những biện pháp kinh tế, khuyến khích lợi ích vật chất.
Thực hiện nhiều hình thức phân phối, chủ yếu là phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.
Thực hiện chính sách mở cửa và hội nhập, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, mở rộng sự phân công lao động và hợp tác kinh tế quốc tế, tích cực khai thác nguồn vốn, công nghệ và thị trường.
+ Về chính trị:
Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nhà nước của dân, do dân và vì dân; lấy liên minh công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức làm nền tảng, do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân, coi dân chủ vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới.
Thực hiện quyền dân chủ của nhân dân, chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân.
Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập hợp mọi lực lượng dân tộc, phấn đấu vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh.
Thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá, vì hoà bình, hữu nghị và hợp tác. Chủ động hội nhập quốc tế. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước trên thế giới.
Kết quả:
– Việc thực hiện Ba chương trình kinh tế lớn (lương thực – thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu) trong 10 năm 1986 – 1996 đạt được những kết quả quan trọng
– Đất nước đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng về kinh tế – xã hội. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu tiên là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá đã căn bản hoàn thành; chuyển sang thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhằm phấn đấu đến năm 2020 căn bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.
+ Cơ cấu các ngành kinh tế từng bước dịch chuyển theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; từng bước phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lí của Nhà nước.
+ Kiềm chế được lạm phát.
+ Hoạt động ngoại thương ngày càng phát triển. Năm 1990, lần đầu tiên Việt Nam xuất khẩu 1,5 triệu tấn gạo, vươn lên hàng những nước xuất khẩu gạo nhiều nhất thế giới. Đến năm 2000, Việt Nam có quan hệ mậu dịch với trên 100 nước và vùng lãnh thổ. Tổng số vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào Việt Nam ngày càng tăng. Các doanh nghiệp Việt Nam cũng từng bước mở rộng đầu tư ra các nước trên thế giới.
– Tình hình chính trị – xã hội cơ bản ổn định, quốc phòng – an ninh được tăng cường. Bước đầu thực hiện dân chủ hoá và công khai hoá các hoạt động xã hội.
– Đã giải quyết ngày càng tốt hơn các vấn đề xã hội như lao động và việc làm, xoá đói giảm nghèo, phát triển sự nghiệp văn hoá, y tế, giáo dục, khoa học – công nghệ, thể dục thể thao
– Mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây cấm vận; bình thường hoá và phát triển quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Hoa Kì…; chủ động hội nhập quốc tế, tham gia các tổ chức quốc tế: ASEAN, APEC, WTO… Việt Nam tham gia tích cực vào các hoạt động của cộng đồng quốc tế. Đến năm 2000, Việt Nam có quan hệ với 140 nước trên thế giới, quan hệ đầu tư với gần 70 nước và vùng lãnh thổ.
Hạn chế: Nền kinh tế phát triển chưa bền vững, năng xuất lao động, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp; lạm phát vẫn ở mức cao; tình trạng tham nhũng, lãng phí chưa được ngăn chặn; sự phân hoá giàu nghèo giữa các vùng, giữa thành thị và nông thôn gia tăng…

### **LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Hãy lập bảng thống kê về các sự kiện chính trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biên giới và biển đảo của Việt Nam giai đoạn 1975-1989.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|   | Bảo vệ biên giới Tây Nam  | Bảo vệ biên giới phía Bắc  |
| Thời gian | 1975 | 1979 |
| Địa điểm | biên giới Tây Nam | biên giới phía Bắc  |
| Nguyên nhân | Quân Pol Pot đã mở nhiều cuộc tấn công xâm lấn vào sâu lãnh thổ nước ta, gây ra hàng loạt vụ thảm sát đẫm máu đối với nhân dân dọc biên giới Việt Nam-Campuchia. Hành động của tập đoàn phản động, hiếu chiến Pol Pot-Ieng Sary đã xâm phạm thô bạo độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, gây tổn hại mối quan hệ giữa hai nước. | Một số lãnh đạo Trung Quốc đã có những hành động làm tổn hại đến mối quan hệ của nhân dân 2 nước Đêm 16 rạng sáng 17/02/1979, khoảng 600 nghìn quân Trung Quốc ồ ạt tràn qua biên giới Việt Nam từ Lai Châu đến Quảng Ninh |
| Diễn biến | - Tháng 5 – 1975, Khơme đỏ đánh chiếm đảo Phú Quốc, sau đó chiếm đảo Thổ Chu.- Ngày 22 - 12 - 1978, chúng huy động bộ binh, pháo binh tiến đánh Tây Ninh, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lấn biên giới phía Tây Nam nước ta.- Thực hiện quyền tự vệ chính đáng, quân dân ta đã tiêu diệt và quét sạch bọn chúng ra khỏi lãnh thổ nước ta.- Theo yêu cầu của Mặt trận dân tộc cứu nước Campuchia, quân đội Việt Nam kết hợp với lực lượng cách mạng Campuchia tiến công, tiêu diệt Pôn Pốt.  | - Ngày 17-2-1979, quân đội Trung Quốc huy động 32 sư đoàn mở cuộc tiến công biên giới nước ta từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Phong Thổ (Lai Châu).- Để bảo vệ Tổ quốc, quân dân ta đã đứng lên chiến đấu |

**Câu 2:** Theo em, thành tựu nổi bật nhất trong công cuộc đổi mới đất nước (1986 -1991) là gì? Thành tựu ấy có ý nghĩa và giá trị như thế nào trong bối cảnh đất nước lúc bấy giờ?

– Mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây cấm vận; bình thường hoá và phát triển quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Hoa Kì…; chủ động hội nhập quốc tế, tham gia các tổ chức quốc tế: ASEAN, APEC, WTO… Việt Nam tham gia tích cực vào các hoạt động của cộng đồng quốc tế.

Những thành tựu của 15 năm đổi mới (1986 – 2000) chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, bước đi của công cuộc đổi mới về cơ bản là phù hợp, được đông đảo quần chúng ủng hộ. Việc mở rộng quan hệ quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững môi trường hoà bình, tạo thêm nhiều thuận lợi để đổi mới và phát triển kinh tế – xã hội với nhịp độ nhanh hơn.

### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:** Hãy sưu tầm tư liệu về các cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biên giới và biển đảo Việt Nam, viết một đoạn văn ngắn về nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em ấn tượng nhất.

Ngày 02/5/2014, Trung Quốc ngang nhiên kéo giàn khoan Hải Dương 981 tới vị trí cách đảo Tri Tôn thuộc quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam 17 hải lý về phía Nam, cách đảo Lý Sơn của tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam khoảng 120 hải lý về phía Đông. Đây là vị trí nằm hoàn toàn trong vùng đặc quyền kinh tế 200 hải lý của Việt Nam theo Công ước Liên Hợp Quốc về Luật Biển quốc tế năm 1982. Để bảo vệ giàn khoan tỉ đô này, Trung Quốc huy động tới 80 tàu thuyền các loại, trong đó có 07 tàu quân sự, như tàu hộ vệ tên lửa 534, tàu tuần tiễu tên lửa tấn công nhanh 753, 33 tàu hải cảnh, cùng nhiều tàu vận tải và ngư binh. Ngoài ra, hàng ngày còn có hàng chục tốp máy bay hoạt động trên khu vực. Có những thời điểm, số lượng tàu hộ tống của Trung Quốc lên tới hơn 100 chiếc.

Để bảo vệ quyền chủ quyền, quyền tài phán của mình trong vùng đặc quyền kinh tế theo đúng quy định của luật pháp quốc tế, Việt Nam đã cử 29 tàu chấp pháp tới các khu vực gần giàn khoan Hải Dương 981 của Trung Quốc khi nhận thấy giàn khoan này định thiết lập vị trí cố định. Lực lượng thực thi pháp luật của Việt Nam tích cực tuyên truyền, kêu gọi Trung Quốc chấm dứt ngay hành vi vi phạm pháp luật quốc tế, rút giàn khoan ra khỏi vùng biển Việt Nam.

Ngày 05/5/2014, Việt Nam tổ chức họp báo, trong đó người phát ngôn Bộ Ngoại giao khẳng định mọi hoạt động của nước ngoài trên các vùng biển của Việt Nam khi chưa được phép của Việt Nam đều là bất hợp pháp và vô giá trị. Đáp lại, tàu Trung Quốc liên tục có những hành vi gây hấn, khiêu khích như mở bạt che pháo để uy hiếp, sử dụng vòi rồng tấn công tàu của Việt Nam, sẵn sàng đâm húc gây hư hỏng cho tàu Việt Nam và làm bị thương một số kiểm ngư viên.

Ngày 11/5/2014, tại Hội nghị thượng đỉnh ASEAN lần thứ 24 ở Myanmar, Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng lần đầu tiên công khai tố cáo Trung Quốc về việc đưa giàn khoan Hải Dương 981 cùng hơn 80 tàu hộ tống đi vào vùng biển Việt Nam và kêu gọi sự ủng hộ của quốc tế.

Ngày 15/5/2014, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Lê Hải Bình tuyên bố Việt Nam đã đưa công hàm phản đối Trung Quốc ra Liên Hợp Quốc. Ngày 20/5/2014, phái đoàn thường trực Việt Nam bên cạnh Liên Hợp Quốc tại Geneva đã gửi thông cáo đến Văn phòng Liên Hợp Quốc, Tổ chức Thương mại Thế giới và các tổ chức quốc tế khác cũng như các cơ quan báo chí có trụ sở tại Geneva, về sự kiện Trung Quốc vi phạm nghiêm trọng chủ quyền Việt Nam tại Biển Đông.

Ngày 26/5/2014, tàu Trung Quốc đã bao vây và đâm chìm một tàu cá của ngư dân Đà Nẵng cách giàn khoan 17 hải lý ở khu vực phía Nam Tây Nam, đây là là ngư trường truyền thống, thuộc vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam.

Việt Nam đã tích cực tuyên truyền, giải thích rõ lập trường của mình cũng như cập nhật tình hình trên biển cho bạn bè quốc tế, để dư luận các nước hiểu rõ sự vi phạm của Trung Quốc trong vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam. Cộng đồng quốc tế đã có những phản ứng quyết liệt trước cách hành xử của Trung Quốc trên Biển Đông. Một loạt các quốc gia như Mỹ, Nhật Bản, Philippines, Indonesia, Ấn Độ đã lên án các hành động bất chấp luật pháp quốc tế, gây mất ổn định và làm gia tăng căng thẳng trong khu vực của Bắc Kinh. Trước những sức ép ngày càng lớn đến từ dư luận trong nước và quốc tế, Trung Quốc không còn con đường nào khác, ngày 16/7/2014, Trung Quốc đã quyết định rút giàn khoan phi pháp Hải Dương 981 ra khỏi vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam, sớm hơn 01 tháng so với kế hoạch và được che đậy bằng lý do “đã hoàn thành nhiệm vụ”.

Đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo trong bối cảnh hiện nay là vấn đề của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và cả hệ thống chính trị. Những bài học kinh nghiệm được đúc rút từ sự kiện Hải Dương 981 và những sự kiện lịch sử quan trọng khác trong quá trình đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam luôn mang tính thời sự và có ý nghĩa sâu sắc trong bối cảnh hiện nay. Sự nghiệp đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo còn gian lao, khó khăn, nhưng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, sự quản lý hiệu quả của Nhà nước, sự điều hành linh hoạt của Chính phủ, sự nghiệp bảo vệ chủ quyền biển đảo của chúng ta nhất định thắng lợi.

**Bài 20: Trật tự thế giới mới từ năm 1991 đến nay**

### **MỞ ĐẦU**

**Câu hỏi:** Ngày 3-12-1989, trong cuộc gặp gỡ không chính thức tại đảo Man-ta, Tổng Bí thư Liên Xô M. Goóc-ba-chốp và Tổng thống Mỹ G. H. U. Bu-sơ (George H. W. Bush) đã tuyên bố sự hận thù lâu dài là nguyên nhân cốt lõi của Chiến tranh lạnh đã đi đến hồi kết. Phản ảnh sự kiện này, trang bìa Tạp chí Time, trong số ra vào tháng 12 – 1989, đăng hình ảnh hai lãnh đạo Xô – Mỹ và dòng chữ “Xây dựng thế giới mới”. Vậy, trong sự thay đổi đó của lịch sử, trật tự thế giới mới đã được hình thành như thế nào?

Trật tự thế giới mới đang trong quá trình hình thành theo xu hướng “đa cực”, với sự vươn lên của các cường quốc như Mĩ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên minh châu Âu… Với xu thế phát triển của thế giới sau Chiến tranh lạnh, ngày nay các quốc gia - dân tộc vừa có những thời cơ phát triển thuận lợi, vừa phải đối mặt với những thách thức gay gắt.

### **1. Trật tự thế giới cuối thế kỉ XX**

**Câu hỏi:** Sau khi Liên Xô tan rã (1991), trật tự thế giới cuối thể thể kỉ XX được định hình theo xu hướng nào?

Cuối thể kỉ XX, trật tự thế giới dần được định hình theo xu hướng đơn cực, trong đó Mỹ là siêu cường duy nhất, Liên minh châu Âu, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga có vai trò, ảnh hưởng nhất định trong phạm vi khu vực .

### **2. Xu hướng hình thành trật tự thế giới mới vào đầu thế kỉ XXI**

**Câu hỏi:** Hãy trình bày xu hướng hình thành trật tự thế giới mới vào đầu thế kỉ XXI. Tại sao Mỹ không thể tiếp tục duy trì trật tự thế giới đơn cực?

Giới cầm quyền Mĩ đã ra sức thiết lập trật tự thế giới “một cực” để Mĩ làm bá chủ thế giới. Sự kiện ngày 11-9-2001 đã đặt các quốc gia - dân tộc đứng trước những thách thức của chủ nghĩa khủng bố với những nguy cơ khó lường. Nó đã gây ra những tác động to lớn, phức tạp đối với tình hình chính trị thế giới và cả trong quan hệ quốc tế.

**Câu hỏi:**Hoàn thành bảng thông tin theo gợi ý dưới đây

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Xu hướng hình thành trật tự thế giới | Cuối thế kỉ XX | Đầu thế kỉ XX |
| Trật tự thế giới mới lại đang trong quá trình hình thành với sự vươn lên của các cường quốc như Mĩ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Liên bang Nga, Trung Quốc. | Mĩ ra sức thiết lập trật tự thế giới “đơn cực” âm mưu bá chủ thế giới. |

### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:** Theo em, tuyên bố “Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế” phản ảnh Việt Nam hướng đến xu hướng nào của trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh (1991)?

Xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế là hòa bình, hợp tác và phát triển.

**Bài 21: Liên bang Nga và nước Mỹ từ năm 1991 đến nay**

### **MỞ ĐẦU**

**Câu hỏi:** Sau Chiến tranh lạnh, Liên bang Nga và nước Mỹ cùng tiến vào thế giới mới trên hai nền tảng chính trị và kinh tế khác nhau. Nhưng trong một thế giới toàn cầu hóa, nhiều biển động, liên đới trên nhiều phương diện, từ năm 1991 đến nay, tình hình chính trị, kinh tế của hai quốc gia này đã phát triễn ra sao?

Liên bang Nga:

– Từ sau năm 1991, Liên bang Nga là “quốc gia kế tục Liên Xô”, kế thừa địa vị pháp lí của Liên Xô tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc cũng như các cơ quan ngoại giao của Liên Xô ở nước ngoài.

– Trong thập kỉ 90, dưới chính quyền Tổng thống Enxin, tình hình Liên bang Nga chìm đắm trong khó khăn và khủng hoảng.

– Về kinh tế:

* Trước năm 1996: Việc tư nhân hoá đã làm cho nền kinh tế Nga trở nên rối loạn. Sản xuất công nghiệp năm 1992 giảm xuống còn 20%. Từ năm 1990 đến năm 1995, tốc độ tăng trưởng GDP luôn là số âm.
* Từ năm 1996, nền kinh tế Nga dần dần phục hồi, năm 1997 đạt tăng trưởng kinh tế 0,5%, năm 2000 là 9%.

– Về chính trị:

* Hiến pháp 1993, quy định Liên bang Nga theo chế độ Tổng thống Liên bang.
* Từ năm 1992 – 1999, Tổng thống Enxin, nước Nga đứng trước hai thử thách lớn. Một là tình trạng không ổn định về chính trị, tranh chấp giữa các đảng phái. Hai là những cuộc xung đột sắc tộc (Trecxia…).
* Từ năm 2000, V.Putin làm Tổng thống , nhà nước pháp quyền được củng cố, tình hình xã hội ổn định; nhưng vẫn đứng trước thử thách lớn: xu hướng li khai và nạn khủng bố…

– Về đối ngoại:

* Trong những năm 1992 – 1993, nước Nga theo đuổi chính sách “định hướng Đại Tây Dương” – ngả về phương Tây, hi vọng nhận sự ủng hộ về chính trị và viện trợ về kinh tế. Nhưng sau 2 năm, nước Nga đã không đạt kết quả như mong muốn.
* Từ năm 1994, nước Nga chuyển sang chính sách đối ngoại “định hướng Âu – Á”, trong khi tranh thủ phương Tây, vẫn khôi phục và phát triển mối quan hệ với châu Á (một số nước trong SNG, Trung Quốc, Ấn Độ, các nước ASEAN).

– Từ năm 2000, chính quyền của Tổng thống V.Putin đã đưa Liên bang Nga dần thoát khỏi khó khăn và khủng hoảng, kinh tế hồi phục và phát triển; chính trị, xã hội ổn định và địa vị quốc tế được nâng cao để trở lại vị thế một cường quốc Âu – Á.

Mỹ:

- Thập niên 90, kinh tế suy thoái ngắn nhưng vẫn đứng đầu thế giới.

- Tổng thống Clinton (1993 - 2001) cầm quyền, kinh tế Mĩ phục hồi và phát triển trở lại. Kinh tế Mĩ vẫn đứng đầu thế giới (GNP là 9765 tỷ USD, GNP đầu người là 34.600USD, chiếm 25% giá trị tổng sản phẩm thế giới, chi phối nhiều tổ chức kinh tế – tài chính quốc tế như WTO, INF, G7, WB…).

- Khoa học – kỹ thuật: Phát triển mạnh, nắm 1/3 lượng bản quyền phát minh sáng chế của toàn thế giới. Đến năm 2003, Mĩ đạt 286/755 giải Nobel khoa học.

- Đạt nhiều thành tựu văn hóa đáng chú ý: Giải Osca (điện ảnh), Grammy (âm nhạc), 11 giải Nobel văn chương (thứ hai thế giới sau Pháp),...

- Thập niên 90, chính quyền B.Clinton thực hiện chiến lược “Cam kết và mở rộng” với ba mục tiêu cơ bản:

+ Bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.

+ Tăng cường khôi phục và phát triển tính năng động và sức mạnh của nền kinh tế Mĩ.

+ Sử dụng khẩu hiệu “Thúc đẩy dân chủ” để can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác.

### **1. Tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ năm 1991 đến nay**

**Câu hỏi:** Hãy nêu những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của Liên bang Nga từ sau khi Liên Xô tan rã (1991) đến nay.

- Dựa vào tư liệu 21.2, hãy nêu nhận xét về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Liên bang Nga giai đoạn 1991-2021

– Về kinh tế:

* Trước năm 1996: Việc tư nhân hoá đã làm cho nền kinh tế Nga trở nên rối loạn. Sản xuất công nghiệp năm 1992 giảm xuống còn 20%. Từ năm 1990 đến năm 1995, tốc độ tăng trưởng GDP luôn là số âm.
* Từ năm 1996, nền kinh tế Nga dần dần phục hồi, năm 1997 đạt tăng trưởng kinh tế 0,5%, năm 2000 là 9%.

– Về chính trị:

* Hiến pháp 1993, quy định Liên bang Nga theo chế độ Tổng thống Liên bang.
* Từ năm 1992 – 1999, Tổng thống Enxin, nước Nga đứng trước hai thử thách lớn. Một là tình trạng không ổn định về chính trị, tranh chấp giữa các đảng phái. Hai là những cuộc xung đột sắc tộc (Trecxia…).
* Từ năm 2000, V.Putin làm Tổng thống , nhà nước pháp quyền được củng cố, tình hình xã hội ổn định; nhưng vẫn đứng trước thử thách lớn: xu hướng li khai và nạn khủng bố

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Nga: có tăng trưởng xen lẫn sụt giảm, không đồng đều qua các năm. Năm 2000, kinh tế có tốc độ phát triển vượt bậc.

### **2. Tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay**

**Câu hỏi:** Dựa vào thông tin trong bài và các tư liệu 21.3, 21.4, 21.5, hãy nêu những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế của nước Mỹ từ năm 1991 đến nay.

- Thập niên 90, kinh tế suy thoái ngắn nhưng vẫn đứng đầu thế giới.

- Tổng thống Clinton (1993 - 2001) cầm quyền, kinh tế Mĩ phục hồi và phát triển trở lại. Kinh tế Mĩ vẫn đứng đầu thế giới (GNP là 9765 tỷ USD, GNP đầu người là 34.600USD, chiếm 25% giá trị tổng sản phẩm thế giới, chi phối nhiều tổ chức kinh tế – tài chính quốc tế như WTO, INF, G7, WB…).

- Từ năm 1991 – 2021, tình hình chính trị nước Mỹ có nhiều biến động: xả súng, giết người hàng loạt, biểu tình chống phân biệt chủng tộc, chống tự do vũ khí, khủng bố tấn công vào Trung tâm Thương mại thế giới thành phố New Ỷork và Lầu Năm Góc .

### **LUYỆN TẬP**

**Câu hỏi:** Hãy nêu nhận xét về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Liên bang Nga và nước Mỹ giai đoạn 1991-2021.

Nga: Năm 2020, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Nga giảm 3,0% so với mức giảm 3,8% của nền kinh tế thế giới. Sau khi suy giảm tới 3,0% trong năm 2020, nền kinh tế Nga đã phục hồi mạnh mẽ trong nửa đầu năm 2021. GDP của Nga tăng 4,7% trong năm 2021, nhanh nhất kể từ năm 2008 => tốc độ tăng trưởng nhanh nhưng còn tồn tại nhiều hạn chế

Mỹ: Sự xuất hiện của Covid-19 đã đẩy tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Mỹ sụt giảm 31,4% (số liệu đã được hiệu chỉnh yếu tố mùa vụ và quy đổi thành tốc độ tăng/giảm hàng năm) trong quý 2/2020, một cú giảm thuộc loại mạnh nhất trong lịch sử nước này. GDP chỉ giảm trong hai tháng 3 và 4/2020 rồi chuyển sang hồi phục, đánh dấu đợt suy thoái ngắn nhất từng ghi nhận ở Mỹ.  Sự phục hồi mạnh mẽ sau đó đã diễn ra, đưa kinh tế Mỹ tăng trưởng 33,1% trong quý 3/2020 - mức tăng mạnh nhất trong lịch sử Mỹ => tăng trưởng nhanh, nhưng còn tồn tại nhiều rủi ro có thể gây giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế

### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:** Hãy chọn một vấn đề chính trị hoặc kinh tế của Mỹ, Liên bang Nga mà em cho là có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của hai quốc gia này. Giải thích li do cho sự lựa chọn của em.

Kể từ khi bùng phát xung đột Nga - U-crai-na, cuộc xung đột này vẫn tiếp diễn, chưa biết khi nào mới có thể kết thúc và kết thúc như thế nào. Nó đã và đang để lại nhiều hệ lụy lớn về kinh tế - xã hội, nhất là lĩnh vực nhân đạo. Sau khi nền kinh tế Nga giảm 2,1% vào năm 2022, nước Nga vào năm 2023 đã lấy lại quy mô nền kinh tế như mức trước cuộc xung đột. Tuy nhiên, nước Nga cũng không tránh khỏi những khía cạnh tiêu cực của cuộc chiến. Nền kinh tế đã bị cản trở nghiêm trọng bởi các lệnh trừng phạt mang tính toàn cầu.

**Bài 22: Châu Á từ năm 1991 đến nay**

### **1. Tình hình kinh tế - xã hội của các nước Đông Bắc Á**

**Câu hỏi:** Hãy trình bày tình hình phát triển kinh tế của Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc từ năm 1991 đến nay? Em có nhận xét gì về chiến lược phát triển kinh tế của Trung Quốc được thể hiện qua tư liệu 22.1?

Trung Quốc:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất

- Năm 2010, trở thành quốc gia có nền kinh tế lớn thứ 2 trên thế giới

Nhật Bản:

- Trung tâm kinh tế - tài chính của thế giới

- Cuối thế kỉ XX có suy thoái nhưng bắt đầu tăng trưởng trở lại từ năm 2000 đến nay

Hàn Quốc:

- Từ năm 1997, kinh tế khôi phục, phát triển mạnh

- Tăng trưởng kinh tế âm vào năm 2020 do dịch COVID nhưng nhanh chóng phục hồi vào năm 2021

Chiến lược Trung Quốc: chú trọng chất lượng tăng trưởng thay vì các chỉ tiêu về số lượng hay tốc độ tăng trưởng, ưu tiên phát triển công nghệ mới, công nghệ tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường.

### **2. Quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay**

**Câu hỏi:**Hãy nêu các sự kiện quan trọng đánh dấu quá trình phát triển của ASEAN từ năm 1991 đến nay

Tại sao Tuyên bố về ứng xử của các bên liên quan ở Biển Đông (DOC) là một thành tựu quan trọng của tiến trình hợp tác khu vực?

Năm 1995, Việt Nam gia nhập ASEAN, mở ra thời kỳ hòa nhập cùng phát triển ở Đông - Nam Á

Năm 1997, Lào, Mianma gia nhập ASEAN, thông qua “tầm nhìn ASEAN 2020”

Năm 1999, Cam-pu-chia gia nhập

Năm 2003, hướng tới Cộng đồng ASEAN trên tiến trình thực hiện Tầm nhìn 2020, tổ chức thế vận hội khu vực (SEA GAMES)

Năm 2004, thông qua kế hoạch xây dựng 3 trụ cột trong hợp tác

Năm 2015, cộng đồng ASEAN được thành lập

Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (gọi tắt theo tiếng Anh là DOC) được Ngoại trưởng các nước ASEAN và Trung Quốc ký ngày 04/11/2002 tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 8 ở Phnompenh (Campuchia). Đây là văn kiện chung đầu tiên giữa ASEAN và Trung Quốc, trực tiếp liên quan vấn đề Biển Đông.

### **LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Hãy nêu nhận xét về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc giai đoạn 1991 - 2021. Theo em, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc cần ưu tiên giải quyết vấn đề nào trong các thách thức mà xã hội đang đổi mặt? Tại sao?

Trung Quốc đã đạt được một chu kỳ tăng trưởng GDP bình quân đầu người 30 năm cao nhất thế giới (8,5%/năm). Tuy nhiên, đến thời điểm năm 2021, GDP bình quân đầu người theo giá năm 2015 của Trung Quốc chỉ là 11.560 đô la Mỹ, bằng 39,4% con số của Nhật Bản vào năm 1991; còn GDP/người theo giá hiện tại của Trung Quốc chỉ là 12.720 đô la, chưa bước qua mức nước có thu nhập cao theo phân loại của Ngân hàng Thế giới (WB) => tăng không đồng đều, xen kẽ giảm

Tốc độ tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Hàn Quốc ước tính đạt 4% vào năm 2021. Đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2010 khi GDP của Hàn Quốc tăng 6,8%. Trước đó, vào tháng 11-2021, dự báo ền kinh tế Hàn Quốc sẽ đạt tốc độ tăng trưởng 4% trong năm 2021 và 3% trong năm 2022 => kinh tế có dấu hiệu phục hồi, gia tăng mạnh mẽ

Sự xuất hiện của Covid-19 đã đẩy tổng sản phẩm trong nước (GDP) của Mỹ sụt giảm 31,4% (số liệu đã được hiệu chỉnh yếu tố mùa vụ và quy đổi thành tốc độ tăng/giảm hàng năm) trong quý 2/2020, một cú giảm thuộc loại mạnh nhất trong lịch sử nước này. Sự phục hồi mạnh mẽ sau đó đã diễn ra, đưa kinh tế Mỹ tăng trưởng 33,1% trong quý 3/2020 - mức tăng mạnh nhất trong lịch sử Mỹ.

Các nước cần chú ý đến vấn đề dịch bệnh, xã hội (khủng bố), ngoại giao để đảm bảo nền kinh tế phát triển không bị tác động.

**Câu 2:** Hãy nêu các biểu hiện cho thấy sự tăng cường hợp tác của tổ chức ASEAN trong thể ki XXI. Lợi ích của sự tăng cường hợp tác này là gì?

ASEAN đạt nhiều thành tựu quan trọng về chính trị an ninh, kinh tế, văn hóa-xã hội. Biểu hiện có thể kể đến: xây dựng và duy trì được môi trường khu vực hòa bình, ổn định và an ninh trong nhiều thập kỷ, là một tổ chức có uy tín và vị thế ngày càng cao, có quan hệ đối ngoại rộng mở, đóng vai trò trung tâm trong khu vực, được các đối tác, trong đó có tất cả các nước lớn, coi trọng, tăng cường hợp tác

Lợi ích: Đại dịch COVID-19 bùng phát đã làm gián đoạn các hoạt động của đời sống quốc tế. Tuy nhiên, dưới sự dẫn dắt của Việt Nam trong năm Chủ tịch 2020, ASEAN đã thể hiện sự chủ động thích ứng, kịp thời chuyển các cuộc họp và các hoạt động sang hình thức trực tuyến, qua đó duy trì được đà hợp tác liên kết khu vực, cùng nhau ứng phó với đại dịch. ASEAN đã nhanh chóng thông qua và triển khai các sáng kiến như thành lập Quỹ ASEAN ứng phó với COVID-19, thiết lập Kho dự phòng vật tư y tế khẩn cấp, đề xuất thành lập Trung tâm ASEAN về các tình huống y tế khẩn cấp và dịch bệnh mới nổi…, qua đó kịp thời huy động nguồn lực của ASEAN cũng như sự hỗ trợ của các đối tác cho công tác phòng chống dịch.

### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:**Năm 1997, lần đầu tiên ASEAN ra tuyên bố chung “Tầm nhìn ASEAN 2020", trong đó sự thống nhất khu vực được nhấn mạnh: “Sông núi không còn chia cắt mà gắn kết chúng ta trong hữu nghị và hợp tác”. Hãy sưu tầm 3 sự kiện chứng minh tinh thần “hữu nghị và hợp tác” của các nước ASEAN từ năm 1997 đến nay.

Khuôn khổ hợp tác khu vực do ASEAN khởi xướng và dẫn dắt: SEAN+1, ASEAN+3, Cấp cao Đông Á (EAS), Diễn đànk hu vực ASEAN (ARF)

Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 27 được tổ chức ở Thủ đô Cu-a-la Lăm-pơ (Ma-lai-xi-a, tháng 11-2015), lãnh đạo các nước ASEAN đã ký kết thông qua “Tầm nhìn ASEAN 2025: Cùng vững vàng tiến bước”

Thành lập Cộng đồng Chính trị-An ninh (APSC) có mục tiêu tạo dựng môi trường hòa bình và an ninh ở khu vực thông qua việc nâng hợp tác chính trị-an ninh ASEAN lên tầm cao mới, với 3 đặc trưng chính gồm: hoạt động theo luật lệ với các giá trị, chuẩn mực chung; gắn kết, hòa bình và tự cường, có trách nhiệm chung bảo đảm an ninh toàn diện; và một khu vực năng động, quan hệ rộng mở với bên ngoài.

**Bài 23: Công cuộc Đổi mới từ năm 1991 đến nay**

### **MỞ ĐẦU**

**Câu hỏi:** Từ Đại hội Đảng lần thứ VI (1986), Việt Nam bắt đầu đổi mới toàn diện trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh,... Đất nước phát triển, đời sống nhân dân bình yên, hạnh phúc. Đó là những thành quả ngọt ngào mà công cuộc Đổi mới mang lại. Từ năm 1991 đến nay, công cuộc Đổi mới tiếp tục diễn ra như thế nào và đạt được những thành tựu tiêu biểu gì?

Giai đoạn 1991 - 1995: Đất nước dần dần ra khỏi tình trạng trì trệ, suy thoái. Nền kinh tế tiếp tục đạt được những thành tựu quan trọng: đã khắc phục được tình trạng trì trệ, suy thoái, tốc độ tăng trưởng đạt tương đối cao, liên tục và toàn diện, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều vượt mức: GDP bình quân tăng 8,2%/năm; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 13,3%/năm; nông nghiệp tăng 4,5%/năm; lĩnh vực dịch vụ tăng 12%/năm; tổng sản lượng lương thực 5 năm (1991 - 1995) đạt 125,4 triệu tấn, tăng 27% so với giai đoạn 1986 - 1990

Giai đoạn 1996 - 2000: Đây là giai đoạn đánh dấu bước phát triển quan trọng của kinh tế thời kỳ mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mặc dù cùng chịu tác động của khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực (giai đoạn 1997 - 1999) và thiên tai nghiêm trọng xảy ra liên tiếp, đặt nền kinh tế nước ta trước những thử thách khốc liệt, tuy nhiên, Việt Nam vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng khá.

Giai đoạn 2001 - 2005: Sự nghiệp đổi mới ở giai đoạn này đi vào chiều sâu, việc triển khai Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và Kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 mà Đại hội IX của Đảng thông qua đã đạt được những kết quả nhất định. Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, theo hướng tích cực, năm sau cao hơn năm trước. GDP tăng bình quân 7,5%/năm, riêng năm 2005 đạt 8,4%; trong đó, nông nghiệp tăng 3,8%; công nghiệp và xây dựng tăng 10,2%; các ngành dịch vụ tăng 7%. Từ một nước thiếu ăn, mỗi năm phải nhập khẩu từ 50 vạn đến 1 triệu tấn lương thực, Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo lớn trên thế giới. Năm 2005, Việt Nam đứng thứ nhất thế giới về xuất khẩu hạt tiêu; đứng thứ hai về các mặt hàng gạo, cà phê, hạt điều; thứ 4 về cao su;…Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, sự ổn định kinh tế vĩ mô được duy trì, bảo đảm sự ổn định chính trị, xã hội, quốc phòng và an ninh, bước đầu phát huy được nhiều lợi thế của đất nước, của từng vùng và từng ngành; cải cách thể chế kinh tế, từng bước hoàn thiện các cơ chế chính sách quản lý và hệ thống điều hành; cải cách và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống tài chính, tiền tệ; phát triển nguồn và chất lượng lao động, khoa học và công nghệ;…

Giai đoạn 2006 - 2010: Nền kinh tế vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khá, tiềm lực và quy mô nền kinh tế tăng lên, nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, từ nhóm nước thu thập thấp đã trở thành nước có thu nhập trung bình (thấp). GDP bình quân 5 năm đạt 7%. Mặc dù bị tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu (từ cuối năm 2008), nhưng thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam vẫn đạt cao.

Trong năm 2011 đến nay, mặc dù sự phục hồi kinh tế sau khủng hoảng tài chính toàn cầu còn rất chậm nhưng vẫn được đánh giá cao hơn bình quân các nước trong khu vực. Nhìn chung, các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế đều có bước phát triển khá, trong đó sự phát triển ổn định trong ngành nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực đã bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; sản phẩm công nghiệp phát triển ngày càng đa dạng và phong phú về chủng loại, chất lượng được cải thiện, từng bước nâng cao khả năng cạnh tranh, bảo đảm cung cầu của nền kinh tế, giữ vững thị trường trong nước và mở rộng thị trường xuất khẩu; chú trọng đầu tư phát triển một số ngành công nghiệp mới, công nghệ cao; khu vực dịch vụ có tốc độ tăng trưởng ổn định.

### **1. Thành tựu kinh tế**

**Câu hỏi:**Dựa vào các tư liệu 23.2, 23.3 và thông tin trong bài, hãy trình bày từ năm 1991 đến nay nền kinh tế của Việt Nam từng bước phát triển theo hướng hiện đại hóa như thế nào.

Nền kinh tế tăng trưởn bền vững với quy mô ngày càng mở rộng. Từ năm 2008, Việt Nam đã ra khỏi nhóm nước và vùng lãnh thổ thu nhập thấp để gia nhập nhóm nước và vùng lãnh thổ thu nhập trung bình thấp

Công nghiệp – dịch vụ tăng trưởng mạnh, trở thành ngành kinh tế chủ lực của đất nước, chiếm 70% tỉ trọng GDP (2020)

Tham gia Tổ chức thương mại Thế giới WTO vào 2007, mở ra giai đoạn hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới .

### **2. Thành tựu về chính trị**

**Câu hỏi:** Hãy nêu các biểu hiện cho thấy Việt Nam đạt được sự ổn định chính trị và nâng cao uy tín trên trường quốc tế. Em có nhận xét gì về nguyên tắc “kiểm soát quyền lực" được khẳng định trong Hiến pháp năm 2013?

- Xây dựng nền tảng vững chắc liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ tri thức

- Nguyên tắc “kiểm soát quyền lực”

- Thiết lập quan hệ ngoại giao với 189/193 nước (2020)

- Xây dựng quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 30 nước

- Đảm nhận các trọng trách quốc tế quan trọng: Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch AIPA-41, Uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kì 2020 – 2021

Nguyên tắc “kiểm soát quyền lực" được khẳng định trong Hiến pháp năm 2013:

* Khẳng định chủ quyền của nhân dân: Hiến pháp 2013 khẳng định quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nguyên tắc kiểm soát quyền lực thể hiện sự giám sát của nhân dân đối với các cơ quan nhà nước, đảm bảo họ thực hiện quyền lực một cách công tâm, hiệu quả, phục vụ lợi ích của nhân dân.
* Đảm bảo sự phân công, phối hợp, cân bằng quyền lực: Hiến pháp quy định rõ ràng về sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước (Quốc hội, Chính phủ, Tòa án Nhân dân, Viện kiểm sát Nhân dân) thông qua các cơ chế kiểm soát quyền lực, đảm bảo sự cân bằng giữa các ngành quyền.
* Nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà nước: Việc kiểm soát quyền lực giúp phát hiện, ngăn chặn và sửa chữa sai sót, hạn chế lạm quyền, tham nhũng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của nhà nước.

### **3. Thành tựu văn hóa – xã hội**

**Câu hỏi:**Hãy nêu những thành tựu tiêu biểu nhất trong lĩnh vực văn hóa – xã hội ở Việt Nam từ năm 1991 đến nay.

- Đời sống nhân dân ổn định và nâng cao

- Quy mô giáo dục phát triển, từng bước đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao

- Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng từ 62,4 tuổi năm 1991 lên 73,6 tuổi năm 2020.

- Hệ thống cơ sở y tế được phát triển rộng khắp, trang thiết bị y tế được hiện đại hóa.

- Nền văn hóa Việt Nam được giữ gìn và phát huy, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, các hoạt động nghệ thuật phát triển mạnh mẽ, nhiều nghệ sĩ Việt Nam đạt được thành công quốc tế.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh từ 58,1% năm 1993 xuống 2,75% năm 2020.

- Bình đẳng giới được thúc đẩy, vai trò của phụ nữ được nâng cao.

### **4. Thành tựu về quốc phòng – an ninh**

**Câu hỏi:** Công cuộc đổi mới ở Việt Nam đã đem đến những thành tựu tiêu biểu nào trong lĩnh vực quốc phòng – an ninh?

- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyên và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc

- Bảo đảm an toàn về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội cho các sự kiện chính trị quan trọng

- Chỉ số hoà bình tăng 4 hạng lên vị trí 41/163

- Nền quốc phòng được hiện đại hoá, nâng cao

- Xây dựng thành công hợp tác quốc phòng, an ninh đa phương

### **LUYỆN TẬP**

**Câu hỏi:** Hãy lập bảng tóm tắt những thành tựu tiêu biểu của Việt Nam từ năm 1991 đến nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **Lĩnh vực** | **Thành tựu** |
| Kinh tế | - Tăng trưởng GDP: GDP bình quân đầu người tăng từ 200 USD năm 1991 lên 3.500 USD năm 2023.- Cơ cấu kinh tế: Chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.- Thu hút đầu tư: Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) bình quân đạt 17-18 tỷ USD/năm.- Xuất nhập khẩu: Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng mạnh. |
| Chính trị | - Xây dựng nền tảng vững chắc liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ tri thức - Nguyên tắc “kiểm soát quyền lực” - Thiết lập quan hệ ngoại giao với 189/193 nước (2020)- Xây dựng quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với 30 nước- Đảm nhận các trọng trách quốc tế quan trọng: Chủ tịch ASEAN, Chủ tịch AIPA-41, Uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kì 2020 – 2021 |
| Văn hoá – xã hội | - Giáo dục: Tỷ lệ biết chữ tăng từ 85% năm 1991 lên 97,5% năm 2020.- Y tế: Tuổi thọ trung bình tăng từ 62,4 tuổi năm 1991 lên 73,6 tuổi năm 2020.- Giảm nghèo: Tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh từ 58,1% năm 1993 xuống 2,75% năm 2020.- An sinh xã hội: Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện tốt, đời sống của người dân được cải thiện rõ rệt.- Đời sống nhân dân ổn định và nâng cao - Quy mô giáo dục phát triển, từng bước đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao- Hệ thống cơ sở y tế được phát triển rộng khắp, trang thiết bị y tế được hiện đại hóa.- Nền văn hóa Việt Nam được giữ gìn và phát huy, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, các hoạt động nghệ thuật phát triển mạnh mẽ, nhiều nghệ sĩ Việt Nam đạt được thành công quốc tế.- Bình đẳng giới được thúc đẩy, vai trò của phụ nữ được nâng cao. |

### **VẬN DỤNG**

**Câu hỏi:**Hãy sưu tầm những thành tựu trong công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1991 đến nay địa phương nơi em sinh sống. Chọn và giới thiệu một thành tựu tiêu biểu nhất.

Phát triển đô thị: Hà Nội đã mở rộng diện tích từ 921 km² năm 1991 lên 3.359 km² năm 2023. Hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư phát triển mạnh mẽ. Chất lượng môi trường được cải thiện rõ rệt.